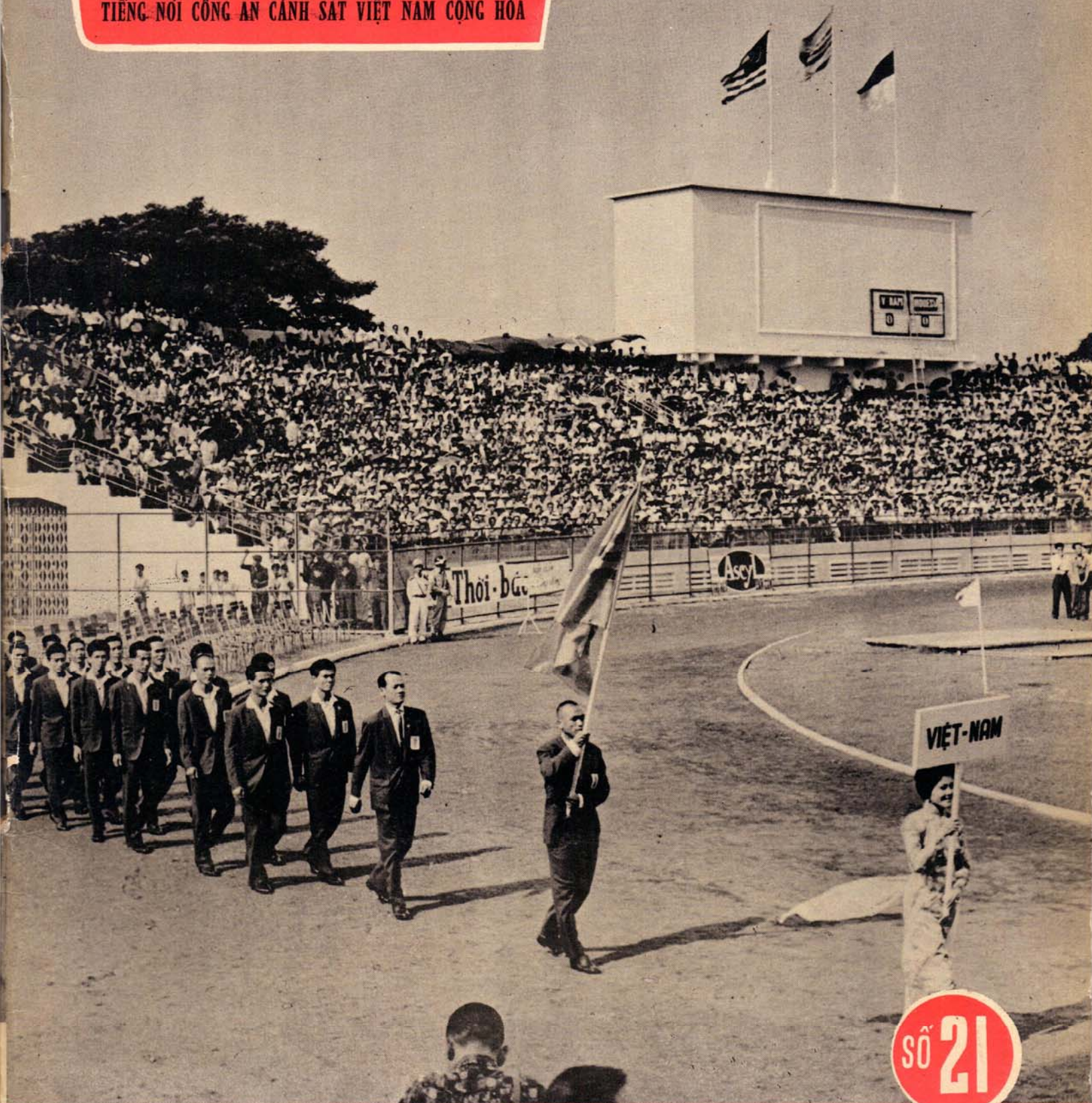


Wason
HV7879
V5 B2 +
no. 21

Ban Dân

TIẾNG NÓI CÔNG AN CẢNH SÁT VIỆT NAM CỘNG HÒA



SỐ 21

Ngày 15.11.1961



Tòa-soạn : TRUNG - TÂM HUÂN - LUYỆN
và TU - NGHIỆP CÔNG - AN CẢNH - SÁT
239, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon
Điện thoại : 24.822/95

Giám-đọc, Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY
Quản-lý : Nguyễn-phú-Vĩnh



Bìa trước



Đoàn túc cầu Việt-Nam
diễn hành qua khốan dài
(Giới Quốc, Khánh)

Ảnh: Thông-Tin

GIÁ BÁO :

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ
Một năm 100đ.

Bưu-phấn, Thư từ xin nhớ dán tem và gửi
cho ông Nguyễn-phú-Vĩnh.

239, Đại lộ Cộng-Hòa — Saigon



Cấm trích dịch, phỏng đặng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép xuất bản : Số 26-BTT/NĐ ngày 17-2-60
IN TẠI CHẤM-HƯNG. 72

Trong số này :

- ★ Tình trạng khẩn cấp BẠN DÂN
- Bức thư ngỏ của một công dân Việt Nam gửi Ủy Hội Quốc Tế kiểm soát đình chiến NGUYỄN-V-DÂN
- ★ Còn gì nữa Ủy Hội Quốc Tế DUY THANH
- Ý nghĩa một quyết định QUANG MINH
- ★ Tội dự lễ mãn khóa «Đông Đa» NGUYỄN-VĂN-ÍCH
- Giá trị lời khai của trẻ em PHẠM-TRỌNG-TÚ
- ★ Cảnh sát khoa học (tiếp theo) TRẦN-THÀNH
- Nhiếp ảnh tài tử NGUYỄN-C-CHÁNH
- ★ Giấc chiêm bao SONG-BỒ
- Tri và hãnh ĐINH-TRỌNG
- ★ Gián điệp Nga Sô hành động HOÀNG-LONG
- Một nông gia kỳ bí C. Đ. T.
- ★ Cái máy . . . điều tra viên NGUYỄN ĐẠI
- Lỗi lời hẹn ước CHÂU-Đ-THỊNH
- ★ Cảnh sát lưu thông tại Tân Gia Ba P. H. L.
- Nhân dân Công xã là gì ? Hoa-Hán và P.Thành
- ★ Từ cuộc săn bắt chiến tội phạm Đức Quốc Xã đến đoạn đầu đài Nuremberg LÂM TÙNG-SINH
- Lá thư tu nghiệp NGUYỄN-V-NGƯỜN
- ★ Bức tâm thư gửi người bạn cũ NGUYỄN-SINH

Bìa sau :



In bóng Giáo Đường

Ảnh : Văn-Thông

TỔNG THỐNG BAN BỔ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

— o —

THÔNG CÁO CỦA VĂN PHÒNG PHỤ TỔNG THỐNG

Tổng Thống ban hành sắc lệnh số 209-TTP ngày 15-10-61, nguyên văn như sau :

- Điều 1.** — Nay tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn thể lãnh thổ Việt-Nam kể từ ngày công bố sắc lệnh này cho tới khi có lệnh mới.
- Điều 2** — Luật lệ nào xét ra cần ngưng thi hành, sẽ được tạm đình chỉ áp dụng.
- Điều 3** — Các bộ trưởng chiếu nhiệm vụ, lãnh thi hành Sắc lệnh này.
Sắc lệnh này sẽ công bố theo thủ tục khẩn cấp.

Saigon ngày 18 tháng 10 năm 1961



LUẬT ỦY QUYỀN TỔNG THỐNG

BAN HÀNH CÁC SẮC LUẬT VÌ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

— o —

- Điều 1** — Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa, chiếu điều 42 Hiến Pháp và Sắc Lệnh số 209-TTP ngày 15-10-61 tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Ủy quyền Tổng Thống ban hành những Sắc Luật về các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia và điều động các nhân lực cần thiết.
- Điều 2** — Thời hạn ủy quyền quy định ở điều 1 là một năm kể từ ngày ban hành Luật này.
- Điều 3** — Luật này sẽ ban hành theo thủ tục khẩn cấp.

Tình trạng khốn cấp

CỘNG sản là một tai họa cho các dân tộc.

Vì Cộng sản là một thứ thực dân mới, một thứ đế quốc vô cùng gian ngoa quỷ quái, có đủ mọi thủ đoạn tàn ác dã man, áp dụng tùy nơi tùy lúc để thực hiện cuồng vọng bá chiếm hoàn cầu.

Người Quốc Gia Việt Nam đã ý thức được điều đó. Cho nên, ngay trong thời kỳ toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp, người Quốc Gia đã phải lặn lội trong thử thách gian nguy, vừa chống Thực dân vừa chống Cộng sản. Kịp đến năm 1954, những người Quốc Gia giác ngộ đã cương quyết phản đối Hội Nghị Quốc Tế lúc đó đang họp tại Genève để giải quyết vấn đề đình chiến ở Việt Nam. Người Quốc Gia chống cả Hiệp Định Genève cắt đôi lãnh thổ Việt Nam.

Người Quốc Gia từng có kinh nghiệm máu xương trong công cuộc chống Cộng, đã nhận thức kịp thời chiến thuật «Thả sâu khoét trái» của Việt Cộng trong sách lược thôn tính miền Nam Việt Nam và Đông Nam Á của phe Cộng Sản ngay từ 7 năm về trước.

Người Quốc Gia cũng đã nhận thức từ lâu rằng cuộc chiến đấu chống Cộng sản không phải là việc riêng tư, đơn độc của từng dân tộc, quốc gia nào. Mà cuộc chiến đấu đó là một cuộc chiến đấu lý tưởng trong cái thể liên lập, hỗ tương của những dân tộc và quốc gia tự do.

Nhưng những cường quốc lãnh đạo khối Thế Giới Tự Do đã quá chần chừ, dè dặt đến nông nổi, để cho đế quốc Cộng sản lấn tới, lấn mãi như vết dầu loang, chiếm lần chiếm hồi từng vùng một. Rồi Cộng sản lại tự tung, tự tác khiêu khích bằng cách thử cả dục mấy chục trái bom nguyên tử, gần như bất chấp cả Liên Hiệp Quốc.

Bởi thế, mặc dầu đã cố gắng trong 7 năm để vừa chống Cộng, vừa kiến thiết, Việt Nam Cộng Hòa ngày nay lại phải đương đầu với một hiểm họa mà chính người Quốc Gia đã thấy từ trước.

Tình trạng Việt Nam bắt đầu nguy khốn từ một năm qua, lúc ông Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống kiêm Phụ Tá Quốc Phòng kéo lên tiếng còi báo động : **TỒ QUỐC LÂM NGUY!** Nhưng từ một năm qua, hẳn thế giới tự do chưa cho tiếng còi báo động ấy là tiếng còi cấp cứu nên cứ mãi xử sự như một ông khổng lồ đứng giậm chân ở một chỗ, không dám nhúc nhích bước tới một bước, chỉ giải hò hét suông để mặc cho đế quốc Đỏ núp sau lưng bọn Việt Cộng xua quân sang Lào rồi len lỏi qua Việt Nam Cộng Hoà.

Ngày nay, cuộc xâm lăng của Cộng sản vào Việt Nam Cộng Hoà và Đông Nam Á là một sự kiện hiển nhiên.

Dư luận Quốc tế đã sôi nổi. Các báo chí trong Thế Giới Tự Do đã không ngớt xông xáo bàn tán. Các chánh khách quốc tế đã đồng thanh lên tiếng báo nguy :

Ông Bộ Trưởng Quốc Phòng Thái Lan, Đại Tướng Thanom Kittikachorn đã cho rằng tình hình Việt Nam rất «nguy hiểm» cũng như tình hình Đại Hàn trước đây 10 năm ; ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Felixberto Serrano và ông Ramon P. Mitra, Chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao Hạ Nghị Viện của Phi Luật Tân đã nhận định tình hình ở Việt-Nam rất «nguy hiểm» và là mối đe dọa nghiêm trọng cho nền an ninh các quốc gia khác ở Đông Nam Á ; ông Thôi Đức Tân, Đại Sứ Đại Hàn ở Việt Nam vừa mới về nước nhận chức Ngoại Trưởng và ông Edward Heath, thứ trưởng ngoại giao Anh cũng đã tuyên bố với báo chí rằng tình hình Việt Nam trở nên «nghiêm trọng» thực sự ; ngay đến Thái Tử Sihanouk, Thủ Tựớng Cam bốt cũng đã phát biểu ý kiến tại Hoa Kỳ rằng «ở Việt Nam thực sự đã có tình trạng xâm lăng»

Thực trạng của Việt-Nam lại được chính Ngô Tổng Thống nêu lên một cách rõ ràng trong bản thông điệp đọc trước Quốc-Hội ngày 2-10-1961 :

«Giờ đây, chúng ta không còn ở thời kỳ chiến đấu chống du kích nữa mà đang phải đương đầu với một cuộc chiến tranh thực sự. Địch thủ đã huy động nhiều đơn vị chánh quy, trang bị bằng những vũ khí nặng đủ loại ; tuân theo mệnh lệnh của Đế Quốc Đỏ, chúng tìm cách xâm chiếm một vị trí chiến lược quyết định ở Đông Nam Á».

Và chính vì thế mà ngày 15-10-1961, Vị Nguyên Thủ Quốc Gia Việt Nam đã ký sắc lệnh số 209 - TTP **«tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam... cho tới khi có lệnh mới».**

Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa cũng đã nhận thức kịp thời nên đã chiếu theo điều 42 của Hiến Pháp, biểu quyết luật, **«ủy quyền Tổng Thống ban hành những sắc luật về các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia và điều động các nhân lực cần thiết»** trong thời hạn 1 năm.

Tình trạng khẩn cấp đã được ban bố tại Việt Nam !

Hoàn cảnh nguy hiểm của Việt Nam và của Đông Nam Á đã quá rõ rệt !

Giờ đây, không còn là lúc chúng ta ngồi chờ trách móc các cường quốc của thế giới Tự Do, mặc dầu quả đúng họ đã có lỗi lầm to tát trong sứ mạng bảo vệ lý tưởng tự do của nhân loại, nói chung, và bảo vệ vùng Đông Nam Á, nói riêng.

Cũng không phải là lúc than van, buồn nản, tỏ ra ưu thời mẫn thế mà trên thực tế không làm được mấy may gì cụ thể.

Mà đây là lúc mọi người phải **quyết tâm vùng lên trong sự quật khởi mãnh liệt của toàn dân và trong thế liên minh chặt chẽ với các dân tộc trong khối Thế Giới Tự Do.**

Hiện tình của Đất Nước chúng ta chẳng khác trường hợp một cái nhà đang ngún lửa, sắp bị cháy to. Tuy nhiên, chưa phải là trễ, miễn chúng ta cương quyết đặt quyền lợi Tổ quốc và Dân tộc lên trên tất cả.

Tiếng còi báo nguy đang liên hồi giục giã !

Sự mất còn, vinh nhục của dân tộc Việt Nam sắp được quyết định trong giai đoạn lịch sử gay go hiện tại.

BẠN DÂN

BỨC THƯ NGỎ CỦA MỘT CÔNG DÂN VIỆT-NAM

Kính gửi

ỦY-HỘI QUỐC-TẾ KIỂM-SOÁT ĐÌNH CHIẾN

*Thưa Ông Chủ Tịch Ủy-Hội,
Thưa Ông Ủy-Viên Gia-Nã-Đại,*

BAY năm trước đây, khi Thực Dân cầu kết với Cộng-Sản hạ bút ký Hiệp định Genève chia đôi lãnh thổ Việt-Nam, tôi là một trong số những công-dân Việt-Nam đã khóc không ra tiếng. Chúng tôi đã khóc vì sau gần một thế kỷ bị ngoại-bang đô hộ và sau gần 10 năm chinh chiến, dân-tộc chúng tôi đã quá kiệt quệ không còn đủ sức vùng lên chống lại biện pháp vô nhân đạo ấy. Chúng tôi cũng đã khóc vì thầy bạn « Tuyên-ngôn Nhân-quyền » và « Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc » ký chưa phai mực thì hơn 13 triệu đồng bào xầu số của chúng tôi ở Bắc-Việt, chỉ vì tham vọng và lòng ích kỷ của con người, đã bị rơi vào nanh vuốt Cộng sản. Thực tại đã mở mắt cho chúng tôi thấy những danh từ cao đẹp như « Nhân Quyền », « Công Lý », nhiều lúc chỉ là những ngữ-pháp rỗng tuếch trước sức mạnh bạo tàn.

Mặc dù Nhân-dân và Chính-phủ Việt-Nam không thừa nhận Hiệp-Định Genève, chúng tôi cũng được tạm yên lòng khi hay tin Quý Ủy Hội ra đời. Ngoại trừ đại diện Ba-Lan thuộc khối Cộng-sản mà chúng tôi không muốn đề cập đến, chúng tôi cũng được tạm yên lòng là vì, dù sao trong Ủy Hội có 2 đại biểu Ấn-Độ và Gia-Nã-Đại, một thuộc khối Trung-Lập, một thuộc khối Tự-Do, đều là những Quốc Gia có những nền văn-

hóa cổ truyền và hơn nữa cũng là những dân tộc đã được nếm mùi bị ngoại bang thống trị ; chúng tôi tin rằng quý vị có đủ đa số và đủ thâm quyền để thi hành đúng đắn những điều khoản trong Hiệp-Định.

Hiệp Định Genève nói những gì ? Nếu chúng tôi không nhớ lầm, ngoại trừ những khoản về quân sự (như ngưng bắn, tập kết quân đội để rút lui về ranh giới vĩ tuyến 17, cấm không được xâm nhập vào lãnh vực của nhau) còn một khoản khác khả dĩ có thể cứu vãn phần nào nguyên tắc « Dân tộc tự quyết », là cả hai bên đều phải để nhân dân Việt-Nam hai Miền có quyền tự do chọn nơi cư ngụ.

Những nét đại cương về nhiệm vụ Quý Ủy Hội như vậy, chúng tôi thấy rất minh bạch, nhưng việc đầu tiên làm cho chúng tôi ngờ vực thiện chí của Quý Ủy Hội là từ 20-5-1955 đến 20-7-1955 làn sóng di cư từ Bắc vào Nam đang lên đến tột bậc thì Việt Cộng đơn phương tìm cách ngăn cản, chỉ cho một chiếc tàu cuối cùng chuyên chở đồng bào chúng tôi vào Nam. Hối đó Chính Phủ chúng tôi có nhờ quý Ủy Hội can thiệp, nhưng vô hiệu quả.

Cũng năm 1955, khi còn tạm đóng bàn doanh tại Khách sạn Majestic Saigon, quý Ủy Hội đã đề đại biểu Ba Lan dung dưỡng những cán bộ Việt cộng lén lút mưu quấy rối miền Nam, cho

nên quý Ủy Hội đã mang tiếng quá nhu nhược đến nỗi gần như a tòng, làm cho đồng bào chúng tôi vô cùng phẫn uất phải lên tiếng đòi tòng cổ bọn Việt Cộng về Bắc.

Biền cô làm cho chúng tôi thất vọng nặng nề hơn nữa là ngày 24.10.1956, một số lớn đồng bào chúng tôi ở Quỳnh Lưu và Ba Làng, quá ghê tởm những hành vi khát máu của Việt-Cộng, đã nổi lên chống đối với chúng và kéo nhau đến nhờ quý Ủy Hội can thiệp để được tự do di cư vào Nam, nhưng quý Ủy Hội làm ngơ mặc cho Việt Cộng tàn sát gần hết những đồng bào chúng tôi đã trót lầm đặt tin tưởng vào quý Ủy Hội

Từ ngày đó đến năm 1958, liên tiếp có hơn 80.000 đồng bào chúng tôi ở miền Bắc đã đến cầu cứu, van lơn quý Ủy Hội nhờ can thiệp để được vào Nam. Chúng tôi chẳng biết quý Ủy Hội có can thiệp hay không, nhưng kết quả hiển nhiên là chẳng một ai được toại nguyện và hơn 80 000 sinh linh can đảm ấy đã chết dần chết mòn ở các công trường hoặc tù ngục của Việt Cộng ở miền Bắc.

Cũng trong khoảng thời kỳ đó, tại miền Nam này gần 12.000 gia đình có thân nhân bị Việt-cộng cưỡng bách đi tập kết ở ngoài Bắc cũng đã làm đơn thỉnh cầu quý Ủy Hội nhờ can thiệp cho chồng, con, cha anh họ được trở về Nam đoàn tụ, nhưng quý Ủy Hội cũng làm thinh.

Gần một năm nay, Việt cộng chán lén lút quây rối bằng lời du kích, đã đương nhiên công khai khởi hân. Những trận đột kích ở Tây Ninh Kiên Hòa, những trận khởi diễn từ biên thùy Việt-Lào vào địa phận Kontum, và vừa đây trận Phước Thành đã minh chứng cụ thể hành động công khai xâm lăng của Việt cộng. Những hành vi trắng trợn của chúng đã làm cho các nước trong khối tự do rất xúc động và rất lo ngại cho tình hình Việt Nam. Trong số các nước đã lên tiếng có cả Anh Quốc, đồng Chủ tịch Hội Nghị Genève, nghĩa là cấp trên chính thức của quý Ủy Hội ; riêng chỉ có quý Ủy Hội không thấy phản ứng.

Trở trêu hơn nữa, ngày 1.10.1961, Đại Tá Hoàng-thụy-Năm, Trưởng Phái-Đoàn có nhiệm vụ đại diện Chính Phủ chúng tôi liên lạc thường xuyên với quý Ủy Hội, cũng bị Việt Cộng bắt cóc

nổi, vậy Việt Cộng còn coi quý Ủy Hội vào đâu nữa ? Chính Phủ chúng tôi đã phản kháng và yêu cầu quý Ủy Hội cấp tốc can thiệp để Việt Cộng trả lại tự do cho Đại Tá Hoàng thụy Năm, nhưng đợi đến 17 ngày sau, lúc mà Đại Tá Hoàng thụy Năm, sứ giả của chúng tôi bên cạnh quý Ủy Hội đã bị Việt Cộng chặt tay, rạch miệng, mổ bụng ném xác xuống sông và mổ yên mã đẹp rồi quý Ủy Hội mới trả lời « sẽ mở cuộc điều tra » !

Người dân Việt-Nam chúng tôi rất kinh ngạc về thái độ Quý Ủy-Hội và tự hỏi vì những lý do gì khiến Quý Ủy-Hội không dám lên tiếng. Mang danh « Ủy-Hội Quốc-Tê Kiểm-Soát Đình Chiền », lẽ đương nhiên Quý Ủy-Hội có nhiệm vụ làm « trọng tài », không thể đóng vai thụ động được. Chính Phủ chúng tôi phản kháng đúng hay sai, nhân dân Việt-Nam chúng tôi xúc động chính đáng hay hồ đồ, thiết tưởng Quý Ủy Hội cũng phải lên tiếng để chúng tôi biết đâu là sự thực.

Giả thử Quý Ủy-Hội tán đồng luận điệu của Việt Cộng mà cho rằng « Mặt Trận Còn đó Giải phóng miền Nam », thủ phạm những vụ quây rối, thủ phạm vụ bắt cóc và sát hại Đại Tá Hoàng Thụy-Năm, không phải là tổ chức của Việt Cộng, chúng tôi cũng kính mong Quý Ủy-Hội công khai tỏ rõ lập trường. Nhưng, nếu quả thực lập trường Quý Ủy-Hội là thế, chúng tôi sẽ vô cùng thất vọng cho danh từ « Quốc Tê Kiểm-Soát », vì có khó gì đâu, muốn điều tra xem « ai » là thủ phạm những vụ quây rối và bắt cóc, chúng tôi tưởng Quý Ủy-Hội chỉ cần liên lạc với Tòa Đại Sứ Úc-Đại-Lợi ở Sai-gon, hỏi Ô. Arthur Wilfred, một chuyên viên về sữa, người Úc, được biệt phái giúp việc tại Bền Cát bị Việt Cộng bắt cóc ngày 21.9 vừa qua cùng với người tài xế trên đường Bền.Cát Thủ - Dầu. Một, thì Quý Ủy-Hội sẽ rõ. Và nếu Quý Ủy-Hội còn nghi ngờ cả Ô. Arthur Wilfred, Quý Ủy-Hội có thể hỏi thẳng ngay Ô. Laurence Crozier, nhân viên Sứ Quán Úc Đại-Lợi, người đã được cử đi điều đình với Việt Cộng trong 8 tiếng đồng hồ liên tiếp để giải cứu Ô. Arthur Wilfred.

Đền như vậy mà quý Ủy-Hội cũng chưa đủ tin, người dân Việt-Nam chúng tôi phải tự hỏi rằng, giả thử Giáo-sư Hébert-May bị Việt cộng bắt cóc từ ngày 15-6-1961 trong lúc đang « tẩm sư học đạo » mà không phải là người Pháp nhưng là một công-dân Ấn-độ hoặc công-dân Gia-Nã-Đại, chúng tôi không hiểu quý Ủy-Hội sẽ ăn nói ra sao ?

Trong trường hợp Quý Ủy-Hội đồng ý với chúng tôi mà nhận định rằng «Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam» là tổ chức của Việt Cộng và Việt Cộng đã trắng trợn vi phạm Hiệp định Genève nhưng vì lý do này hay lý do khác, hoặc vì cả nê ông bạn Ba-Lan, quý Ủy-Hội phải làm thỉnh không dám lên tiếng, chúng tôi thiết nghĩ

như vậy Quý Ủy-Hội quả thực bắt lực hoàn toàn, bắt lực ấy đã biểu dương ngay trong nội bộ Quý Ủy Hội. Như trên chúng tôi đã trình bày, quý Ủy Hội có nhiệm vụ kiểm soát về «Quân sự» của Việt Cộng, nhưng đã hơn một lần phi cơ của Phái Đoàn Quý Ủy Hội ra Bắc muốn đáp xuống sân bay Hà nội, Việt cộng lại viện lý do «Quân sự» không cho hạ cánh, mà Phái Đoàn Quý Ủy Hội cũng phải cản rặng bay trở về Miền Nam, chúng tôi tự hỏi Quý Ủy Hội có bắt lực không và còn kiểm soát được gì nữa?

LỜI KÊU GỌI

NĂM nay Tết Cộng-Hòa,
 Không còn cảnh xa hoa,
 Vì trời làm bão lụt,
 Sáu tỉnh nước chan hòa,
 Dân trôi cả nhà cửa,
 Chết trâu, bò, lợn, gà,
 Đồng bào thực khổ đốn,
 Đang thống thiết kêu ca,
 Có người mất con, cháu,
 Cha, mẹ hay ông, bà,
 Thương nhất đờn trẻ nhỏ,
 Vang tiếng khóc oa oa.
 Tổng-Thống đi kinh lý,
 Mắt thấy lòng xót xa,
 Ngài về ký sắc lệnh,
 Tết cho làm gọi là,
 Các cuộc vui bãi bỏ,
 Không cho phép tiêu pha,
 Đề lấy tiền cứu trợ
 Vùng ngập lụt bao la,
 Thương dân Ngài nghĩ thế,
 Vạy đồng bào chúng ta,
 Hỡi các nhà từ thiện,
 Người ăn nên làm ra,
 Lá lành đùm lá rách,
 Câu tục ngữ nước nhà,
 Xin kẻ nhiều người ít,
 Góp gió thành bão mà,
 Đó là việc nghĩa cử,
 Xin đừng ai bỏ qua ;

HY-NHAN, NGUYỄN-ĐÌNH-UYÊN

Theo pháp lý, Hiệp định Genève do Pháp và Việt Cộng ký kết chúng tôi không thừa nhận, thì khi quân đội Viễn Chinh Pháp rút khỏi Việt Nam trả lại chủ quyền cho Chính Phủ chúng tôi, Quý Ủy Hội không còn lý do tồn tại. Tuy nhiên để chứng minh với Quốc Tế sự ưa chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam, Chính Phủ chúng tôi vui lòng để Quý Ủy Hội lưu lại một thời gian, đó là lòng thành và hảo ý của Chính Phủ chúng tôi, không phải là điều bó buộc.

Kính thưa Ông Chủ Tịch.

Kính thưa Ông Ủy Viên.

Dù còn đang ở trong tình trạng kém mở mang vì hậu quả 80 năm đô hộ và 10 năm chinh chiến, dân Việt Nam chúng tôi cũng còn được ông cha dạy cho biết rằng làm người phải tu-dưỡng lấy chữ «Dũng» trong đạo người «Quân tử». Nếu không có cái «Dũng» dám nói ra sự thật trước uy vũ thì cũng phải có cái «Dũng» biết rũ áo rút lui trước sự bất bình. Ngoại trừ đại biểu Ba Lan thuộc thành phần Cộng sản, (hạng người lấy bá đạo, xảo trá, độc ác làm phương châm không đáng nói đến), chúng tôi vẫn còn tin tưởng rằng 2 phái đoàn Ấn Độ và Gia Nã-Đại gồm toàn nhân vật có phong độ người «quân tử». Nếu biết mình không thể làm tròn được nhiệm vụ, chúng tôi thiết nghĩ quý Ủy Hội cũng nên tuyên bố tự giải tán, đừng để cho nhân dân Việt Nam chúng tôi phải coi Quý Ủy Hội như cái gai trước mắt, và cũng miễn cho Chính Phủ chúng tôi khỏi phải buộc lòng chấm dứt nhiệm vụ quý Ủy Hội.

Mây lời thô thiển nhưng thành thực, kính mong quý Chủ Tịch và Quý Ủy Viên lượng xét.

Trân trọng kính chào,

NGUYỄN-VĂN-DÂN

CÒN GÌ NỮA...

ỦY - HỘI QUỐC - TẾ

★ DUY - THANH

NHƯ mọi người đã biết, ngày 1-10-61 Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm, Trưởng Phái Đoàn Việt-Nam giao dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế, trong khi về thăm trại tại quận Dĩ-An tỉnh Biên-Hòa, đã bị Việt-Cộng dùng vũ-khí uy hiếp và bắt cóc. Ngay sau khi xảy ra nội vụ, Bộ Ngoại Giao Việt-Nam Cộng-Hòa đã gửi Điện văn cho Ủy-Hội Quốc-Tế đề phân kháng và yêu cầu Ủy-Hội hãy sử dụng tất cả mọi quyền hạn đã được quy định theo Thỏa Hiệp Genève bắt buộc ngụy quyền Việt-Cộng phải cấp thời trả lại tự do cho Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm.

Trong lúc dư luận thế giới cũng như trong nước không ngớt bàn tán xôn xao và nóng lòng chờ đợi sự can thiệp hữu hiệu của Ủy-Hội thì ngày 17-10-61 người ta phát giác có một tử thi trôi giạt vào phía cầu Bình-Lợi thuộc tỉnh Gia-Định. Nhà chức trách đã cho vớt tử thi, nhưng vì trong người nạn nhân không có một giấy tờ gì cả, hơn nữa lại có nhiều dấu vết khả nghi nên Biện-Lý Cuộc đã chỉ thị cho cơ quan Giáo-nghiệm Hành chánh và Tư-pháp đến điều tra bổ túc.

Theo sự quan sát của chuyên viên giáo nghiệm thì hình vóc kẻ bạc mạng như sau :

— Về gương mặt : Trán trợt, sói, đầu vò ra phía sau (longueur de tête : 220m/m).

— Về răng : Hàm trên có một răng cửa bên phải bị vỡ, hàm dưới có cầu hàm để gắn một răng giả (2ème molaire gauche), chân răng cửa hơi đen (có lẽ dính nhựa thuốc).

— Về quần áo : Kẻ bạc mạng mặc áo cụt tay 3 túi, có dấu hiệu may « Văn-Lan », quần cụt lót có lỗ đặc biệt.

— Thẹo riêng : Có một dấu thẹo trên bụng, dưới thắt lưng.

— Dấu tay : Lấy được dấu tay của ngón trỏ trái, ngón giữa trái và ngón út trái ; ngón trỏ trái và ngón giữa trái hình thức vân tay thuộc loại Stratification intermédiaire, ngón út trái hình thức vân tay thuộc loại Stratification gauche.

Nhận thấy tử thi có hình dáng liên hệ đến Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm nên nhà chức trách đã cho mời bà Hoàng-Thụy-Năm đến nhận diện. Mới thoạt nhìn thấy những mảnh quần áo còn sót lại trên tử thi, bà đã nhìn nhận chính là quần áo Đại-Tá mặc trong ngày bị bắt cóc. Ông Hiệu, Bác sĩ Nha Y, là cháu của Đại-Tá cũng được mời đến ; nhìn hàm răng kẻ bạc mạng, Bác sĩ Hiệu đã nhận ngay rằng hàm răng đó là hàm răng của Đại-Tá mà cách đây hơn 1 tháng, chính Bác-sĩ đã chữa cho Đại-Tá. Vết thẹo trên bụng tử thi, bà Hoàng-Thụy-Năm cho biết là vết mà trước đây Đại-Tá đã giải phẫu để cắt ruột thừa. Sự kiện này cũng được các Bác-sĩ Y-Khoa xác nhận. Đối chiếu các dấu tay đã thâu thập được với các dấu tay trên danh chỉ bản của Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm thì các chuyên viên giáo-nghiệm đều xác nhận cùng hình thức :

— Ngón trỏ trái đồng hình thức với ngón trỏ trái của Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm.

— Ngón giữa trái đồng hình thức với ngón giữa trái của Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm.

— Ngón út trái tìm thấy những chi tiết sau đây :

— 1 thẹo nằm ngang dưới trung-tâm-diềm.

— 1 đường vân cụt dụng tam phân diềm mặt (dưới).

— 1 đường vân tách nhánh ở phía trên bên trái dấu tay.

— 1 đường vân tay tách nhánh (thứ hai), cách khoảng với đường tách nhánh trước bằng 5 vân tay.

Những chi tiết này đều giống như những hình thức trên dấu tay của Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm khi sinh thời ; do đó các cơ quan Giáo-nghiệm Hành-Chánh và Tư-pháp đều xác nhận rằng tử thi đó chính là xác Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm.

Tin Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm bị Việt-Cộng sát hại rồi thả trôi sông được loan truyền như một tiếng

sét nỏ. Dư luận các giới ở thủ đô cũng như ở các tỉnh vô cùng căm phẫn. Sự phẫn uất của đồng bào càng lúc càng sôi sục khi mọi người được biết Việt-Cộng đã hạ sát Đại-Tá một cách vô cùng dã man quá sức tưởng tượng, qua những dấu vết còn in rõ trên thi hài : hai tay bị chém hai vết, miệng và cổ bị in dấu 2 đường giây xiết mạnh, hai chân bị trói bằng giây thừng.

Thật là rõ rệt : bọn Việt-Cộng, tay sai của Đế-quốc Đờ đã đập lên dư luận thế giới loài người bằng những hành động tàn ác, hành động của loài thú dữ, uống máu đồng loại không biết tanh.

Nhân dân Việt-Nam đã căm thù, càng căm thù bọn Việt-Cộng đến tận xương tủy.

Nhưng nhân dân Việt-Nam cũng vô cùng bức tức trước thái độ của Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát Đình Chiến.

Từ trước tới nay, nhất là trong những ngày gần đây, núp dưới danh nghĩa « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam », bè lũ Việt-Cộng đã gây nên biết bao tội ác ở trên lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa. Chúng đã không đếm xỉa gì đến Thỏa-Hiệp Genève, đến Ủy-Hội Quốc-Tế, đã trắng trợn vi phạm những điều mà chính chúng đã hạ tay ký kết. Chúng không từ một hành động muông thú nào ; chúng đã sát hại, khủng bố, thủ tiêu biết bao nhiêu lương dân vô tội ; hành vi côn đồ bỉ ổi, hung hãn, ác ôn của chúng đã bị nhân dân và dư luận khắp nơi phỉ nhổ và lên án ; chính Ủy-Hội Quốc-Tế cũng đã phải lên tiếng xác nhận những tội trạng ngập trời của chúng.

Thế mà trước những tội ác của Việt-Cộng đã rành rành với đầy đủ những chứng minh cụ thể, Ủy-Hội Quốc-Tế vẫn cứ do dự, thiếu cương quyết, đã không có những biện pháp thích nghi để trừng phạt và ngăn cản. Cho nên, được chân lân đến đâu, Việt-Cộng không cần dè dặt gì cả, ngang nhiên tiến thêm một bước nữa là bắt cóc và sát hại ngay nhân viên của Ủy-Hội. Sự kiện đó chứng tỏ rằng Việt-Cộng khinh rẻ Ủy-Hội, bất chấp tất cả mọi luật lệ và chà đạp lên danh dự và uy tín của Ủy-Hội.

Thật vậy, Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm là người đã được Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đề cử để trực tiếp cộng tác với Ủy-Hội, vì mặc dầu không tán thành và ký kết Thỏa-Hiệp Genève nhưng vì tôn trọng và yêu chuộng hòa bình mà sự mạng của Ủy-Hội là phụng sự hòa bình nên Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã thành khẩn hợp tác và giúp đỡ. Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm hằng ngày giao dịch với Ủy-Hội, có thể nói Đại-Tá là người của Ủy-Hội, Đại-Tá được



Đại-Tá Hoàng-thụy-Năm

coi như là một nhân viên Quốc-tế, một sứ giả hòa bình, một nhân vật có quyền bất khả xâm phạm. Thế mà Việt-Cộng không nề nang tôn trọng, dám bắt cóc và sát hại một cách tàn nhẫn như thế thì còn gì là thể diện và uy tín của Ủy-Hội nữa.

Trong công cuộc chống Cộng để bảo vệ đất nước, sự hy sinh của cá nhân Hoàng-Thụy-Năm hay một sĩ quan Việt-Nam Cộng-Hòa như Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm là chuyện đương nhiên cũng như trong hàng ngũ tự do còn có biết bao chiến sĩ sẵn sàng tiến lên để hoàn thành sự nghiệp cách-mạng. Nhưng trước cái chết thảm thương của Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm với danh nghĩa là Trưởng Phái Đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa giao dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế, là nhân viên của Ủy-Hội trong khi Ủy-Hội có trách nhiệm kiểm soát

(Xem tiếp trang 59)

Ý NGHĨA

MỘT QUYẾT-ĐỊNH

Từ trước đến nay, bất cứ một quốc gia độc lập nào trên thế giới đều có một ngày lịch sử trọng đại của mình: ngày Quốc-Khánh. Vì nó là ngày khai nguyên một quốc gia, một chế độ, cho nên hàng năm cứ đến ngày kỷ niệm đó, toàn thể quốc dân long trọng cử hành cuộc liên hoan toàn quốc.

Cũng như các quốc gia độc lập khác, Việt-Nam Cộng-Hòa cũng có ngày lịch sử trọng đại ấy: ngày Quốc-Khánh 26-10.

Và Dân tộc Việt-Nam từ năm 1955 đến nay đã bao lần tung bừng kỷ niệm ngày Quốc-Khánh trong một niềm hoan hỷ vô biên.

Nhưng năm nay, trong lúc mọi người nô nức chuẩn bị cho ngày Tết Cộng Hòa 26-10 thì thủy nạn lại bất thần xảy ra ở miền Tây Nam Phần làm cho gần cả 400.000 đồng bào phải một phen điêu đứng, nhà cửa hư sập, mùa màng bị chôn vùi dưới làn nước bạc, tài sản, gia súc bị tiêu tan theo ngọn thủy triều.

Máu chảy ruột mềm!

Tai họa của đồng bào miền Tây là tai họa chung của dân tộc. Đồng bào miền Tây đau khổ là toàn dân đau khổ.

Cùng đau cái đau khổ của đồng bào bị thủy tai, Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm đã ngỏ lời tâm huyết hiệu triệu toàn thể nhân dân hết lòng cứu trợ, giúp đỡ đồng bào bị nạn. Và Tổng Thống đã quyết định bỏ hết các kinh phí về lễ Quốc Khánh để đem giúp các đồng bào lâm nạn.

Quyết định của Vị Lãnh tụ dân tộc đã gây một xúc động mạnh trong mọi giới!

Nhiều cuộc vui của nhân dân chuẩn bị cho ngày Quốc-Khánh được hủy bỏ, nhưng mọi người lại thấy vui hơn trong sự tương thân, tương trợ, lá lành đùm lá rách. Thêm một lần nữa, mọi người được thấy rõ lòng nhân đạo, ưu ái của Tổng-Thống đối với nhân dân qua việc làm cụ thể.

Thật vậy, đối với những kẻ đang chịu cảnh khốn đốn về vật chất, làm khi chỉ một lời ủy lạo cũng có thể làm vui đi nổi thông khổ của họ. Cũng vậy, đồng bào bị lụt miền Tây mặc dầu sống trong cảnh nhà trôi cửa giạt, đồng bào vẫn thấy lòng mình ấm lại khi tiếp nhận được sự giúp đỡ của Chính-Phủ do quyết định của Ngô-Tổng-Thống. Với sự vor vét trắng trợ, không cần trau ngọt chuốt ngon của bọn cầm quyền Phong-kiến và Thực-dân, với nhưng giọng kèn tiếng quyền che đậy bên ngoài một chính sách bóc lột tận xương tủy của bè lũ thông trị Cộng-Sản, tất cả những roi đòn đó đồng bào miền Tây đã nếm qua nhiều rồi. Bây giờ đây, một lần

nữa, nguyện vọng sâu thẳm tận đáy lòng của đồng bào miền Tây — nguyện có được một Vị Lãnh đạo « bảo dân như xích tử » — được thỏa mãn.

Trong vòng 7 năm nay, Ngô Lãnh Tụ không « tôi hứa » « tôi sẽ » mà chỉ « tôi đã quyết định » hoặc « tôi quyết định ». Và mỗi lần Người quyết định là mỗi lần quốc cường dân thịnh. Người đã quyết định không thừa nhận văn tự bán nước gọi là « Hiệp-Định Genève 54 », quyết định mở cuộc trưng cầu dân ý tiền đề thành lập chế độ Cộng-Hòa Nhân-Vị, quyết định triệt để bài Phong, đã Thực, diệt Cộng, quyết định thanh toán các giáo phái phản loạn, quyết định thanh trừng bọn quan liêu, hối lộ — tàn tích của thực dân phong kiến còn rơi rớt lại — để lãnh mạng hóa chánh quyền, quyết định bài trừ tư đồ tướng để lãnh mạng hóa xã hội, quyết định thiếp lập dinh đình, mở khu trừ mật, cải cách điền địa, cải cách quy chế lao động v.v... nhằm thăng tiến cán lao, đồng tiền xã hội. Và lần này, Người lại quyết định đem kinh phí cho ngày Tết Cộng-Hòa để cứu trợ đồng bào bị nạn lụt tại các tỉnh miền Tây.

Quyết định của Tổng Thống còn có một ý nghĩa không kém sâu sắc trên phương diện bảo vệ Tổ Quốc chống lại họa xâm lăng Đờ.

Cho đến ngày nay, không một ai còn có thể chối cãi được rằng bè lũ đế quốc Cộng-sản đang xoay đũa bàn xâm lược về Việt-Nam Tự Do. Và người ta cũng không thể chối cãi được rằng trên một trận tuyến phòng ngự xâm lăng, bất cứ một nơi nào xảy ra cảnh khốn đốn lâm than thì nơi đó chính là lỗ nẻ mời đón quân xâm lược. Hơn ai hết, vị Lãnh Đạo Tỏi cao của Việt-Nam Tự Do — Tổng Thống Ngô Đình Diệm — đã thấu suốt được cái lẽ tồn vong ấy của quốc gia, dân tộc, cho nên Người đã « quyết định bỏ hết các kinh phí về lễ Quốc-Khánh để đem giúp các đồng bào lâm nạn ».

Biết kịp thời đối phó với biển cờ trọng đại, đó là minh dảm để ra biện pháp thoát khỏi khung sáo thông thường, đó là anh. Sóng nước Cửu Long Giang nhận chìm 400.000 đồng bào miền Tây vào cảnh nheo nhóc lâm than quả là một biển cờ trọng đại; ra lệnh bãi bỏ một cuộc lễ nghi long trọng trong ngày Quốc-Khánh quả là một việc làm thoát khỏi tập lệ thông thường. Như thế, quyết định đình chỉ mọi cuộc vui chơi công cộng trong ngày Tết Cộng-Hòa để đem số kinh phí đó kịp thời đối phó với nạn lụt miền Tây, quả là một việc làm ANH MINH. Và, đứng trước hiểm họa xâm lăng của Cộng-sản, việc làm anh minh ấy chính là một biện pháp cứu quốc vậy.

QUANG MINH

MẤY hôm nay, mưa gió xập xủi, tôi chạy rong khắp phố phường Đô Thành, cùng anh em trong Ban Vận Động thi đua tạo kết quả để tổ chức cuộc đón tiếp 50 vị Chiến sĩ Anh hùng diệt trừ Cộng Phỉ nhân Lễ Quốc Khánh 1961; công tác hào hứng thật song lo cho tròn cũng đến « hết », người!

Sáng nay, 14-10-61 tôi đang cắm đầu vào tám bản đồ Đô Thành để dò đường kiểm địa chỉ các nhà Mạnh thường Quân thi bổng nhận được thiệp của Ban Giám Đốc Trung Tâm Huấn Luyện mời « xơi cơm » và dự khán đêm trình diễn Ca, Nhạc Kịch, dự lễ phát bằng cho các vị Trưởng Chi tân khoa vừa mãn khóa VII. Thật là hân hạnh! Nhưng Ban Biên tập lại cử viết bài phóng sự về Lễ Mãn Khóa để cống hiến độc giả Bạn Dân thi quả thật là... bất hạnh! Một bã cả người, cạn cả nguồn văn! Ăn đã vậy, múa gậy thi... nó khỏe con người, song múa bút thi lại... hao người và tốn thọ lắm! Tuy nhiên, nghĩ đến thiên « hức của một « ký không giả » và thịnh tình của bạn đọc thi... lại hăng ngay!

Phóng sự

TÔI DỰ



Đại Tá Phó Tổng Giám-Đốc C.S.C.A. đại diện Thiếu Tướng Tổng Giám-Đốc trao bằng và cờ danh dự cho thủ khoa khóa VII trường chi

LY RƯỢU ĐOÁN ĐÌNH

Chiều nay đẹp trời, tôi « lên khung » chỉnh tề quần áo, thủng thẳng trình trọng đến Trung Tâm để dự tiệc liên hoan cùng quý vị trong Ban Giám Đốc và anh em khóa sinh trong BỮA CƠM TẠM BIỆT.

Bước chân vào phòng ăn tại Câu lạc bộ, tôi hoa cả mắt vì hơn 200 luồng nhìn tuyền sáng quắc của cử tọa cùng chiếu thẳng vào mặt mình, tai tôi ù lên vì những lời chào, hỏi và...

cười! Tôi tự kiểm thảo thì ra... tôi đến trễ!! Đen thật! Được ngồi cùng 2 vị Chánh, Phó Giám Đốc cùng quý vị trong Ban Giảng Huấn, tôi mới hơi yên tâm; định thần nhìn ra thấy: Bàn của vị Giám Đốc kê ngay ở đầu phòng, kế là 2 giấy bàn dài, kê thẳng tắp đến tận cuối phòng; khóa sinh mãn khóa cùng ngồi lẫn lộn với các khóa sinh của hai khóa 8 và 9 còn đang học, thật ấm cúng, thân mật và vui vẻ cả làng!

Chả cần phải có tài quan sát siêu đẳng cứ nhìn «trộm» và «đoán non»

★ của Nguyễn - văn - Ích

LỄ MÃN KHÓA « ĐÔNG ĐÀ »

Lớp Huấn-Luyện Trưởng Chi Công-An Cảnh-Sát Trung-Cấp Saigon Tại Trung-Tâm Huấn-Luyện

cũng nhận ra ngay rằng, trong số cử tọa ấy, ai là tân khoa vừa mãn kỳ «đèn sách» và ai là khóa sinh còn đang tông học, chưa đủ ngày «hạ san» ! Thực là :

Gắm từ trộm liếc dung nhan

*Chàng thủ khoa, cũng mãn trường...
sắp ra !*

Rõ rệt lắm, trông dung mạo các vị tân khoa, sao mà nó tươi và sáng như... gương tàu ! Cái thích thú đó, phải chăng là nguồn hoan lạc của kẻ sĩ đã thấy «bảng hồ đề tên», tay mang chén ngự tửu, trên mình xúng xính cân đai sửa soạn «áo gấm về làng, vinh quy bái tổ» (quên áo đồng phục, về đơn vị.) Còn cái dung nhan của các vị đang thời kỳ «xôi kinh nấu sừ», chưa được hạ san thì sao mà nó «trăm» thế !

Ngày xưa, 72 vị môn đệ của Đức Khổng Phu Tử, đã liệt vào hàng đại hiền cao đệ là phải đủ tài «thân thông lục nghệ»: LỄ, NHẠC, XẠ, NGŨ, THU, SỐ. Ngày nay khóa sinh tốt nghiệp tại lò đào tạo C.S.C.A. là phải «thành thạo bát môn»: HÌNH (luật) Tư (pháp) HÀNH (chánh) CĂN (cước) TÍNH (báo) CHÁNH (trị) TÁC (xạ) THỀ (dục) v.v... và v.v... toàn là các môn căn bản và «độc» cả, yếu một môn là bị... đập trúng vô xoài liền ! Có lẽ vì đó mà anh em lo ; chẳng trách ngồi «trăm ngâm» là phải, đoạn trường còn lắm... nhíp cầu chành vênh ! !

Nói lại BỮA CƠM TẠM BIỆT, những ai có mặt trong bữa cơm tuy đạm bạc, nhưng được tinh thần ấy đều nhận thấy cái không khí buồn, vui lẫn lộn.

Vui là : các tân khoa vừa chu toàn một công việc khó khăn, vất vả, tốn trí hao tâm, suốt 3 tháng trường luôn luôn lo nghĩ về học tập thi cử lúc nào cũng gần gũi đạo đức tác phong, với những phút tinh thần căng thẳng vì gặp đề thi khó, những giờ «bã cả người» vì môn diu đồ, run cả gối vì môn tác xạ, những lúc «giật gân» vì tiếng hét của ông Giám thị ! Núi tuy cao nhưng vẫn có đường trèo, tất cả mọi khó khăn đã vượt qua, những hiểu biết căn bản về những chuyên môn đã (được thấu thái, giờ đây

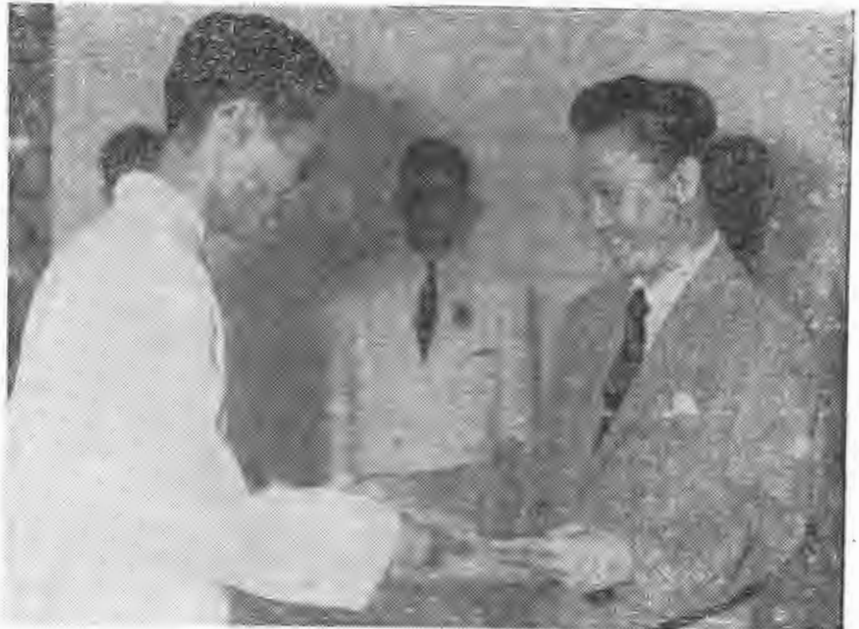
trước bữa cơm thân mật, tinh thần nghĩa bạn được dịp thổ lộ, nhỏ to tâm sự, cho «mặn» này bỏ «nhạt» ngày xưa ! Lúc này anh em mới rõ kỹ luật chỉ là cái khuôn vàng tạo cho anh em một tinh thần, tác phong, đạo đức mới, xứng đáng là cấp chỉ huy, cán bộ gương mẫu hợp với chế độ và nhu cầu mà thôi, không phải do lòng yêu hay ghét mà sinh ra sự khắt khe, cứng rắn.

Còn, buồn là : sau thời gian lưu học, một đêm năm, một năm ở, sớm hôm thầy bạn thân yêu rồi

hắn đã đúng cả vị, với tài năng mới, tinh thần mới, trong giai đoạn mới, người Cán bộ Công an Cảnh Sát ngày nay sẵn có cái hùng khí của những trang tráng sĩ TRẦN LỄ muôn thuở, lòng còn lo về nhiệm vụ, máu còn sôi vì kẻ thù Phỉ Cộng làm sao mà có thì giờ «đề sầu lắng tâm tư, ủy mị như ý của cầu thơ» ? Có phải thế không thưa các vị Tân khoa Khóa VII ?

MỘT ĐÊM VĂN NGHỆ HAY, LẠ

Sau bữa cơm là cuộc trình diễn ca, nhạc, kịch do Ban Giám Đốc



Ông Chánh Văn Phòng, Giám-Đốc Trung Tâm Huấn-Luyện C.A.C.S. Trung Cấp trao bằng cho khóa sinh đậu thứ nhì

đến lúc mọi tâm hồn vừa cởi mở thì lại là lúc sắp sửa tạm biệt, kể về người ở, tản mác trên con đường phục vụ, biết lúc nào lại có dịp trở lại mái trường ấm cúng với tình thầy, bạn mến thương ! Có ai nhìn kỹ, sẽ thấy trên miệng những ly bia tràn bọt trắng, hắt hiu một ánh mắt buồn buồn ! Tay cầm ly rượu đoản đĩnh mà lòng các vị tân khoa hẳn đều tràn ngập tình lưu luyến, chắc nhớ tới câu : Sở khanh lộng địch, Ly đình văn, Quân hượng Tiêu Tương, Ngã hương Tần ! (Ly đình địch thời vừa xong, bạn sang bến Sở ta trông lâu Tần). Nghĩ thế thôi, chưa

Trung Tâm tổ chức. Cuộc trình diễn hôm nay gồm có nhiều màn ca, vũ, nhạc, kịch do các Ban Tây Thanh và Tinh Võ cùng Đoàn Hương Đạo Cảnh Sát Đô Thành phụ trách.

Phần trang trí tuy đơn sơ song phần nội dung khá súc tích và hào hứng.

Ngoài giàn nhạc Nha Cảnh Sát Đô Thành, nét độc đáo của Ban Tây Thanh là giàn nhạc với các nhạc khí cổ của Trung Quốc. Ban

(Xem tiếp trang 53)

GIÁ TRỊ

VỀ LỜI KHAI CỦA TRẺ EM

★ PHẠM-TRỌNG-TÚ

CỒ nhân thường quan niệm rằng, khi ra ngoài muốn hỏi thăm đường hay muốn hỏi han một việc gì thì nên tìm đến một người già cả vì lẽ những vị này tương đối có nhiều kinh nghiệm và thêm nữa, tuổi tác của họ không cho phép họ nói dối.

Trái lại, khi trở về thì lại nên hỏi trẻ em những việc đã xảy ra ở nhà. Trẻ em, với khối óc ngây thơ sẵn có, sẽ kể hết cho nghe, không giấu diếm.

Như vậy, cồ nhân đã căn cứ ở câu tục ngữ : « Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ ».

Lời nói trên đây có phần đúng về trường hợp ra đường hỏi người già cả. Còn về việc « về nhà hỏi trẻ » thì chưa chắc đã có giá trị tuyệt đối.

Câu chuyện « Thiếu phụ Nam xương » đã từng cho biết chỉ vì tin theo lời trẻ mà người chồng, sau khi tòng quân về, đã nghi oan cho vợ có ngoại tình khiến người trinh phụ phải phó thân cho giòng nước để thanh minh cho tấm lòng trong trắng.

Dưới đây, chúng ta hãy thử phân tách tâm lý của trẻ em trong lời khai chúng.

★

CÓ thể nói rằng trẻ em hầu như không biết diễn tả đúng với sự thực. Chúng chưa đủ điều kiện về sinh lý và tâm lý để phân biệt giả chân. Trong những câu chuyện kể lại, chúng hay thêm thắt, xuyên tạc vì lẽ trí não của chúng chưa được phát triển hoàn toàn. Chúng không thể quan niệm ngoại cảnh như những người trưởng thành, nhất là về việc nhận xét liên quan đến tốc độ, khoảng cách hay hình dáng to lớn.

Nhìn một vật trước mắt, chúng có thể hiểu được vật đó nhưng khi phải diễn tả bằng lời nói thì chúng lại sẽ diễn tả theo ý chúng, theo quan niệm riêng, khiến cho người lớn khó lòng mà hiểu nổi. Đây là chưa kể nếu

gặp những câu chuyện phức tạp phải kể lại thì sự diễn tả lại càng khó khăn gấp bội. Chúng không đủ từ ngữ cần thiết để dùng và lời nói thì lại không được rõ rệt.

Trẻ em thường không có định kiến trong lời khai. Phần nhiều, những lời nói của người lớn thường có ảnh hưởng tới em.

Trong trường hợp lấy khai một em nhỏ, nếu nhà chức trách tìm cách nhắc em trong lời khai, thì em sẽ lặp lại y như lời đã nhắc. Rồi thì mỗi cử chỉ, mỗi ý kiến của nhà chức trách cũng đều có tính cách như nhắc khéo em phải khai như vậy.

Nếu em bị chất vấn thì em sẽ đọc thuộc lòng những lời em đã khai hoặc những lời mà vô tình nhà chức trách đã nói lộ ra. Có em lại phản ứng lại bằng sự im lặng hoàn toàn hay khai không biết chi hết. Theo trí non nớt của em nhận xét thì mỗi câu chất vấn như vậy đều là một cạm bẫy.

Trái lại, nhiều em lại ưa khai rất nhiều, theo đà tưởng tượng riêng biệt của mỗi em hết như những chuyện ngụ ngôn hay những chuyện thần thoại.

Em sẽ bịa ra những tai nạn, những vụ phạm pháp, tưởng tượng mà em cho rằng vô hại. Nhiều em khai những chuyện không hề có mà vẫn yên trí là chuyện có thật khiến cho mọi người xung quanh phải cảm động, tin là đúng.

Trẻ em thường giữ nguyên tình trạng về việc nhận định sự vật như vậy cho tới khi chúng trưởng thành.

Thế rồi, với thời gian, trí óc chúng dần dần được này nỡ và đồng thời giác quan của chúng cũng được luôn luôn rèn luyện trong những dịp trực tiếp với ngoại cảnh. Từ kinh nghiệm này đến kinh nghiệm khác, trong khi tiếp xúc với những người xung quanh, óc chúng được mở mang dần. Những nhận định lầm lẫn dần dần được sửa đổi cho tới khi chúng đến tuổi trưởng thành

thì trí não cũng trở nên quân bình. Lúc này thì chúng đã quen với đời sống bên ngoài, biết nhận định được sự thực, và biết nói sự thực.

Thường thường trẻ em hay nói dối do những lý do sau đây :

NÓI DỐI ĐỀ TỰ VỆ

Trẻ em thường nói dối đề bào chữa một lỗi lầm hay đề tránh sự trừng phạt. Đó là trường hợp của một trò nhỏ lười biếng trốn học đi chơi về trễ giờ. Em sợ ba má em mắng nên phải bịa chuyện nói dối rằng thầy giáo bắt cả lớp ở lại để học thêm.

TỰ ĐỘNG NÓI DỐI

Thường thường đề thỏa mãn những tật xấu như sự căm dỗ, lười biếng vì muốn khoe khoang, muốn trả thù, sự tinh nghịch, nhiều em đã tự động nói dối. Cũng có em ưa nói dối vì tính thích nói dối. Như trường hợp một em bé 13 tuổi vì muốn nghỉ học nên mỗi buổi sáng trước khi đi học, em đã tự động đóng kịch vờ mê sảng rồi ngã đi như người lên cơn động kinh.

Người ta còn kể truyện một cô gái nhỏ đi làm công lười biếng và gian tham. Cô bị chủ cảnh cáo. Để trả thù người chủ cô đã tự cào mặt bằng một chiếc cà rá với mục đích ăn vạ và đồng thời lớn tiếng đe dọa người chủ là cô sẽ đi tố cáo với nhà chức trách rằng cô đã bị ông đã thương ở mặt. Cô còn cho hay là sẽ liệng chiếc cà-rá đề phi tang.

NÓI DỐI VÌ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI NHỮNG Ý KIẾN CHỦ QUAN CỦA NGƯỜI LỚN

Trẻ em vì lẽ chưa có định kiến, trí óc còn non nớt nên những ý kiến chủ quan do người lớn đưa ra đều ảnh hưởng rất nhiều đến chúng. Sự kiện này nhiều khi vô tình đã khiến cho chúng nói sai sự thực như trường hợp sau đây :

« Câu chuyện xảy ra ở bên Pháp. Một bà Hiệu-Trưởng một trường nữ học trong làng đến tố cáo với ông Biện Lý địa phương rằng một nữ học sinh vị thành niên nội trú tại trường bà vừa bị xâm phạm tiết hạnh. Bà đã chất vấn trò nhỏ này. Cô khai vừa bị ông Mục Sư làm ô nhục.

Tòa án liền chỉ định một y sĩ đến khám xét em nhỏ — Ông này nhận thấy rằng em bị xâm phạm tiết hạnh từ lâu chớ không phải mới bị như lời bà Hiệu Trưởng đã khai tại Biện Lý Cuộc. Qua những câu hỏi khéo léo, vị y sĩ được em cho biết tên một thanh niên

trong làng đã dụ dỗ em làm điều xằng bậy cách đó hơn hai tuần lễ. Đồng thời vị y sĩ còn khám phá ra rằng sở dĩ trước đây em nhỏ đã khai báo cho ông Mục Sư vì lẽ em đã bị ảnh hưởng bởi ý kiến chủ quan của Bà Hiệu Trưởng. Khi chất vấn em nhỏ, bà đã tỏ ra nghiêm khắc và thiếu bình tĩnh. Vì nóng lòng muốn sớm được biết tên kẻ làm điều xằng bậy, bà đã la lối : « Nó là thằng nào ? » Với giọng run run em nhỏ ấp úng thưa : « Thưa bà, đó là ông... »

Bà Hiệu Trưởng lại quát : ông nào ? ở trong làng này chỉ có hai ông, ông Xã Trưởng và ông Mục Sư, vậy thì là ông nào ? .. »

Lúng túng, em nhỏ đáp « Thưa ông Mục Sư... »

Vì quá sợ, em đã vội trả lời cho xuôi việc Theo em thì khai như vậy em đã vừa làm một việc hợp với ý bà Hiệu Trưởng. Em được biết bà này trước đây vốn rất ác cảm với vị Mục Sư. Thêm nữa em lại còn tin tưởng rằng dù sao thì cũng không ai dám làm phiền đến nhà tu hành này vì lẽ ông đã được hầu hết dân làng tôn trọng.

Trong trường hợp nói trên, sự sợ hãi của em nhỏ cộng với những ý kiến chủ quan do bà Hiệu Trưởng đã đưa ra đã thúc đẩy em khai sai sự thực.



NÓI tóm lại, trước những lời khai của em nhỏ, Điều Tra Viên nên đề đặt và thận trọng Những lời khai này thường không được đúng với sự thực phần đông do những nguyên nhân sau đây thúc đẩy :

- Sự tưởng tượng quá trớn
- Trí nhớ không được chắc chắn
- Sự xét đoán và phê bình không sát
- Nói dối đề tự bào chữa những tật xấu
- Tính thích nói dối
- Nói dối vì bị ảnh hưởng chủ quan của người lớn
- Nói dối vì đã đọc hay được nghe nhiều chuyện

hoang đường rồi dần dần tin là có thật, cuối cùng không phân biệt được đâu là sự thực nữa./-

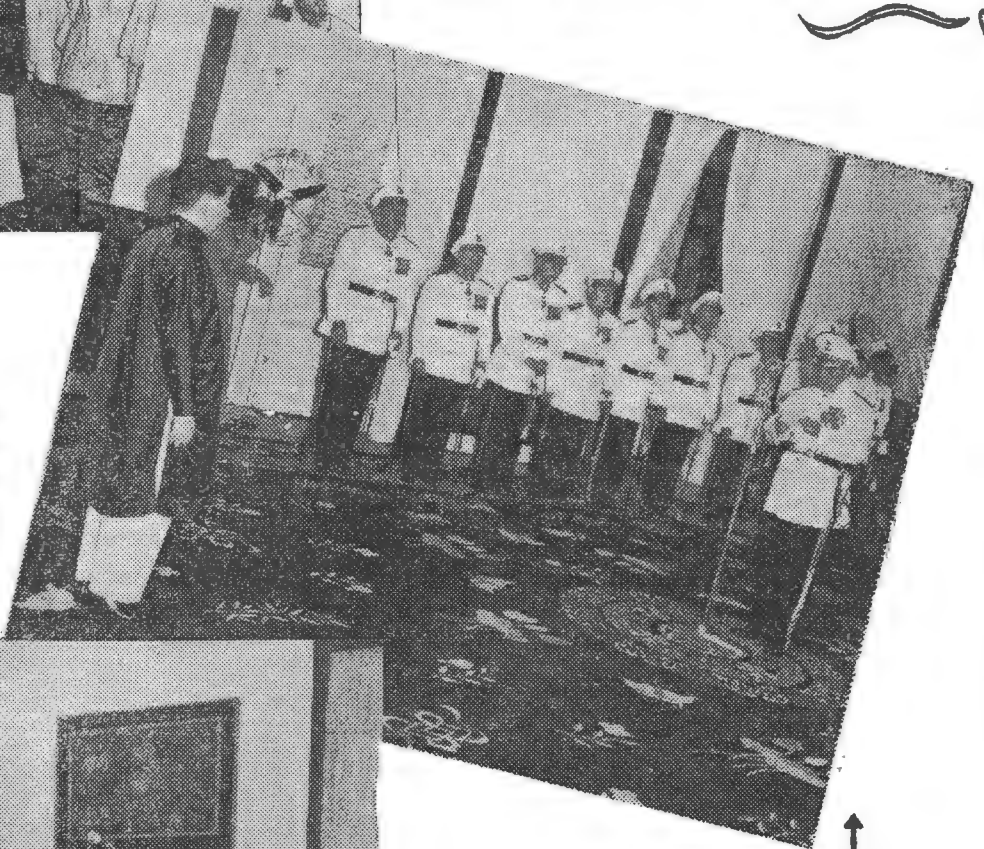


P. T. T

HÌNH ẢNH Quốc-Khánh



Tổng Thống bắt tay các Sư Sãi từ các tỉnh về Thủ Đô Saigon dự lễ Quốc Khánh tại Dinh Độc Lập



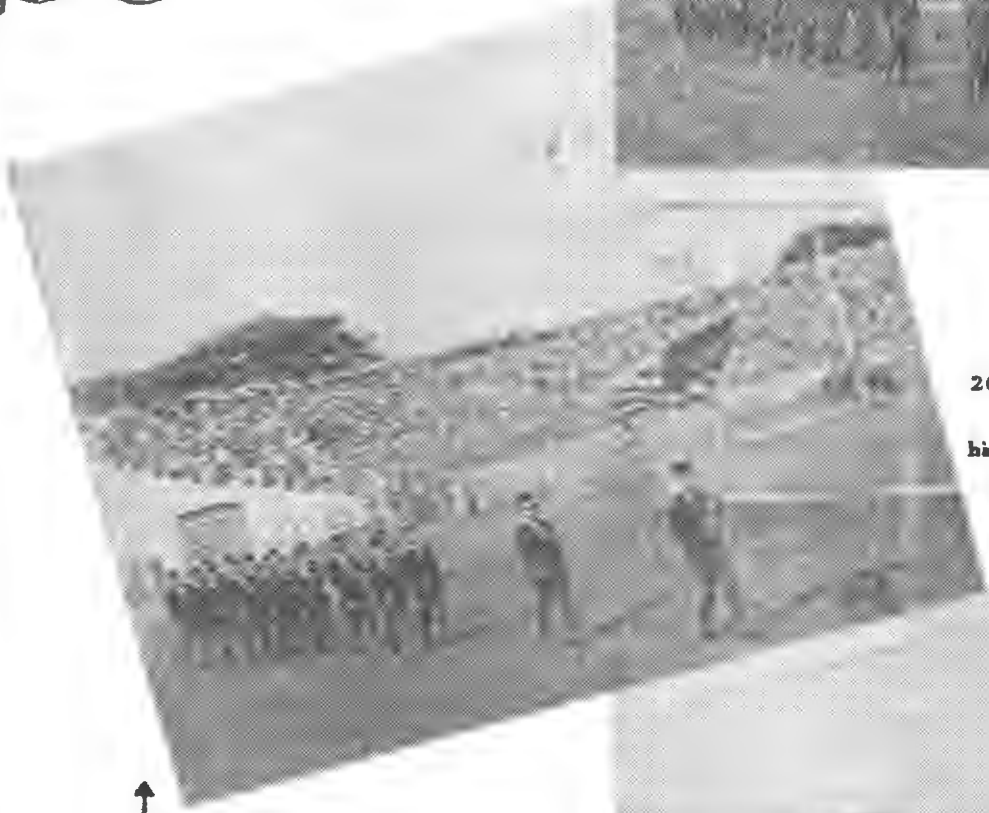
Phái đoàn Tướng Lính do Đại Tướng Tham Mưu Trường hướng dẫn vào chúc mừng Tổng Thống tại Dinh Độc Lập.



Phái đoàn Chánh Phủ do Phó Tổng Thống hướng dẫn vào Dinh Độc Lập chúc mừng Tổng Thống.

NGÀY LỄ

26-10-1961



↑
 Giải "Quốc Khánh Việt Nam"
 26-10-1961.
 Đoàn túc cộ Việt Nam diễn
 hành qua khán đài.

↑
 Giải "Quốc Khánh Việt Nam"
 26-10-1961.
 Đoàn túc cộ Mã Lai diễn hành
 qua khán đài



→
 Giải "Quốc Khánh Việt Nam"
 26-10-1961.
 Đoàn túc cộ Indonésia diễn hành
 qua khán đài.

4 — TÌM TANG VẬT

MUỐN tìm kiếm, tra soát các tang vật cho được chu đáo trước hết ta phải quan sát thật kỹ phạm trường ; không một chỗ nào, không một nơi nào ta không lưu ý tới. Tìm kiếm phải thật chắc chắn, không một góc kẹt nào được bỏ sót ; phải chia sân khấu vi phạm ra làm nhiều khu vực nhỏ.

Ta phải tìm kiếm từ trần nhà xuống sàn, nền nhà rồi đến sân gạch, từ nóc tủ đến gầm giường, cánh cửa, không được bỏ qua một chỗ nào.

Những tang vật thủ phạm bỏ lại nơi phạm trường có một giá trị rất

nó. Mỗi tang vật phải buộc thẻ rõ ràng để khỏi sai lạc.

Trên nhãn dán vào tang vật, phải ghi :

- Ngày, giờ và nơi tìm thấy.
- Tại chỗ nào (miêu tả vị trí). Cho số thứ tự v.v...
- Tên họ và địa chỉ nạn nhân tử nạn, giờ và nơi chết.
- Tên họ và địa chỉ của thủ phạm (nếu biết).
- Tên họ, cấp bậc của điều tra viên.
- Tên vị Cảnh-sát-Trưởng mà điều tra viên chuyên giao tang vật

beng nhưng ngắn hơn) và cái đục. Chúng dùng cái đục để chêm vào kẹt cửa, rồi đưa cái kềm vào bẻ khóa mà mở cửa. Ngoài các loại dụng cụ trên, chúng còn dùng chiếc khoan mà khoan chung quanh ống khóa rồi lấy ổ khóa ra. Những hạng trộm nhà nghề ít dùng chìa khóa để mở cửa vì với các loại dụng cụ trên chúng làm việc rất mau lẹ và dễ dàng hơn, không bao giờ gây tiếng động mạnh.

Một dụng cụ nào dùng để cạy cửa, phá tủ cũng đều có để lại trên tang vật đó những dấu vết. Muốn đúc khuôn chỗ có dấu cạy, trước hết ta nên chụp hình tang vật đó, kế đó chụp hình dấu cạy bằng cách đo lường, nghĩa là dán bên cạnh dấu cạy một băng giấy có ly tắc rồi chụp hình dấu cạy. Kế đó, lấy cọ lông mềm thấm bột phấn « talc » phết vào mặt dấu cạy rồi lấy sáp dùng đúc khuôn nhồi trong lòng bàn tay cho sáp được mềm dẻo. Đoạn lấy một miếng kiếng, rắc trên mặt kiếng một lớp phấn talc, lăn sáp lên phần cho láng đều sáp khỏi dính vào dấu cạy ; cho sáp vào dấu cạy rồi ấn mạnh xuống cho sáp dính đều theo hình thê của dấu cạy, để cho sáp khô cứng lại rồi gỡ khuôn ra.

Bất kỳ loại dụng cụ nào đã dùng qua (hay lúc còn mới cũng vậy), nếu đặt dưới kính hiển vi ta sẽ tìm thấy những đặc tính của nó do sự sứt mẻ. Nhờ các dấu sứt mẻ này so sánh với khuôn đúc ta có đủ tang chứng kết tội thủ phạm.

Việc so sánh khuôn đúc với dụng cụ cạy phá còn phải qua một giai đoạn nữa, vì hình dáng của khuôn sáp là hình dáng ngược lại của dấu cạy. Muốn có một hình thê giống như hình thê dấu cạy trên tang vật bị cạy phá, ta dùng khuôn sáp đó xem như là dụng cụ dùng cạy phá, đoạn bao chung quanh khuôn sáp một chiếc thành cao độ 2 phân, dùng

CẢNH SÁT

KHÒA-HỒC

(tiếp theo B. D. số 19)

★ TRẦN - THÀNH

lớn lao, vì nhờ đó mà ta sẽ nhận biết ai là thủ phạm.

Thí dụ nạn nhân bị bắn chết, ta tìm kiếm được vỏ đạn và đầu đạn; do hai vật ấy, ta biết được loại súng nào thủ phạm đã dùng và nhờ đó ta mới phanh lãn ra thủ phạm.

Khi kiếm được vỏ đạn và đầu đạn hoặc bất cứ một vật gì tại phạm trường, ta nên cẩn thận gói bọc (xem bài « bảo vệ dấu vết » của ông N.C.C. đăng ở số 18) những vật đó trong bông gòn đem về phòng giáo nghiệm, cần thận đừng làm trầy dấu vết trên vỏ đạn hay đầu đạn để nhà chuyên môn dễ dàng tìm kiếm, nghiên cứu các đặc điểm của

(ghi rõ ngày và nơi chuyên giao tang vật).

Trước khi di chuyển một tang vật gì từ phạm trường về viện Giáo Nghiệm, ta phải chụp hình vật đó tại chỗ để chứng tỏ rằng vật ấy nằm tại chỗ đó.

Các loại dấu vết thường tìm gặp tại phạm trường.

a) Dấu vết do dụng cụ để lại.— Đó là sự cọ sát của một vật này với một vật nọ. Những dấu vết như dấu cạy cửa, phá tủ do các loại dụng cụ của bọn bất lương thường dùng là chiếc kềm gọi là « Pince monseigneur » (như cây sà

hồ thạch cao (như cách lấy dấu chân) đổ vào, đợi cho hồ thật khô cứng rồi gỡ khuôn sáp ra. Bây giờ mới đem so độ khuôn đúc với dụng cụ mà thủ phạm đã dùng.

Ngoài các dụng cụ cạy phá, điều tra viên còn tìm thấy các tang vật do sự cọ sát của các bộ phận trong một khẩu súng khi viên đạn được bắn ra.

Một viên đạn lúc nổ, chiếc kim hỏa đập vào hộp nổ lưu lại một dấu tích trên hộp nổ. Nhờ dấu tích này ta tìm biết những đặc điểm của khẩu súng có mang chiếc kim hỏa trên là của người nào.

Sức nổ tổng đầu đạn chạy qua lòng súng có nhiều đường khương tuyến, vì vậy đầu đạn lúc ra khỏi lòng mang theo những đường hằn xuống hay nổi lên. Những đường nổi lên do các đường khương tuyến tạo ra. Các đường khương tuyến cũng có những đặc điểm riêng biệt do hăng chế tạo hay do sự cọ sát của đầu đạn mà biến thành Do đó, ta biết được những đặc điểm riêng của khẩu súng, để tìm ra kẻ làm chủ khẩu súng.

Ở những loại súng tự động, lúc viên đạn được bắn ra, sức nổ đầy mạnh, vỏ đạn chạy về phía sau, chạm vào bộ phận cơ bãm, vỏ đạn bị cơ bãm cọ sát biến thành những lần cọ sát hay trầy trụa tạo thành những đặc điểm cho khẩu súng đó.

Cũng ở những loại súng tự động, ta còn tìm thấy ở cần móc đạn, lúc vỏ đạn chạy về đằng sau, cần móc đạn kẹp vào đít vỏ đạn và hất vỏ đạn ra khỏi buồng súng. Lúc kẹp vào đít vỏ đạn, chiếc cần móc đạn bám chặt vào, tạo thành những dấu vết trên vỏ đạn.

Như vậy, mỗi lần viên đạn bắn ra ta có thể nhận thấy có 4 dấu vết lưu lại trên đầu đạn và vỏ đạn.

Những dấu vết này là những dấu

vết giúp cho điều tra viên tìm kiếm ra người chủ có khẩu súng đó, mà phanh lãn ra thủ phạm.

b) Các tang vật do mảnh vỡ rơi lại tại phạm trường.— Tại phạm trường, điều tra viên tìm ra những mảnh vỡ do những dụng cụ của thủ phạm mang theo hay bất thần thủ phạm đã dùng những đồ vật trong nhà làm khí giới giết người hay cạy phá tủ tiền v.v...

Những tang vật này còn giúp cho ta tìm hiểu tánh chất vụ án có chủ mưu hoặc vì tình thế quần bách hay bất thần nên đã gây ra án mạng.

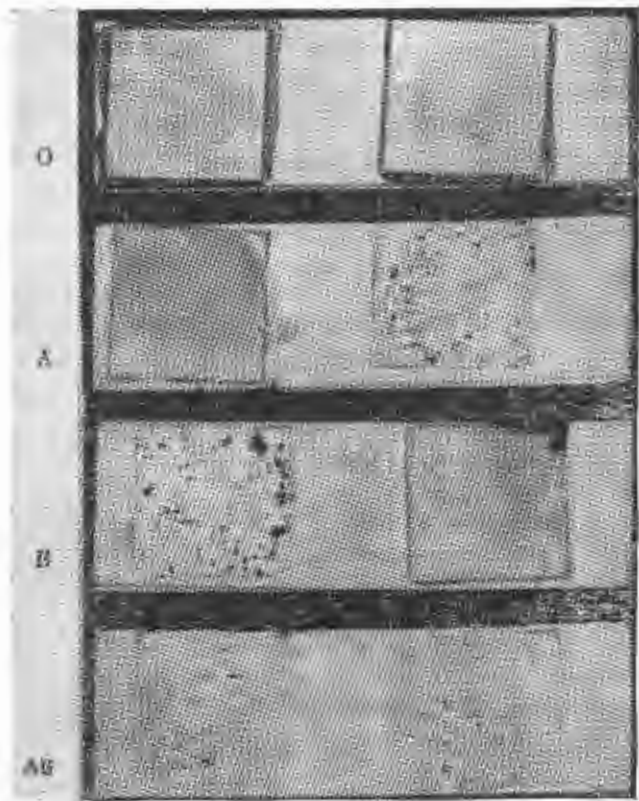
Những tang vật do các mảnh vỡ này, điều tra viên cần thu nhặt lại, đem về Viện Giáo Nghiệm để nghiên cứu, phân tách từng loại, khi bắt được thủ phạm, khám xét nhà của y, ta chú ý đến các vật dụng có loại mảnh vỡ trên. Tìm được các tang vật có mảnh vỡ rơi lại đem chắp ghép với nhau làm thành những tang chứng mà trình tòa.

Đôi khi một miếng để giày, đôi dép của thủ phạm vì vô ý chạm vào một vật gì tại phạm trường bị đứt ra rơi lại, tìm thấy nó, ta sẽ chú ý đặc biệt đến các đôi giày, dép khi khám nhà người bị tình nghi.

Nhiều khi điều tra viên chỉ nhờ một chi tiết đó mà vụ án được phơi bày trước công lý một cách dễ dàng, rõ rệt. Thủ phạm dù ngoan cố đến đâu cũng khó lòng chối cãi được.

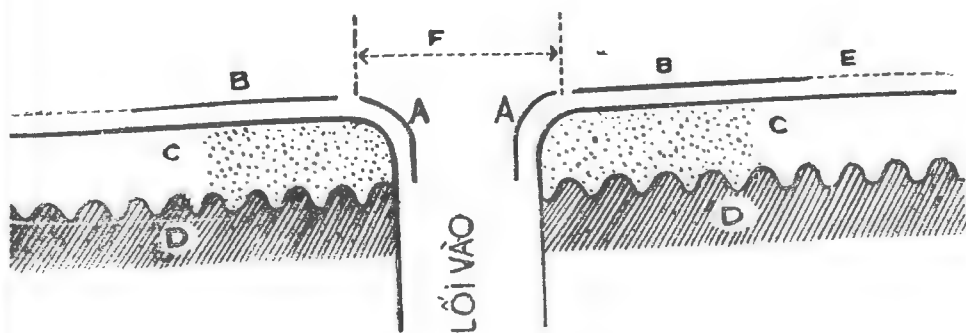
c) Các dấu vết do cơ thể của thủ phạm để lại.— Nạn nhân của một vụ án mạng, luôn luôn tìm hết mọi cách để cứu cái mạng của mình. Nên nhiều khi một vụ án mạng diễn ra trong những cảnh hỗn độn do cuộc vật lộn, xô đẩy, cào cấu của nạn nhân với thủ phạm.

Do cuộc xô xát đó, điều tra viên có thể tìm thấy tại phạm trường những dấu vết do cơ thể của thủ



Các loại máu :

- O - loại máu O
- A - loại máu A
- B - loại máu B
- AB - loại máu AB



Hình vẽ một lỗ đạn xuyên qua quần áo để vào trong người.

A.- Lỗ viên đạn chui vào. B.- Khu thứ hai, thuốc súng tỏa ra. E.- Khu thứ ba, thuốc súng tỏa ra. C.- Khói thuốc súng dính vào có thể rửa hay giặt sạch. D.- Khói thuốc súng không thể giặt sạch. F.- Đường kính của lỗ đạn.

phạm đề lại. Những dấu vết đó thường thường là máu, lông, tóc, áo quần bị xé rách.

Cho nên những vết máu rơi lại tại phạm trường, điều tra viên cần giữ gìn cẩn thận, thu lượm những dấu vết này với những kỹ thuật đặc biệt.

Nếu là những vết máu còn ướt nên lấy compte-goutte hút vào những lọ thủy tinh sạch sẽ.

Nếu máu khô, lấy dao cạo máu đặc, rồi bỏ vào lọ thủy tinh.

Nếu nghi là những vũng máu vừa mới lau chùi, ta dùng giấy St Joseph hay giấy thấm nhúng nước rồi đặt vào chỗ ngờ có vết máu. Chất giấy sẽ ngấm nước và các chất bẩn hoặc máu (nếu có máu) rồi gửi về Viện Giáo Nghiệm.

Những lông tóc cũng cần thu nhặt bỏ vào lọ thủy tinh, ghi chú rõ ràng rồi gửi về Viện Giáo Nghiệm.

Một điểm cần lưu ý, tất cả các tang vật dù nhỏ bé cũng cần chụp hình trước khi lấy lên và di chuyển đi nơi khác.

5. — KHÁM NGHIỆM TỬ THI

Sự khám nghiệm tử thi giúp cho cuộc điều tra rất nhiều vì có vài dấu vết khác thường nhưng nếu không chuyên môn không thể nào biết được.

Các dấu vết này có thể nhận thấy do vũ khí tung phá ra nhờ các lần thuốc súng dính vào quần áo, da thịt của nạn nhân mà luận giải các giả thuyết đã tạo ra.

Thường thường cuộc khám nghiệm phải có mặt vị bác sĩ lý khám và một vị đại diện của Tư pháp để chứng nhận

vị trí của những vết thương khác nhau. Sự hiện diện của Tư pháp có tánh cách để chứng nhận một sự kiện chứ không phải để chứng nhận về vấn đề chuyên môn. Hơn nữa hai người ghi chép vẫn đầy đủ hơn một người.

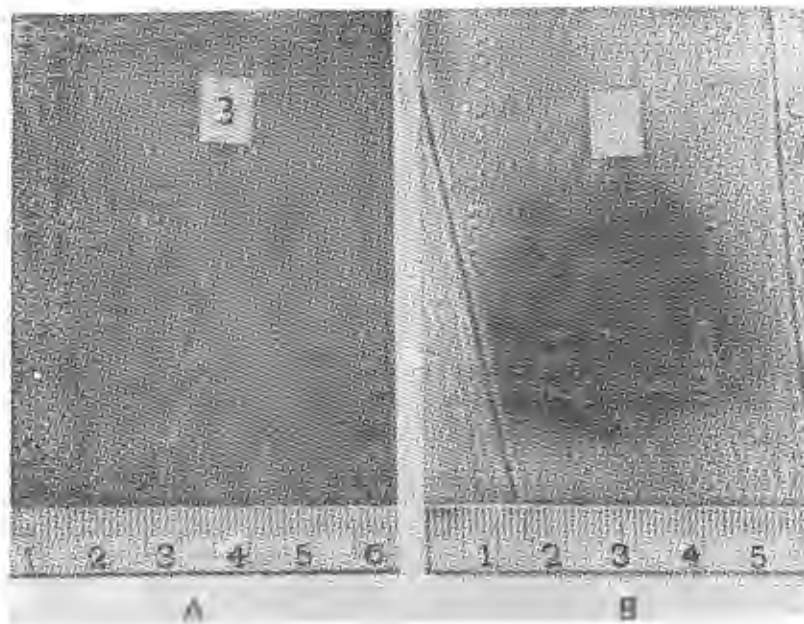
6. — SUY LUẬN

Sau khi đã thu thập mọi tang vật, khám nghiệm tử thi, hỏi qua những người chứng xong, ta bắt đầu tìm nguyên nhân gây ra án mạng.

Những nguyên nhân gây ra án mạng đều qui tụ vào những yếu tố sau đây: tiền, tình, thù oán, chính-trị và tự tử.

Tìm hiểu nguyên ủy của vụ án, ta thử phân tách thủ phạm thuộc giới nào, đàn bà hay đàn ông, dùng mưu lược và kế hoạch để giết hay dùng võ lực mà sát hại.

Thủ phạm vào nhà ngõ nào, ra ngõ nào, bằng cách nào để mở cửa? Thủ phạm có phải là kẻ thông thuộc



Hình chụp viên đạn xuyên qua quần áo.

A.- Viên đạn xuyên qua mảnh quần áo mà mắt thường không thấy được.
B.- Viên đạn xuyên qua mảnh quần áo, dưới hồng xích tuyến (infra rouge) cho ta thấy rõ khói thuốc súng tỏa ra chung quanh.

đường lối trong nhà không? Có đáng nghi những thân nhân nào dự phần vào không?

Thủ phạm giết bằng cách nào, loại khí giới dùng để giết? Khí giới do chúng mang theo hay khí giới có sẵn trong nhà của nạn nhân? Giết tại chỗ nào, phòng ngủ hay phòng khách? Có sự kháng cự của nạn nhân trước khi chết không?

Án mạng xảy ra bao lâu điều tra viên mới đặt chân đến phạm trường? (điều này bác sĩ sẽ cho ta biết). Tuy nhiên những trường hợp không có bác sĩ, tạm nhận xét qua nhiệt độ của xác chết, các giọt máu và vũng máu, các giọt nước tung tóe đã khô, các vết bùn khô trên sàn nhà và qua lời khai của những nhân chứng đã mục kích từ đầu đến cuối. Do thời gian đó ta thử đặt giả thuyết xem thủ phạm đã cao bay xa chạy chưa hay còn lẩn trốn quanh quần đầu đấy. Nhận xét xem thủ phạm có đủ ngày giờ để xếp đặt lại phạm trường không, y có dùng cách phi tang các dấu vết do y để lại không?

Nhớ hỏi những nhân chứng lúc thủ phạm rời khỏi phạm trường có mang theo thương tích gì trên người không, có dấu vết như máu, mực tung tóe vào người và áo quần y không?

Đặt những câu hỏi trên, các điều tra viên tự tìm câu giải đáp.

Nhiều câu giải đáp ăn khớp với nhau, sẽ hướng dẫn điều tra viên tìm ra một hướng đi. Nhờ hướng đi đó, ta bắt đầu tìm kiếm thủ phạm.

7. - TÌM KIẾM THỦ PHẠM

Nhiệm vụ trước nhất của điều tra viên ở phạm trường là tìm ra thủ phạm, cho nên phải chú ý đặc biệt đến việc nhận xét và suy đoán những ai có thể là thủ phạm.

a) Nếu có những người tình nghi nào ở phạm trường hay ở gần đấy thì nên khám xét kỹ càng để tìm xem họ có khí giới nào đã dùng trong vụ án không.

b) Nên tìm biết những hành động, cử chỉ của những người tình nghi sau ngày vụ án mạng xảy ra, xem họ có trốn tránh không? Họ có khai man trá về những sự liên lạc của họ với người chết không? Họ có vẻ hối hận, sợ sệt gì không?

c) Nên theo dõi mọi kẻ tình nghi, những hành động của những người thân thuộc, tình nhân, gia đình của người bị tình nghi.

d) Nên kiểm soát mọi liên lạc của kẻ tình nghi và những kẻ tòng phạm.

e) Nếu vụ án vừa xảy ra, nên báo tin cho cơ quan Cảnh-sát Trung ương để ra lệnh đón các ngã đường ra vào thành phố, nhất là các xe cộ đi ra và các chuyến xe chở hành khách.

f) Nếu biết được diện mạo của kẻ tình nghi, phải phổ biến tướng mạo ngay cho nhân viên phụ trách kiểm soát xe cộ, đường xe lửa, phi cơ và hàng hải để cho chúng tàu thoát.

8. - TRƯỜNG HỢP KẸ TÌNH NGHI BỊ BẮT

Nên khám xét quần áo, móng tay để tìm vết máu. Nếu tai nạn xảy ra nơi dơ bẩn, đất cát, bùn lầy hay các chỗ có thể có dấu vết, nên tìm kiếm trên áo quần, móng tay, giày của kẻ tình nghi v.v. . . Tìm xem thủ phạm có bị thương tích gì không?

— Khám xét các báo chí thư từ, các hình ảnh, sô tay ghi địa chỉ, số điện thoại.

— Tìm các hội hè, bạn bè thân thích, kẻ địch của kẻ tình nghi.

— Chỗ hay lui tới, trụ sở, sào huyệt, các tiệm giặt ủi quần áo thủ phạm.

Các dấu tay tìm thấy tại phạm trường phải đem so đo với các dấu vết tìm thấy trên người hoặc trong nhà của thủ phạm.

9. - LẬP CẢN CƯỚC CỦA NGƯỜI CHẾT

1. — Họ và tên của nạn nhân.

2. — Họ và tên, địa chỉ của các nhân chứng và nhớ ghi số giấy căn cước của từng người.

3. — Nhân viên Cảnh-sát đầu tiên đến phạm trường phải trình những nhân chứng. Khi mở xẻ tử thi cần có thân nhân của nạn nhân để chứng nhận rằng tử thi trước mặt luật y đúng là người nhà của họ lúc sinh thời.



TRÊN đây là các giai đoạn cần thiết giúp điều tra viên có một chương trình hành động lúc bước chân đến phạm trường.

Một điều tra viên tài giỏi, thông minh là người biết làm những công việc gì cần thiết trước, những công việc nào sau.

Điều tra viên nhiều kinh nghiệm không bao giờ coi thường những chi tiết hay những vật dụng nhỏ nhoi tại phạm trường là những đồ vô giá trị. Kinh nghiệm cho thấy rằng dù nhỏ nhoi đến đâu nó cũng trở thành những tang vật quan trọng để tìm ra thủ phạm vụ án, mà trước công lý nhờ những tang vật đó thủ phạm không thể nào chối cãi nổi.

T.T.

NHIẾP - ẢNH TÀI - TỬ

☆ Nguyễn Công Chánh

Lời nói đầu : Trong các cuộc giải trí lành mạnh, có người lại thích chơi về hình, để ghi lại các kỷ niệm tốt đẹp trong đời sống mà thời gian trôi qua có thể xóa mất trong trí nhớ.

Để giúp cho quý bạn ấy thực hiện được những tâm ảnh để coi, có giá trị về mặt kỹ thuật, ví dụ như một ảnh không bị chao mờ, không bị quá trắng hoặc là bị quá đen, chúng tôi xin hiến tài liệu này không có nhiều tánh cách chuyên môn, và ước mong quý bạn nhiếp-ảnh-viên tài-tử thành công được trong ý muốn, khỏi phải trả đắt giá các kinh nghiệm thực hành.

I. — LỰA CHỌN MÁY ẢNH



MUỐN biết lựa chọn máy ảnh, trước hết ta cần thấu rõ các căn bản liên quan đến ánh sáng, là những hiện tượng cảm kích thị giác của chúng ta, mà dựa vào đó người ta phát minh ra máy chụp ảnh.

Ánh sáng cảm kích các thần kinh thị giác của mắt để cho chúng ta thấy rõ được một vật. Trong một nơi kín không có ánh sáng lọt vào (tối), chúng ta không thấy các vật chung quanh.

Chúng ta có những nguồn ánh sáng thiên nhiên và nhân tạo, ví dụ như mặt trời, sao, đom đóm, đèn dầu, đèn điện. Những nguồn ánh sáng, khi phát xuất ra ánh sáng thì chiếu sáng các vật ở chung quanh ta, rồi các vật được chiếu sáng lại phát xuất ra các tia sáng đi vào mắt chúng ta, làm cho chúng ta nhận ra và phân biệt được hình thức và chi tiết các vật ấy.

Các vật chiếu sáng nói đây là tất cả mọi vật, như mặt trăng, núi, sông, biển, rừng xanh, dinh thự, người,

thú vật, đồ vật trong nhà v. v. . ., nói tóm tắt là tất cả các vật gì mắt ta được nhìn thấy thường ngày trong vũ trụ

Máy ảnh tốt hay xấu tại bởi vật-kính (objectif) dùng để bắt hình vô phim ảnh.

Một vật-kính đắt giá phải trong suốt, không ngăn cản sự truyền ánh sáng, không làm giảm cường độ của ánh sáng khi đặt nó trên đường đi của ánh sáng.

Như vậy một vật-kính hảo hạng sẽ giúp ta thấy rõ nguồn sáng và như vậy thấu được hình của vật chiếu sáng vào phim ảnh.

Theo lý thuyết quang học, trong một thấu kính hội-tụ như một vật kính dùng trong máy ảnh, vị trí và chiều dài của ảnh và các vật được định theo các công thức Descartes, chúng tôi xin lập lại theo như sau đây :

1.- Công thức về số phóng đại chiều dài : $\frac{p'}{p} = \frac{i}{o}$

2.- Công thức về vị trí : $\frac{1}{p} + \frac{1}{p'} = \frac{1}{f}$

với quy ước :

- 1) $p > 0$, vật thật ; $p < 0$, vật ảo.
- 2) $p' > 0$, ảnh thật ; $p' < 0$, ảnh ảo.
- 3) $\frac{p'}{p} > 0$, ảnh ngược ; $\frac{p'}{p} < 0$, ảnh đứng đồng chiều
- 4) và luôn luôn $f > 0$.

Giải thích : p = hoành độ của vật.
 p' = hoành độ của ảnh.
 o = độ cao của vật.
 i = độ cao của ảnh.
 f = tiêu cự

Trên thực tế, việc tính toán sức sáng của vật-kính máy ảnh được ghi lên mỗi vật-kính, theo một hệ thống

mà sách « Forensic Science et Laboratory Technics » của Giáo sư R. TURNER gọi là « F number system » là : f / o

Ví dụ : 1) trên máy ảnh ROLLEIFLEX, vật-kính có ghi

«PLANAR 1 : 2,8 / f = 80m/m»

2) trên máy ảnh LEOTAX, vật-kính có ghi :

«TOPCOR 1 : 2 / f = 5 cm»

Các số này có nghĩa như sau:

Trong công thức 1 : f / o

f là là tiêu-cự-ảnh của vật-kính (80 ly trong máy ROLLEIFLEX và 50 ly trong máy LEOTAX)

o = đường kính mở lớn nhất của vật-kính.

(Máy Rolleiflex o = 28,5, máy Léotax o = 25)

Như thế, trong 2 trường hợp chọn làm ví dụ, « F number » của Giáo-sư TURNER, được giải thích ra như sau :

1/— Rolleiflex 1 : f / o là 1 : $\frac{80}{28,5} = 1 : 2,8$

2/— Léotax 1 : f / o là 1 : $\frac{50}{25} = 1 : 2$

Hệ thống « F number system » 1 : f / o chỉ cho biết

ví dụ vật kính 2 sáng hơn vật kính 2, 5; 2,5 sáng hơn 2, 8; 2,8 sáng hơn 3, 5 v.v... và được biết như vậy, người muốn mua máy ảnh sẽ đoán ra sức sáng của vật-kính và đánh giá máy ảnh.

II.— CÁC GIAI ĐOẠN NHIẾP ẢNH

Chúng tôi xét thấy có thể phân định việc chụp hình ra làm 2 giai đoạn thực hành sau đây :

1.— Giai đoạn chuẩn bị máy ảnh, trước khi chụp hình.

2.— Giai đoạn chánh của việc chụp hình.

1.— **CHUẨN BỊ.**— Trong giai đoạn sửa soạn máy ảnh, ta có việc lựa chọn hiệu phim ảnh thứ tốt, còn trong thời hạn sử dụng, có chỉ số nhạy bắt ánh sáng thích hợp với trường hợp công dụng. Phim được lắp vào máy đúng chiều, nắp máy đậy kín lại giống như tài xế trước khi lên đường, ghé mắt vào việc đóng xăng, xem mực nhớt, thêm nước, để cho xe có đủ nhiên liệu. Việc đậy kín nắp hộp máy ảnh để cho ánh sáng không lọt vào làm hư lớp thuốc tráng trên phim rất cần lưu ý đến, vì người không để ý tới việc ấy đã làm cho

phim ảnh bị hư hỏng, không còn bắt hình được, vì lẽ thuốc tráng trên phim là một loại hóa phẩm có tác dụng đối với ánh sáng.

Trong phòng tối, làm sao ta nhận biết được mặt phim phía bên có tráng thuốc để lắp vào máy cho đúng cách ?

Các loại phim Gevaert (nói ví dụ) đều được cắt thành những khúc tròn để làm dấu như sau đây :



không nhuộm sắc (non chromatisé)



nguyên sắc (orthochromatique)



nguyên sắc (panchromatique)

Khi cầm một phim vào tay và sờ thấy các dấu (lỗ khắc) ở về phía bên mặt cuốn phim và thuộc về bìa trên của phim, thì chúng ta sẽ được biết lớp thuốc nằm ở phía mặt trên.

Số lỗ khắc trên phim cũng giúp cho ta biết được lý tính của loại phim thuộc về phương diện bắt màu sắc (reconnaitre la sensibilité chromatique du film)

Tuy nhiên, cũng có những loại phim không nhuộm sắc không có cắt khắc lên trên để làm dấu riêng cũng như các phim «Litholine Ortho», bởi vì chuyên viên có thể nhận biết được mặt tráng thuốc của phim trong phòng tối.

Trên thị trường chúng ta có các loại phim ví dụ như hiệu KODAK, hiệu GEVAERT hiệu AGFA..

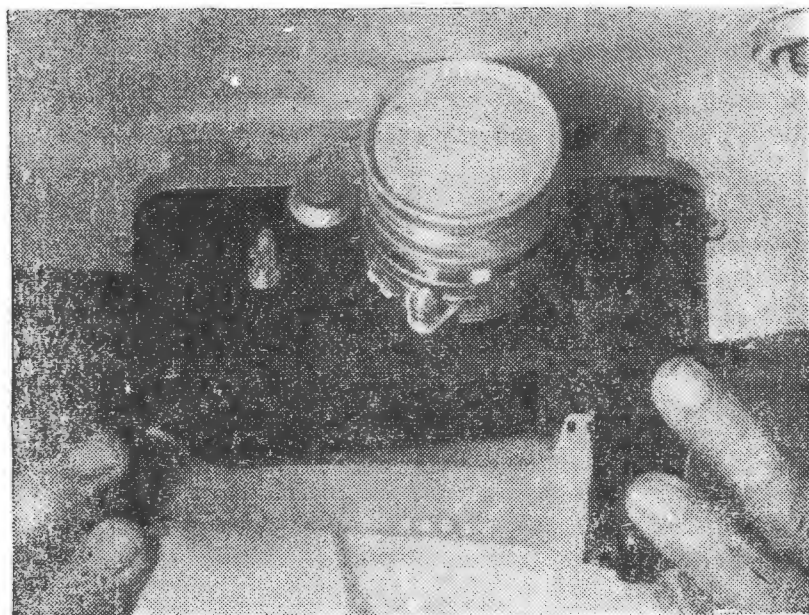
Mỗi loại đều gồm có lý tính khác nhau về kỹ thuật :

a) - Về sự tương phản trắng đen của thuốc tráng phim (facteur de contraste des émulsions sensibles).

b) - Về sự bắt màu khác nhau của thuốc tráng phim (sensibilité chromatique).

Ánh sáng trắng gồm có 7 màu, được thấy trên hình quang phổ : tím, xanh lơ, xanh lục, xanh vàng, vàng, vàng cam, đỏ.

Đối với các màu sắc ấy ta có các loại phim ảnh đại khái như sau đây :



Lắp phim vô máy

— Loại phim thường không nhuộm sắc (film non chromatisé) có tác dụng đối với các màu tím, xanh lơ và xanh lục.

— Loại phim nguyên sắc (orthochromatique) có tác dụng đối với các màu cực tím, tím, xanh lơ, xanh lục, xanh vàng; phim này rửa được trong phóng tối với đèn màu đỏ.

— Loại phim nguyên sắc khác gọi là phạm sắc (panchromatique) có tác dụng đối với các màu cực tím, tím, xanh lơ, xanh lục, xanh vàng và thêm một phần màu đỏ; vì lẽ ấy phải rửa trong phòng tối đen, không hợp với đèn màu đỏ.

— Loại phim dùng riêng biệt với tử ngoại tuyến và hồng ngoại tuyến.

Ngoài ra, chúng tôi xin kê ra một số phim ảnh thông dụng để giúp tài liệu cho các bạn chưa thạo nghề:

Ví dụ:

KODAK : Panatomic X : 80 ASA (1) (Panchromatique)

Plus X : 100 ASA (Panchromatique)

Super XX : 150 ASA -nt-

Tri X : 200 ASA -nt-

AGFA : Isopan (panchrom.) : 100 ASA

GEVAERT : Gevaban -nt- : 80 ASA

Phim Tri X bắt ánh sáng nhạy hơn Super XX,

Super XX nhạy hơn Plus X, Plus X nhạy hơn Panatomic X v.v...

Ngoài tính nhạy, còn lại thành phần thuốc phim nên đề ý hột lớn, hột nhuyễn, là các yếu tố cần phải kể trong kỹ thuật phóng đại hình.

2. -- CHỤP ẢNH. — Trong việc chụp ảnh, chúng ta có thể phân ra các giai đoạn: xem ánh sáng, nhắm chừng máy ảnh và mở máy bắt ảnh.

a/ Xem ánh sáng:

Con mắt người phạm đoán ánh sáng không có sự bảo đảm đúng với sự thật, bởi vì sự điều tiết của mắt rất vô chừng. Ví dụ một người từ một phòng tối bước ra ngoài trời sẽ bị ánh sáng làm choá mắt (éblouissement). Vì lẽ con người quen mở rộng ra lớn trong khi còn ở

trong tối, vì vậy mà bị ánh sáng ngoài trời tập trung nhiều vào mắt (tuy là ánh sáng ngoài trời nói đây không phải nhiều hơn mực độ bình thường).

Người chụp hình cần phải sắm một máy đo ánh sáng hầu tránh các sự phỏng đoán sai lầm (xem hình máy đo ánh sáng).

Khi chụp hình ngoài trời, chúng ta sẽ cỡ những quang cảnh như sau:

- Mặt trời chói sáng, bóng vật rõ rệt
- Mặt trời bị mây che khuất
- Trời có mây xanh trong trắng sáng
- Trời có mây đen sầm tối, giống như ở trong bóng mát
- Trời có mây sầm tối nhiều.

Nói một cách khác, nhiếp ảnh viên gặp trời nắng sớm mai, trời nắng đứng bóng, trời nắng xế chiều và những cảnh vật u ám, hoặc trường hợp phải chụp hình trong tối và nơi thiếu ánh sáng.

Đối với mỗi cảnh vật, phải rút thêm kinh nghiệm để biết cách điều chỉnh vật kính cho đúng lối.

Máy đo ánh sáng có ích trong việc chỉ cho ta biết các con số thích hợp phải điều chỉnh vật kính máy ảnh đối với mỗi trường hợp chụp ảnh với điều kiện ánh sáng vừa kể trên.

Một mặt khác, các trường hợp chụp ảnh còn được phân tách ra như sau đây:

(1) ASA xin đọc là «American Standards Association»

— Chụp ảnh vật đứng yên (bàn ghế tủ trong một phạm trường)

— Chụp ảnh vật cử động thường (ví dụ người đi bộ)

— Chụp ảnh vật cử động rất nhanh (xe chạy, máy bay đang bay).

Các việc nhận xét trên đây có ích trong việc lựa chọn độ chớp. Độ chớp thì lại liên quan mật thiết với số mở rộng vật kính máy ảnh, do máy đo ánh sáng chỉ cho biết.

Khi chụp hình ban đêm với đèn, vật-kính phải mở lớn và kéo dài thời gian bắt ảnh, để tránh hiện tượng thiếu ánh sáng (sous exposé).



Máy đo ánh sáng

Cách dùng : — Vận số ASA

— Chọn số độ chớp để bắt ảnh

— Đọc số mở vật-kính theo máy đo ánh sáng chỉ cho thấy ngay số độ chớp.

b/ Nhắm chừng máy ảnh :

Danh từ nhắm chừng máy ảnh có nghĩa là đặt máy ảnh trước vật và điều chỉnh vật-kính thế nào mà hình vật được thấy tỏ rõ, trong khi thấu vô phim ảnh.

Vật-kính máy ảnh là một thấu kính hội-tụ. Như mỗi thấu kính nó có một tâm điếm và một tiêu-diếm-ảnh chính (nói tắt).

Trong loại máy ảnh có tiêu-cự định trước, phim hình đặt nằm ngay ở mặt-phẳng-tiêu. Như thế, trong khi vận vật-kính, nếu ta nhìn thấy được hình tỏ rõ trong mục kính dùng để nhắm hình, thì lẽ tất nhiên là hình vật đã rơi ngay trên tiêu điếm-chính. Nếu trong mục kính để nhắm chừng hình, ta thấy hình vật không tỏ rõ, tức là hình vật chưa đứng với tiêu-diếm-chính.

Thêm nữa, trên máy ảnh ta có một mục kính thứ hai có đóng khuôn để nhắm bắt hình cho vào khuôn khổ của phim ảnh. Nếu không nhắm ngay (sai tâm điếm của vật-kính), ảnh vật sẽ bắt vào một tiêu-diếm phụ thuộc về hình và sau khi rửa hình, sẽ thấy hình không rõ, và không nằm cân xứng trong khuôn khổ của phim,

Trong việc điều chỉnh vật hoặc người đem chụp hình, thì nhiếp ảnh viên có kinh nghiệm và một cặp mắt mỹ thuật khi xem qua một vật hoặc một người trước máy ảnh, sẽ thấy được các khuyết điếm để sửa lại. Người mới học nghề tất nhiên phải nhận chịu các điều thiếu sót về phương diện ấy.

Đối với các vật đứng yên, như đồ vật trang trí trong một phạm trường, thì ít khi phải gặp sự thắc mắc. Ta sẽ mở cửa sổ, vận đèn điện trong nhà, dùng đèn chớp để phát xuất thêm ánh sáng, lựa chỗ đặt máy ảnh để bao gồm một phim trường rộng rãi v.v... (thay vì lẫn xê dịch các đồ vật sai phép).

Đối với những vật cử động, nhiếp ảnh viên phải linh động hơn.

Bất kỳ trường hợp nào, nguồn sáng luôn luôn phải nằm về phía sau lưng của nhiếp ảnh viên và rơi ánh sáng ngay vào vật hứng ánh sáng.

Khi muốn chụp ảnh một vật cử động quá nhanh, không nên chụp gần, mà phải đặt máy ảnh cách xa vật.

Điều kiện rơi ánh sáng đúng chiều vào vật là điều kiện tối cần để có một hình đẹp; ngoài ra nhiếp ảnh viên không quên các chi tiết nhỏ, như sửa mái tóc của người ngồi chụp hình, sửa áo quần có lần xếp không đẹp mặt, kéo ngay cả vật, mời người chụp ảnh làm nở một nụ cười duyên v.v...

(Xem tiếp trang 52)

NẾ U ai gặp anh bây giờ thì cũng không thể cho rằng chính anh đã một lần thốt ra câu: «Thật là một giấc chiêm bao». Anh cũng tự nhận như vậy, nhận cái lỗi lầm của sự suy-luận vô trách-nhiệm, của tầm mắt thiên-cận, của ý-thức nông cạn trước một việc tẩy đình: nền độc lập của xứ sở. Chỉ một đêm qua, từ một chế độ thuộc địa, Việt-Nam đã bứt xiềng xích nô-lệ, để tọa-hưởng một «tình trạng độc-lập». Ấy thế mà anh cũng không thấy vui hơn; đã không vui hơn, thì anh cũng không thấy cảm hờn cho cuộc sống đê nhục của kẻ vong nô những ngày qua. Không vui vì độc lập, không cảm phẫn vì kiếp nô thuộc, anh lại đứng đưng trước thời cuộc như một khách bàng-quan, một người ngoại cuộc. Anh còn cho rằng một số ngoại kiều lăng-xăng, lo lắng, chỉ là có thái-độ hiêu kỳ, ngông nghênh, vì họ can dự gì vào nền độc-lập của một nước mà họ lưu trú tạm thời.

Cũng sáng hôm đó, anh thấy giấc chiêm bao của đêm trước còn nhiều tình tiết lý thú do anh dò nghe được. Anh tóm câu chuyện kỳ ảo nhất là cuộc chiêm đống Phi trường Bạch mai: quân đội Nhật chia các ngã, vây phi trường, rồi nổ súng ran. Quân đội Pháp thất thủ sau nửa tiếng đồng hồ, chịu nhả phi trường. Mà nào đâu có chuyện chạm súng cho cam: tiếng nổ như súng đạn kia chỉ là pháo đốt trong thùng sắt tây.

Đầy, cái độc-lập của xứ sở do người Nhật giành giựt ở tay người Pháp, để rồi chuyển trả cho người Việt-Nam năm 1945! Và chỉ một đêm qua nhiều người tỉnh dậy, thì được tin là nước nhà độc-lập: rõ ràng một giấc chiêm bao đẹp đẽ. Thế rồi hôm nay, anh thở không khí là không khí độc-

lập, anh thụ hưởng cái độc-lập trong thâm kín tinh thần; anh bắt đầu có cảm giác nhẹ nhàng về sự trường tồn của đất nước. Anh trở trên nhận lấy trách nhiệm của thế hệ anh sống là đã làm tròn sứ mạng giành độc-lập truyền lại cho con cháu sau này. Tư tưởng ấy lọc qua lương tâm của anh, tự nhiên phải nhường chỗ cho sự thật: không phải anh đã giành độc-lập, cũng chưa phải thế hệ anh đã giành độc-lập, mà là mượn tay người Nhật, người ngoại quốc, người tung ra thuyết «Á Đông của người Á Đông» Sự thật ấy đánh vào trí óc trọng Khổng giáo của anh: ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Anh cảm ơn người Nhật, quân đội Phù tang đã giúp Việt-Nam giải phóng đất nước khỏi ách thực dân Pháp. Chứ cứ như anh nghĩ, thì đâu có dễ dàng giành lại độc lập ở tay bọn thông trị, bọn đế quốc, bọn thực dân... Chúng gian ngoan trăm phương nghìn kế để che đậy lòng dạ lang sói của chúng. Với kẻ ngu ngờ thì chúng ra ân ra phúc, để tầm tặc một lòng chung thủy với mẫu quốc. Với kẻ hiểu biết thì chúng nói rộng sự kiểm chế, san sẻ cho chút quyền hành, lợi lộc để khỏi nghĩ tới việc chống lại chúng. Với người nặng lòng Dân tộc, sôi máu quật cường, thì chúng không mua chuộc nổi nên tìm phương sát hại, loại trừ, khủng bố ngay bằng những hình phạt cầm cổ tù đầy... cả một chính sách đàn áp bao trùm làng xóm đến thị thành, hỏi còn đâu sơ hở để dân bản xứ nổi lên khởi nghĩa được... nếu không nhờ tay người Nhật. Anh nghĩ như vậy để rồi nằng ngay người Nhật lên hàng cứu tinh nhân loại. Cũng may mà có cuộc «đảo chính Nhật», con người anh mới bừng tỉnh trước vấn đề đất nước bị suy vong dấy xéo, chà đạp. Anh sống thích thú



GIẤC CHIÊM - BAO

của SONG - BỒ

với cái thiên cận, cầu an, tiêu cực, để rồi dần dần anh bước vào con đường suy luận thời cuộc học tập chính trị, anh ngã ngựa người trước cái độc-lập của quân đội Nhật ban cho. Độc-lập đâu có dễ dàng và nhanh chóng giành lại trong khoảng khắc một đêm ngon giấc. Độc-lập đâu có phải là một ân huệ của nước này ban cho nước kia. Độc-lập phải tự mình giành giật lấy, bảo vệ lấy, xây dựng lấy. Độc-lập Việt-Nam phải do con cháu Lạc Hồng đem máu xương từ Bồn ngàn năm quật cường cho tới nay và mãi mãi, để ôm ấp, vun đắp lấy. Dân tộc Việt-Nam đã bao phen hưng vong giông lịch sử đã chói rạng nét son tranh đấu giành độc lập, đâu phải thứ độc lập bụi tai ngọt giọng của một đêm đảo chính, sau một giấc chiêm bao. Thế mới biết hình thức đề quốc của bọn xâm lăng ngày một tinh vi: chúng dùng những chiêu bài «độc lập», «tự do» để lừa gạt những kẻ xuân ngu, những phần tử u mê, những con người vô trách nhiệm. Chúng dùng những danh từ «nước bạn» để che giấu dã tâm xâm lược... Mãi khi bọn Nhật đầu hàng, anh mới phản tỉnh để nhìn cuộc thế dưới con mắt sáng suốt hơn. Nhật giải giáp, quân đội Tàu tiếp thu, bọn Việt-Minh Cộng sản cướp công kháng chiến, lũ Thực dân lại tái chiếm đất đai, cái trò độc lập, giải phóng lại được đưa ra với những bọn hề mới đội lốt Quốc gia Dân tộc, mang danh Dân chủ, giải phóng.. chúng đã trắng trợn bán đứng Việt Nam cho ngoại bang. Trên dưới MỘT TRIỆU người Việt đã không ngu xuân, đã ý thức trách nhiệm, thoát ra ngoài vòng thao túng của chúng: di cư, vượt tuyến, băng rừng... đi tìm tự do, tìm độc lập: độc lập thực sự của đất nước. không một hình thức giả tạo ngấm ngấm nào của ngoại bang. Trên phần đất phỉ nhiều của Miền Nam nước Việt, Dân tộc Việt Nam đã giành giật Độc lập. Toàn dân đoàn kết sau lưng NGŨ TỔNG THÔNG để trùat phê hôn quân Bảo Đại đang lừa gạt nhân dân với danh từ độc lập vinh thân phì gia. Với ý chí ấy, toàn dân đã dẹp tan mộng hùng cứ sứ quân của Bình Xuyên giáo phái, đã bạt rẫy một cách êm ru đoàn quân viễn chinh, con cưng của Đề quốc xâm lược. Toàn dân còn giành giật độc lập trên những đồi núi chập chùng để gỡ ĐẤT MẸ ra khỏi tình trạng kém mớ mang. Họ tiếp tục không ngừng, để diệt Cộng phỉ còn lăm le nuốt chửng miền Nam, để đá Phong còn là mắ mồng

chặn đứng bước tiến của cuộc Cách mạng Dân tộc, để đá Thực còn cầu kết với những phần tử bán nước, không muốn rời bỏ miếng mồi Việt Nam.

Họ ghê tởm cái độc lập bề ngoài, được xếp đặt qua một hình thức tinh vi của Đề quốc mới, nằm ẩn trong danh từ Dân tộc, Dân chủ... Họ tranh đấu lấy Độc lập thực sự, trong thể chất của độc lập nghĩa là hoàn toàn trong nguyên tắc Dân tộc tự quyết. Họ hiểu rằng độc lập đất nước không thể có chút lệ thuộc vào phe này hay phe nọ, khỏi này hay khỏi nọ. Những ngón lừa bịp phỉnh phờ của Thực Cộng đã bị họ phỉ nhổ, họ chỉ biết có Chính nghĩa. Chính nghĩa ấy là con đường Cộng Hòa Nhân Vị. Họ tin tưởng ở NGŨ TỔNG THÔNG cha đẻ của chế độ Cộng Hòa Nhân-Vị. Họ trung thành với Người đề cũng cớ độc lập mà Người đang dẫn dắt họ để giành giật, xây dựng và bảo vệ.

Ngày nay, ở mỗi dịp Quốc Khánh, anh không khỏi nghĩ lại «Giấc chiêm bao» hay trò hề Nhật thuộc, để ngẫm lại những giấc chiêm bao của thời nô thuộc gần hay xa, qua 4000 năm lịch sử.



Cho đến bây giờ, có người hỏi anh, nước nhà đã độc lập chưa. Anh mạnh dạn trả lời rằng: độc lập rồi. Nhưng anh không quên tiếp thêm rằng: chúng ta không nên hỏi bằng một thái độ trông chờ ý lại, chúng ta phải tự vấn, với nền độc lập xứ sở, chúng ta có nhiệm vụ gì trong đó, và chúng ta đã lo tròn nhiệm vụ ấy chưa? Có độc lập hay chưa, cái đó tùy thuộc ở mỗi người trong chúng ta. Chúng ta không quan niệm độc lập một cách tuyệt đối, nhưng cũng không đem một quan niệm tương đối để bào chữa cho sự ý lại của mình. Mỗi lần còn ý lại là mỗi lần chưa có độc lập. Mỗi lần xa lánh ý thức Dân tộc, Dân chủ là mỗi lần chỉ có độc lập giả tạo. Phải mang cho Dân tộc ảm no, phải là vì sự trường tồn, cường thịnh của Dân tộc, trong tình thương nồng ấm Dân tộc.

Chỉ có cái lo Dân tộc, cái tình thương máu huyết mới giành giật được độc lập thực sự. Chỉ có người Việt nặng lòng Dân tộc, yêu nước thương nòi mới có trách nhiệm và bổn phận giành giật, cũng cớ và xây dựng lấy độc lập cho xứ sở; không thể là người Nhật trong giấc chiêm bao 1945, cũng không thể là những bọn tay sai ngoại bang, bán nước cầu vinh, càng không thể là bọn Cộng sản tham tàn, vô đạo, phỉ nhân, chuyên gây loạn để cướp chánh quyền hòng làm thỏa mắ lũ Đề quốc đồ

TRI VÀ HÀNH

TRI mà không HÀNH thì cũng vô ích. Bất cứ trong việc gì, những kẻ TRI mà không HÀNH thật là đáng trách. Đối với việc Quốc Gia đại sự, TRI mà chẳng HÀNH còn thật là đắc tội với Tổ-Quốc, Giống-Nòi

PHẪM đời ở muốn làm một việc gì cũng cần phải nhắm tới mục đích và phải lường ước những giai đoạn phải trải qua, những khó khăn sẽ vấp phải từ lúc khởi sự cho tới khi đạt thành. Nhắm mắt đưa chân là hành động của những người thiếu ý thức. Kẻ thức thời mẫn thế bao giờ cũng canh cánh bên lòng những kinh nghiệm của biết bao nhiêu người đã từng với thời gian quay cuồng trong cát bụi đề mưu cầu sự sống khả quan cho chính bản thân, gia đình, cho đồng bào, đồng loại. Nước mắt của những người đã bước qua con đường mà mình sắp đi tới là một cái gì mà người đời không tài nào đánh giá cho được. Kẻ đi trước đã sa lầy sìa hổ, người đi sau há không biết tìm lối khác để khỏi phải đâm đầu xuống vực hay sao ? Do đó mà «ôn cố tri tân» là một việc vô cùng khẩn thiết.

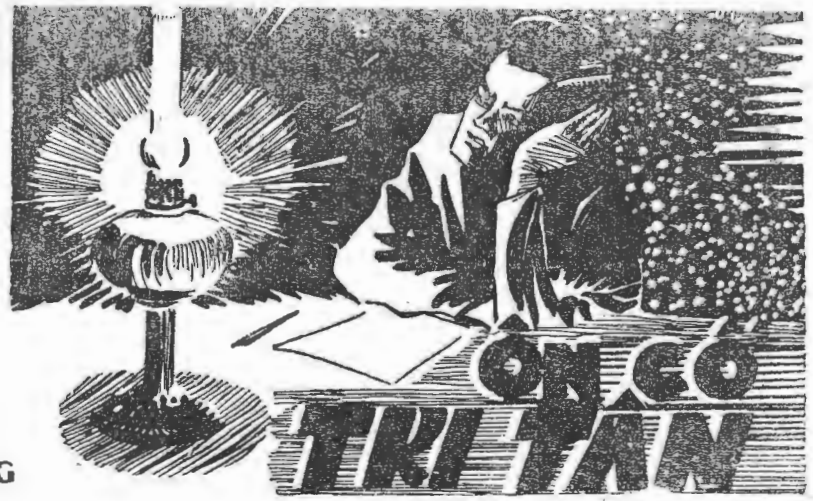
Phải ôn cố đề mà tri tân, hãy xem gương người mà liệụ phận mình. «Ôn cố tri tân» đề mà học hỏi ở người trước những cái hay, cái tốt, đồng thời tránh xa những cái nguy hại mà người đã vấp. Nhất là «ôn cố tri tân» trong đường lối chính trị, trong cách hành sự đề giúp ích cho nước, cho nhà là một việc thật hết sức trọng đại, liên quan đến sự sống còn không những của chính mình mà còn có ảnh hưởng đến cả muôn vạn sinh linh. . Và đề làm sao cho khỏi cái thảm cảnh ngàn năm hối tiếc mà hơn một lần có những người cùng hoàn cảnh như ta đã và đang ôm hận.

Hay lắm ! Tuyệt lắm ! Khẩn thiết vô cùng ! Nhưng một khi đã «ôn cố» và «tri tân» rồi là một việc, mà có biết hoặc có chịu đem những điều đã biết được đề mà áp dụng hay không ? Nghĩa là «tri» rồi mà có chịu «hành» hay không lại là một việc khác.

Tri mà không Hành thì cũng vô ích. Bất kỳ trong việc gì, những kẻ Tri mà chẳng hành thật là đáng trách. Cho nên đối với việc quốc gia, đại sự, Tri mà chẳng Hành còn thật là đắc tội với Tồ quốc, giống nòi.

Bởi đó, kẻ dốt nát nhưng tự dấy lòng chân thật với bầu máu nóng, mạnh dạn viết những dòng này đề phác lại rằng một Lý-Tế-Thâm, một Khánh-Như-Tiếp, một Trùng-bảo-Sơn của nước Trung Hoa và của Tổng Thống Tưởng-Giới-Thạch là một bài học vô cùng đắt giá. Nó hằng lưu ý mọi người phải luôn luôn đề cao cảnh giác, phải biết rằng bọn Cộng sản với chính sách «trường kỳ mai phục và bám sát leo cao», hằng áp dụng muôn ngàn hình thức quỷ quyết khác nhau, cố gài cố nhét người của chúng vào hàng ngũ quốc gia đề mà phá hoại.

Chưa hết, kinh nghiệm đầy máu lệ của Trung Quốc còn sờ sờ ra đó : bên cạnh bọn Cộng sản phá hoại còn có những phần tử đồng minh của chúng. Bọn này sợ những cái hay, cái tốt. Chúng là hạng người sợ ánh sáng. . . chuyên nghề xu nịnh, giỏi tài gọt đẽo, che giấu, xuyên tạc sự thật nhất là những sự thật, tuy phủ



★ ĐINH - TRỌNG

phòng nhưng rất cần thiết cho đường lối, chính sách của chính phủ, của lãnh tụ, những sự thật gắn liền với sự mất còn của quốc gia.

«Ôn cố tri tân» đề phải biết rằng bởi nguyên nhân nào mà ở Trung Hoa trước đây, những tên sâu mọt và những tay sai lộn sòng của địch với đủ tài liệu, hồ sơ chứng minh, vẫn được ngang nhiên trọng dụng trong khi biết bao cán bộ đầy công lao, dư tình thần, ôm bầu nhiệt huyết sống trong cảnh bị «ra rìa», bị «trị trắng xương»... trong khi những thành phần ưu tú của quốc gia đành phải đau đớn «ném tất cả bầu nhiệt huyết xuống biển tiêu cực hoặc cố gắng trong tuyệt vọng thảm thương!»

«Ôn cố tri tân» đề mà biết bởi lý do nào mà ngày trước bên Trung Quốc đã có những tờ báo cáo rất «kêu»: những 90 0/o dân chúng theo Chính Phủ Quốc Dân Đảng hoặc có xu hướng quốc gia, khi mà sự thật đã ngược lại vì 90 0/o dân tuy không ưa gì Cộng sản nhưng đã ngã theo Cộng sản hoặc có ác cảm với Quốc quân!

«Ôn cố tri tân» đề mà biết rằng mặc dầu dưới tay có rất nhiều người tuyệt đối trung thành và vì vận mạng của Non Sông, Đất Nước đã viết lên những bản điều trần hoen lệ, đề nói lên sự thật và có mục đích kéo còi báo động, nhưng đã không làm sao tới được tay Lãnh Tụ Tưởng Giới Thạch...

Phải chăng vì đã có những kẻ đã quá thương Lãnh tụ của họ. Họ sợ Lãnh tụ họ buồn, họ không muốn Lãnh tụ của họ lo! Ôi! Còn gì nữa mai hơn nữa...!

Còn biết bao nhiêu sự đau lòng khác, mà mãi cho tới lúc Tưởng Thống Chế của Trung Quốc phải bỏn đảo ra hải đảo thì mới hay, nhưng than ôi, đã quá muộn màng!

«Ôn cố tri tân» — Kẻ hậu sinh này xin đành chịu tội hỗn xược mà hỏi tác giả bài «Tâm sự một bại tướng» ở mục «ôn cố tri tân» trong Nguyệt San Bạn Dân số 19 rằng:

— Tiên sinh đã có cảm nghĩ như thế nào khi nghe bại tướng Lư Hoàng Sinh thờ lộ «Lãnh tụ chúng tôi, một bậc vĩ nhân của thời đại; một vị cứu tinh của dân tộc, xả thân vì non sông, đất nước nhưng than ôi, người lại bị bao vây bởi một hàng rào Phong kiến và Cộng sản!»

Và khi viết nhắc lại lời tâm huyết ấy của một người Trung Hoa yêu nước sống trong cảnh nhục nhã của kẻ chiến bại và nước mất nhà tan, tiên sinh có thấy xương sống mình ớn lạnh vì bài học đầy huyết lệ của người Quốc Gia Trung Hoa mười năm trước đây không tiên sinh?

TRI
VÀ
HÀNH



GIÁN - ĐIỆP

- o NHỮNG KẸ MƯU PHẢN CHUYÊN NGHIỆP VÀ NHỮNG KẸ MƯU PHẢN VÌ LÝ-TƯỜNG
- 250 CHUYÊN VIÊN NGOẠI NGỮ TẠI CƠ QUAN DANH BẢN
- o KỸ THUẬT MỚI, KẸ TỪ NGÀY KHROUTCHEW NẮM CHÍNH QUYỀN TẠI NGA-SÔ
- ĐIỆP VIÊN LƯU ĐỘNG
- o TỔ TRƯỞNG TÌNH BÁO
- TRUNG TÂM TÌNH BÁO TẠI CÔNG TRƯỜNG KALYAYEV MẠC-TU-KHOA.

GIÁN ĐIỆP NGA SÔ HÀNH ĐỘNG

ÔNG E. H. Cookridge, cựu sĩ quan tình báo Anh quốc, trong suốt thời gian phục vụ cơ quan này đã nghiên cứu những phương pháp của gián điệp Nga Sô và thu lượm nhiều điều tiết lộ của các Tình báo viên Sô. Viết sa lưới Tây phương cũng như những tài liệu của các nhân vật cao cấp Sô Viết ly khai với chế độ Cộng sản.

Chính Phủ Anh vừa cho phép ông Cookridge công bố một tập tài liệu mà báo Figaro trích đăng những đoạn sau đây. Tác giả sẽ trình bày tại sao sau khi Khroustchew nắm chính quyền kỹ thuật tình báo Sô viết được thay đổi sâu sắc và cải tiến, những phương pháp tuyên mộ điệp viên để hoạt động tại Tây phương, và những điệp viên đó được đào luyện ra sao tại những trường chuyên môn, cũng như công cuộc điều hành Trung Tâm Tình

Báo Nga Sô tại công trường Kalyayev Mạc-Tu Khoa.

★

Vào một buổi chiều tháng 5 tại kinh thành Luân Đôn, trong một tửu quán nằm bên nhà thờ St Alban, khách hàng thưa thớt, vắng vẻ. Có hai người đang chơi ném tên. Hai tửu đồ chén chú chén anh tại quày rượu, ở phía xa một người khác đang vùi đầu vào bài toán ô chữ.

Bỗng có 2 người khách bước vào, họ tiến vào góc quán và gọi giải khát. Một người trẻ, mái tóc nâu rậm rạp. Người kia thì nhiều tuổi hơn, đầu hơi hói. Một lúc sau, một người khách thứ ba nhập vào bọn hai người này. Sau vài câu thăm thì to nhỏ, người khách thứ ba và người hỏi đầu trao đổi với nhau một bì thư. Đúng lúc đó họ bị mấy tửu đồ và người khách chơi ô chữ bao vây.

Hai người trao đổi phong bì là Thiếu tá Ivan Pupyshhev và Đại úy Audrey Gudkov, đều là phụ tá tùy viên quân sự Sứ quán Nga tại Luân-

Đôn. Phong bì trên tay Thiếu tá Pupyshhev bên trong có những tấm họa đồ gần giống như đồ bản bí mật của hỏa tiễn De Havilland Firestreak (hỏa tiễn này được phóng pháo cơ phóng ra khi đang bay) nhưng thực ra đó chỉ là những tài liệu được ngụy tạo không có giá trị gì cả. Bì thứ hai có 2.000 Anh kim dùng để trả công cho người thứ ba, là một gián điệp người Anh.

NHỮNG TÀI LIỆU KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ THỰC TẾ

Trong mấy năm vừa qua, các sĩ quan tình báo Anh kín đáo thám sát tại nhiều khu vực tại thủ đô và ngoại thành Luân Đôn, ban đêm thì dò xét tại một đường phố vắng vẻ, sáng sớm thì tuần sát trong chợ búa trong một tửu quán, tại một nhà hàng lớn, trong những công viên.

Nếu những can nhân thuộc phái bộ ngoại giao như trường hợp Pupyshhev và Gudkov, vấn đề thường thường bị giấu nhem. Những tên gián điệp không bị đưa ra xét xử và Bộ

NGA - SÔ HÀNH - ĐỘNG

★ **Sưu tầm của HOÀNG-LONG**

Ngoại Giao chỉ ra một thông cáo ngăn báo tin là họ bị trục xuất ra khỏi lãnh thổ.

Đề chiếm đoạt những tài liệu bí mật tại phòng nghiên cứu của Hải quân công xưởng hoặc tại một viện thí nghiệm hải quân, tình báo Nga sô tìm cách mua chuộc công nhân tại những cơ quan kể trên. Những người này là đàn ông hoặc phụ nữ, có thể là những phần tử có thiện cảm đối với chế độ cộng sản hoặc là vì vụ lợi mà đi tới chỗ phản bội. Chính Nga sô tìm kiếm những người thuộc về loại này ; kinh nghiệm chứng minh rằng những tên mưu phản chuyên nghiệp là những cộng sự viên chắc chắn và có lợi ích hơn những phần tử hoạt động vì lý tưởng.

Về những cơ sở tình báo tại ngoại quốc, Nga Sô tổ chức rất chu đáo, Tổng Hành Dinh tình báo tại Mạc tư Khoa cung cấp cho các cán bộ hải ngoại danh sách những phần tử có thể cộng tác với Nga sô và những phương pháp để có thể tiếp xúc với những phần tử này sau khi dựa theo một cơ quan rất tinh vi ; đó là cơ quan danh bản Zapiski thiết lập tại tòa nhà « Komiter Cossudarvenoy Bezopastrosti » gọi là an ninh quốc gia tại Mạc tư Khoa, gần sát ngay lâu đài văn hóa. Cơ quan danh bản này có đầy đủ tính danh những người Tây phương đã một vài lần biểu lộ thiện cảm với Liên Sô hoặc với một trong những nước chư hầu, đã tham dự một buổi họp văn hóa của hiệp hội thân hữu tại Luân Đôn (những tổ chức này nban nhân tại Anh quốc), đã thăm dò điều lệ đề du hành sang bên kia bức màn sắt. Kể cả những phụ huynh học sinh đang tìm cho con

em mình một người bạn Sô viết đề trao đổi thư từ, và những người sưu tập bưu họa thường tới sứ quán Nga yêu cầu những con tem hiếm có.

Là một cơ quan độc nhất vào loại này, « Zapiski » tập trung những tài liệu về tư thế, bản sao những tài liệu thư từ, hình ảnh, những mẫu báo do các cán bộ tình báo hải ngoại thu lượm được. Những tài liệu kể trên bao trùm hàng triệu người được tàng trữ tại nhiều căn phòng có cửa sắt điều động bằng điện-



MỘT cán bộ tình báo Nga sô vừa được hưởng quyền tỵ nạn tại Anh quốc đã tiết lộ những tài liệu kể trên được thiết lập ra sao. Và sau đây là thí dụ về trường hợp một công dân Anh cát lợi :

I. a) - nghề nghiệp hiện tại và trước đây.

b) - tình trạng quân vụ

c) - lương bổng

d) - có yêu nghề không ?

e) - liên hệ với thượng cấp, có được thượng cấp tín nhiệm không ?

II. a) - gia đình, mực sống, thành phần xã hội.

b) - văn hóa, (bằng cấp, năng lực chuyên môn) kinh nghiệm kỹ thuật hay khoa học.

c) - quan niệm chính trị, có tham gia đảng phái nào không.

Tư tưởng đối với Hoàng gia Anh, đọc những nhật báo nào ?

d) - tình trạng tài chánh, dự tính cải thiện đời sống gia đình (có định mua nhà, mua xe hơi không ?) có mua chịu không. ?

e) - thái độ đối với Nga sô, quan niệm đối với cộng sản, với chính sách thuộc địa, với sự kỳ thị chủng tộc, khuynh hướng tôn giáo.

III. a) - Sở thích về rượu, đàn bà, gái đẹp, các thứ sa hoa, nghỉ hè tại ngoại quốc.

b) - thích đời sống trầm lặng, yên tĩnh, có thú đọc báo, giải trí, những môn thể thao ưa thích và ham chơi.

c) - Có phải là người sống về nội tâm, chịu ảnh hưởng của vợ hay bố mẹ, hay có tinh thần tự lập.

d) - tật nguyên gì về sinh lý ? truy lạc ?

e) - liên hệ quyến thuộc, mô tả giản lược gia đình và thân hữu.

Theo lời thuật lại của những nhân vật cao cấp cộng sản lãnh nạn sang khu vực Tây phương, cơ sở danh bản kể trên hàng ngày có 250 nữ cán bộ am tường nhiều ngoại ngữ phụ trách trông nom sắp xếp.

Cơ quan gián điệp Tây phương tự đặt câu hỏi tại sao giới điều khiển tình báo Sô viết lại bản tâm vào muôn nghìn công việc bề bộn về những tài liệu không có lợi ích cấp thời thuộc những phần tử không có hy vọng trở thành gián điệp hay mật báo viên.

MỘT KHÍ CỤ ĐE DỌA PHÁT GIÁC TỘI PHẠM

Một giải đáp được đặt ra : Cơ quan danh bản độ sô kể trên trong một dịp thuận tiện nào đó sẽ trở thành một khí cụ sắc bén đe dọa phát giác tội phạm : trường hợp một công chức nợ nần, bản bách sẽ có

một người bạn thân sẵn sàng lôi kéo anh ta ra khỏi nước bí hoặc cho mượn số tiền cần thiết. Nếu người công chức này từ chối, một lá thư nặc danh sẽ được gửi tới nhà cho vợ của người này hay. Và từ từ, người đó sẽ bị lường gạt, sa vào cạm bẫy, tài liệu đầu tiên đã được trao cho gián điệp Xô viết.

Gần hai năm nay, Mạc tư Khoa tránh không dùng các nhân viên phái bộ ngoại giao trong công tác gián điệp; công việc này hoàn toàn ủy nhiệm cho những cán bộ chuyên nghiệp, vì những người này dễ dàng thoát ra ngoài màng lưới của đối phương. Sự chuyển hướng này có lẽ do Khroustchew quyết định vì ông ta không muốn các nhân vật ngoại giao sứ giả của chính sách chung sống hòa bình bị liên can vào các công cuộc có tính cách phá hoại và bị bắt quả tang trong khi hành động. Ngoài ra, cơ quan gián điệp Xô viết tuyển chọn những cán bộ không có nghề nghiệp chính thức; điềm này, bắt chước phương pháp của Anh, theo đó những gián điệp sẽ phụ tá những tư nhân có nghề nghiệp khả trọng nhưng ít có tính cách đại diện. Thí dụ như một người bán sách tại ngoại châu thành Luân Đôn, hoặc một nhiếp ảnh gia có cửa hiệu tại khu vực quý phái, những nơi này sẽ là bức bình phong che khuất mọi sự hoài nghi.

Cơ quan gián điệp Xô Viết tại ngoại quốc là một tổ chức vô cùng phức tạp. Đầu não, tổ chức này là một thủ lĩnh tại khắp các đô thị Tây phương và những thị trấn lớn. Nhân vật này không xen vào công cuộc hoạt động nhưng có nhiệm vụ giặt giũ.

Tên gián điệp dưới quyền tên thủ lĩnh sẽ chuyên báo cáo tới thủ lĩnh qua thùng thư hoặc qua trung gian các điệp viên lưu động. Thùng thư này có thể được đặt tại một căn phòng thay y phục tại một trà thất

sang trọng như nhà Lyon's Corner tại Luân Đôn. Mật thư sẽ tới tay một tên liên lạc viên khác và qua nhiều chặng trung gian mới tới tay tên thủ lĩnh

Điều khó nhất là việc chuyển tài liệu ra ngoài, nhất là những tài liệu công kênh hoặc tranh ảnh. Nhiều phức trình được chuyển đạt bằng vô tuyến điện (mỗi tên thủ lĩnh có máy phát thanh có tầm hoạt động mạnh, xa tới 8.000 cây số). Về những gói và bì thư không được chuyển bằng va li ngoại giao, vì viên thủ lĩnh gián điệp Xô viết tránh không chuyển những tài liệu mật đó về nước qua sứ thần Nga vì có thể bị phản gián, như người ta được biết các sứ quán đều được canh phòng cẩn mật.

TRUNG TÂM TÌNH BÁO NGA SÔ

Tại công trường Kalyayev gần trụ sở bộ An-Ninh, một căn nhà ba tầng, xinh xắn sát điện Cầm Linh. Tòa nhà này bằng cẩm thạch xây cất năm 1775 gần lâu đài nghị trường hồi Nga Hoàng, trước đây nơi đó là tư dinh của một nhân vật cao cấp thượng nghị viện. Bây giờ là trụ sở đầu não của một tổ chức gián điệp lớn nhất thế giới (cơ quan ngoại vụ của bộ An Ninh quốc gia: Innostrenny Otdyel). Cơ quan này có một giám đốc, 12 phụ tá, có nhiều ban và nhiều tiểu ban giúp việc. Sau khi Khroustchew nắm chính quyền, hai vị giám đốc liên tiếp điều khiển trung tâm này là tướng Pietri Mikhailovitch Boghadnov và tướng Alexandre Panyvshkin. Trung tâm này gồm 12 cơ cấu và sau đây là những cơ cấu chính:

— **Ban thông tin.** Ban này chia thành nhiều tiểu ban, có nhiệm vụ thỏa mãn những điều mà chính quyền muốn biết. Tất cả những tin tức hoặc

những tài liệu tổ giác được đãi lọc tại đây.

— **Ban huấn luyện.** Phụ trách điều hành và tổ chức những trường điệp-báo, nhiều trung-tâm đào luyện những cán bộ tình-báo cho các nước thuộc-địa.

— **Ban chuyển vận.** Phụ trách phương tiện di chuyển các cán bộ (nhiều khi rất khó khăn); chính ban này đã tìm phương tiện đưa 2 tên gián-điệp Burgess và Mac Lean ra khỏi Luân-Đôn cũng như tìm cách cho vợ tên Mac Lean đào tẩu khỏi Thụy-Sĩ. Ban này công tác chặt chẽ với cơ quan Mật «Tayny Otdyel» chuyên việc ngụy tạo các tài liệu, giả thông hành giả mạo.

— **Ban truyền tin.** Có nhiệm vụ kiểm soát các đường liên lạc vô tuyến điện. Đài thu thanh quan trọng nhất của cơ quan tình-báo Xô-Viết đặt tại Leninska Gory, ngoại châu thành Mạc-tư-khoa, được ngụy trang thành viện Điện-tử.

Ban này có rất nhiều chuyên viên lỗi lạc về vô tuyến điện, ấn định mức độ các luồng sóng điện và phụ trách giờ phát thanh liên lạc với các tình-báo viên đang công tác tại Tây phương.

HOÀNG-LONG
(theo tài liệu báo Figaro)

Kỳ sau:

- Công cuộc đào luyện cán-bộ tình-báo tại Nga-sô.
- Nga-sô thiết-lập thành phố Coca-Cola tại miền Ukraine để huấn luyện các điệp-viên hoạt-động tại Hoa-Kỳ.





MỘT NÔNG - GIA

KỶ BÍ

nghề làm ruộng, chăm lo cần mẫn làm ăn. Ngoài việc làm ruộng, Bốc Thức còn là một người chăn dê có tài.

Đến lúc nước nhà bị nguy biến, bị bọn Hung Nô xâm lăng, Hán Võ-Đế sai phái các tướng sĩ ra tiền tuyến để chặn đứng làn sóng xâm lược bầu giữ vững bờ cõi. Bốc Thức vào kinh đô dâng sớ xin tình nguyện đem một nửa gia tài đáng giá nghìn lượng vàng dâng nộp để làm quân phí. Trước tấm lòng quý báu như vậy, Hán Võ-Đế cử sứ giả ra tiếp hỏi Bốc Thức :

— Nhà người đem gia tài giúp nước muốn được làm quan hay sao ?

Bốc Thức đáp :

— Thưa ngài, từ nhỏ chỉ lớn chỉ chuyên lo làm ruộng và chăn dê không học làm quan nên không muốn làm quan.

Sứ giả hỏi :

— Nhà người có muốn nhờ thế lực của nhà Vua để báo thù trả oán ai không ?

Bốc Thức thưa :

— Tôi không có người nào thù oán cả. Vì ở trong xóm làng, thấy ai nghèo thì tôi giúp đỡ, thấy ai làm việc không phải thì tôi khuyên can, nên giữ được tình thân thiện với mọi người.

Vị sứ giả của Hán Đế hỏi tiếp :

— Vậy nhà người đem phân nửa gia tài ủng hộ vào việc quân phí trong lúc này với mục đích gì ?

Bốc Thức lễ phép trình :

— Kính thưa ngài, nay bọn Hung Nô đến xâm lược đất nước, nếu không diệt trừ được, thì không những gia tài của tôi sẽ tan tành mà lại còn tính mạng của tôi, của vợ con tôi khó lòng được bảo đảm an toàn. Hơn thế nữa, trong lúc các tướng sĩ xông pha ra trận mạc, không màng nguy hiểm, không kể gian lao, không sợ gì đến mạng sống, hưởng hơ tôi ngồi ở nhà yên ổn làm ăn mà còn tiếc của hay sao ? Tôi có công danh dục và chăm chỉ làm ăn, chỉ ước mong có ngày được đem tiền của ra tham gia giúp nước.

Trước thái độ kỳ bí và tấm lòng quảng đại, yêu nước chân thành, ý thức nhiệm vụ của người công dân gương mẫu trong lúc nước nhà lâm nguy như vậy, Hán Võ Đế

nhật liệt khen ngợi và quyết định cho Bốc Thức làm quan, nhưng ông ta xin khước từ và nài xin cho được trở về làm ruộng và chăn dê như trước.

Cần mẫn tiếp tục nghề nông và chăn dê cặm cụi cho đến mấy năm sau, khi nạn đói hoành hành vì loạn lạc, mất mùa, tai ương, Bốc Thức đem nộp cho vị Thái Thú một số tiền hai mươi vạn để phát chẩn cứu dân qua cơn đói khát. Nhờ nghĩa cử ấy mà biết bao người đã thoát khỏi tay tử thần. Tình người lúc đó quý hóa biết bao, đậm đà biết mấy! Thật, một miếng khi đói bằng gói khi no. Bốc Thức đã thể hiện lòng yêu người một cách tha thiết và tình nhân ái của Bốc Thức đã được người đời mến chuộng.

Sau khi cơn đói khát đã được tạm ổn, Hán Võ-Đế nhận được tờ trình của quan Thái Thú tỉnh Hà-Nam, liền bố cáo khắp trong nước biết hành động phi thường của Bốc Thức đã đem tài sản ra giúp nước cứu dân. Nhiều nhà giàu khác noi gương Bốc Thức đem tiền lúa ra phát chẩn, nên dân thoát khỏi cơn đói khát và tiếp tục công việc làm ăn như cũ.

Hán Võ Đế triệu Bốc Thức về kinh và cho làm quan nhưng ông ta khần khoản xin từ chối vì tự cho mình ít học, không đủ «chữ» để làm quan. Nhưng Hán Đế nài ép và phong cho Bốc Thức làm quan lệnh huyện Hầu thị. Chẳng bao lâu dân trong huyện an cư lạc nghiệp, sinh hoạt phồn thịnh, mọi người đều ca tụng tài đức của Bốc Thức. Rồi từ đó về sau, nhờ tài ba đức độ, Bốc Thức được phong chức Thái Phó rồi đến chức Tể Tướng!

Tham vọng của thực dân Hung-nô thúc đẩy nên họ lại xâm lăng lần nữa. Bốc Thức dâng sớ tâu lên nhà vua:

«Quốc gia đang gặp nạn xâm lăng, kẻ thân dân phải liều chết diệt thù để giữ vững bờ cõi, cứu dân. Người có tiền của giúp tiền của, người có sức phải góp sức. Mọi người đều đồng tâm nhất trí, trên dưới quyết tâm diệt trừ quân thù, thì dù cho địch thủ có hùng mạnh đến đâu cũng phải tan rã. Nay thần xin đem con ở đất Lâm Truy ra tập cung nô, đem dân ở đất Bắc-Xương ra tập cỡi thuyền. Hẹn trong một tháng thần xin dân quân tiền lên miền Bắc, liều chết diệt thù để giữ vững bờ cõi, dù thân này phải bỏ nơi xa trảng.»

Hán Võ Đế chấp thuận chương trình ấy. Bốc Thức đã đem quân tiến lên miền Bắc và đã đánh tan giặc Hung-nô, sau được vua phong làm quan Nội-Hầu. Vua cũng không quên bố cáo cho nhân dân biết để ghi ơn và công lao sự nghiệp của Bốc-Thức, một nông gia kỳ bí.

Tấm gương cao đẹp của Bốc Thức ngày xưa ước gì được chiếu tỏa, thấm nhập vào đáy lòng của những người làm của nhiều tiền ngày nay.

C. Đ. T.

CÁI MÁY

MỘT đứa trẻ đang đứng thờ thẩn bên lề đường. Một tên lưu manh lại gần, nhìn trước nhìn sau không thấy ai liền dụ đứa nhỏ: « Đi ra chợ chơi đi em! »

Đứa nhỏ sợ hãi lắc đầu: « Không. Mẹ tôi dặn tôi đợi đây, lát nữa mẹ tôi ra. Mẹ tôi đang mua thuốc cho ba tôi trong tiệm kia kia ».

Gã lưu manh chưa chịu thua. Gã vội vỗ vai em rồi bảo: « Đền anh sang tiệm xin phép mẹ em cho ». Một phút sau, gã trở lại và bảo em: « Được rồi. Mẹ em cho phép em đi với anh ra kia anh mua cho bộ quần áo mới đẹp ».

Một giờ sau, Sở Cảnh Sát Los Angeles nhận được điện thoại báo cáo có một đứa trẻ đi lạc ở tận ngoại ô phía bắc thành phố, trong một công viên vắng vẻ. Em khóc lóc sợ hãi quá không thể tả lại cho Cảnh sát biết hình dáng kẻ lưu manh ra sao nữa.

Sở Cảnh sát gần như hết hy vọng tìm ra kẻ can phạm. Tên lưu manh đã đánh lừa em rằng gã đã xin được phép của mẹ em cho đi với gã để mua quần áo mới. Không một dấu vết, không một tang vật nào của gã để lại. Nhưng các điều tra viên đâu chịu thua. 5 phút sau đó, một chiếc máy điện tử không lồ tại Sở Cảnh Sát đã được bấm một cái nút, rồi một tấm phiếu rơi ra. Nhân viên giữ máy liền gọi điện thoại cho nhân viên phụ trách điều tra nội vụ và đọc trên tấm phiếu: « Kẻ lưu manh có thể tên là Nguyễn văn-Hai, ở số nhà 7728 đường X... nói dài. Sẽ gửi hình và bản miêu tả tướng mạo đến sau ».

Chiều hôm đó, Nguyễn văn-Hai bị bắt và thẩm vấn. Kinh sợ vì tài điều tra mau lẹ của Cảnh sát, gã đã thú tội ngay trước khi em bé nạn nhân kịp nhìn mặt gã.

Người ta lại kể truyện bầy tên trộm lành nghề, vô trang đầy đủ đã đột nhập một tòa biệt thự, phá tủ sắt lấy đi cả hàng trăm ngàn bạc. Chúng khôn khéo không để lại dấu tay hay một tang vật, dấu vết gì khác. Cũng không một nhân chứng nào đã mục kích cuộc ăn hàng của chúng cả. Nhưng chỉ 40 phút sau khi vụ trộm phát giác, Cảnh sát đã lần lượt tóm cổ được cả bọn chúng. Một tên bợm đã đánh bạo hỏi:

— Làm sao các ông biết được thủ phạm là bọn tôi?

Cảnh sát trả lời:

— Người ta có máy... điều tra Sherlock Holmes. Các chú tưởng thoát được à?

Máy điều tra như thế nào?

Trước hết, chúng ta đều biết rằng những tên trộm hay lưu manh thường hay có một thói quen hành nghề,

cũng như những người hay bép xép thường có một lối nói chuyện riêng. Chúng hay dùng từ vựng quen ấy để đi ăn hàng nhiều lần y như đó là một nhãn hiệu của chúng vậy. Tên Nguyễn văn-Hai kia đã bị bắt về tội dụ dỗ em bé cũng chỉ vì y đã dùng lời nói khéo « mua quần áo mới cho » với em bé này cũng như các em khác Chiếc máy điều tra, khi được bấm nút, đã « lạch sạch » đi tìm « hồ sơ » của các vụ dụ dỗ trẻ em, tức là những tấm phiếu có đục lỗ đã ghi những thói quen hành nghề của những tên lưu manh loại ấy. Và tên Nguyễn văn-Hai đã hay có thói quen dụ dỗ trẻ em bằng lời nói: « mua quần áo mới cho » trong các vụ. Cũng như 7 tên trộm đã đột nhập tòa biệt thự đã bị dò tìm ra sau khi chiếc máy đã trả lời cho Cảnh sát biết tên và địa chỉ, qua những tấm phiếu có đục lỗ, của những tên lưu manh đã hay có lối đột nhập, phá tủ sắt và để ngỏ cửa khi thoát thân.

Sự thật thì tại một Sở Cảnh sát lớn, các hồ sơ để truy cứu can phạm quá nhiều, như ở Los Angeles, có tới 72.000 vụ mỗi năm. Làm sao các điều tra viên « phàm tục » có thể ghi nhớ hết được. Vì thế, nên Sở Cảnh sát Los Angeles đã có phương pháp lập những tấm phiếu ghi tin tức về các tên can phạm, những tấm phiếu có đục lỗ, để cho máy điện tử có thể truy cứu và dò tìm ra được 6 phiếu trong một giây đồng hồ. Những phiếu đó cho biết tin tức về những tên can phạm có một lối hành nghề, hay những đặc điểm giống nhau và có thể bị tình nghi về một vụ nào đó. Máy điều tra nhanh và hiệu nghiệm rất mực, nên sau Los Angeles, đã có 12 thành phố lớn khác ở Mỹ bắt chước áp dụng.

Chiếc máy lại còn có thể phân tách cả những bản thống kê của Cảnh sát và cho biết các khu vực nào trong thành phố thường hay xảy ra những vụ can phạm và cả ngày lẫn giờ các vụ ấy hay xảy ra. Cảnh sát chỉ còn có việc tăng cường nhân viên đến các nơi đó là xong. Sự hiện diện của Cảnh sát bao giờ cũng là một biện pháp hữu hiệu để ngăn ngừa tội phạm. Vì thế nên ở Los Angeles, một đô thị lớn bậc nhất nước Mỹ, người ta chỉ cần dùng trung bình có 9 Cảnh sát viên mỗi dặm vuông, trong khi Нью

... ĐIỀU-TRA-VIÊN

★ NGUYỄN - ĐẠI

Ước cần tới 51 người và ở Chicago, Detroit Philadelphia v.v phải trên 30 người mỗi đêm vương Lại nữa, nhờ chiếc máy thần tình mà Sở Cảnh sát có thể hoạt động, phân phối nhân viên một cách khoa học hơn. và ngày nay, con số tội phạm ở Los Angeles so với 20 năm trước đã ít hẳn đi.

Các nhà phạm tội học trên thế giới đã ngạc nhiên vì sự hữu hiệu của chiếc máy điều tra này và chính Sir Arthur Diron, một thám tử trứ danh của Scotland Yard đã sang nghiên cứu chiếc máy và đã được mục kích chiếc máy tìm ra một tội phạm. Hôm ấy, ông đang ở trong phòng quan sát chiếc máy thì có một báo cáo về một vụ ăn cắp xe hơi. Những nhân chứng trông thấy kẻ lái xe đi cho chi tiết rằng y đeo kính, răng vâu và có tàn nhang.

Cô Rhoda Cross, người điều khiển chiếc máy, liền đi tới một tủ phiếu, lấy ra một chồng phiếu dày cộm có đục lỗ rồi đút vào máy và bấm nút. Vài phút sau, có 3 tấm phiếu ở trong máy rơi ra. Cô nhặt lên và cho biết « Người ăn cắp xe hơi có lẽ ở ngoại ô phía Tây Hollywood Tên y có thể là Nguyễn văn-Y... Lê văn Ba... hay Trần văn-Bây.. Đó là ba tên chuyên môn thời xe hơi có đặc điểm như đã báo cáo là đeo kính, răng vâu, và có tàn nhang».

Sir Arthur bèn hỏi vặn :

— Cô nhất định là một trong ba tên này đã thời chiếc xe kia ư ?

— Thưa ông, không. Họ chỉ là bị tình nghi mà thôi. Chiếc máy đã chỉ cho chúng tôi biết có rề tình nghi ba tên ấy, và chúng tôi sẽ đưa cho các nhân chứng ba tấm hình này để họ nhận diện. Nếu không, thì họ có thể phải ngồi để nhận diện cả hàng ngàn chiếc hình giống như thế của những tên bị tình nghi có hồ sơ tại đây.

Kết quả là chính tên Trần văn Bây, một trong ba tên do chiếc máy chỉ định, đã là thủ phạm vụ thời xe này.

Kỳ công nhất của chiếc máy có lẽ là vụ tìm ra thủ phạm dụ hiếp dâm cô Anya Sosyeva đến chết. Anya là một nữ vũ sinh của một lớp dạy vũ buổi tối. Một đêm nàng đi học như thường lệ, dọc đường bị một tên lưu manh nấp trong bụi nhày ra hiếp dâm rồi đánh chết.

Người ta đã dùng đủ mọi phương pháp điều tra trong đám bè bạn của cô Anya, nhưng không có ai khả

ngghi cả. Chiếc máy đã truy cứu các tấm phiếu về các loại như hành hung, ám sát, cướp của để tìm lấy một vài chi tiết về kẻ can phạm, nhưng không có kết quả.

Một tháng sau, lại một nữ vũ sinh nữa bị hành hung. Nàng đã may mắn kêu cứu và được mọi người đến cứu kịp. Nhưng thủ phạm trốn thoát. Nội vụ xảy ra ngay gần chỗ Anya bị nạn lần trước. Nhưng lần này, người ta lấy được một dấu chân của y. Lập tức, chiếc máy được nhờ đến để tra cứu những tấm phiếu có dấu chân y như thế ! Nhưng không có một dấu chân nào giống như vết chân mới này cả.

Về sau, có người đề nghị tìm xem trong vùng thường có những vụ can phạm gì hay xảy ra, vào những giờ hai nữ vũ sinh kia bị nạn. Chiếc máy làm công việc của nó với những tấm phiếu khác, và lần này, nó cho biết trong vùng thường hay có một tên lưu manh có thói quen hay trèo qua cửa sổ đột nhập vào nhà ăn trộm và thường hay hành nghề vào giờ nói trên. Y hành nghề theo một quãng thời gian rất đều, và tính ra lại sắp đến ngày y hoạt động nữa.

Một tấm lưới liền được thiết trí. Mệnh lệnh : « Trong tuần này, vào khoảng 8, 9 giờ tối có thể có một tên trộm trèo qua cửa sổ đột nhập trong nhà hoạt động trong một vùng từ đại lộ X... đến khu chợ X. ngang qua khu Z v.v... Y có thể có liên can đến vụ án Anya. »

Thế là mỗi tối, tấm lưới được bủa vây trong suốt khu vực đã chỉ định. Các Cảnh sát viên, người thì nấp ven hàng rào, người thì trèo lên ngọn cây. Và đúng như lời chiếc máy Sherlock Holmes đã tiên đoán, người ta bắt được tên chuyên nghề phi thiêm tàu bích vào đêm cuối tuần. Dấu giày của y đúng in dấu giày đã lấy được trong vụ y hành hung hụt cô vũ sinh. Và cuộc thăm vấn đã có kết quả là y thú nhận đã là thủ phạm trong vụ cô Anya. Y chuyên nghề ăn trộm, trèo tường, khoét vách, và lần ấy là lần đầu y can tội sát nhân và hành hung !

Nếu Saigon chúng ta có một chiếc máy Sherlock Holmes như thế và nếu chúng ta có một phương pháp làm phiếu về các vụ thay vì lập những hồ sơ dày cộm, và nhất là nếu ta có một phương pháp báo cáo tội phạm đồng nhất cho toàn quốc thì những tên lưu manh can phạm liệu có chạy lên trời thoát được không ?

LỜI LỜI HEN ƯỚC

SINH ra ở đời không ai có thể ly khai xã hội được, có mặt ở đời là như giọt nước hòa mình vào đại dương. Từ khi mở mắt chào đời cho đến lúc lớn lên trong xã hội, con người phải trải qua biết bao nhiêu cái tùy tùng; từ miếng ăn thức mặc cho đến lúc nằm trên giường bệnh, và ngay cả khi nhắm mắt xa đời.

Vẫn biết con người là tiểu vũ trụ nhưng phải hòa mình với xã hội cho nên con người có những mối giao lân với đồng loại : Không ai có thể sống lẻ loi. Vì có những mối giao lân ấy nên giữa người với người có **Lời Hẹn Ước**.

— « Nín đi con, mẹ cho kẹo », đứa bé đang khóc nhẹ nhàng đưa tay gạt nước mắt và im lặng đợi chờ. Nhưng bà mẹ chỉ **hứa hẹn** để nó nín đi cho êm nhà lặng cửa mà thôi. Rồi một ngày kia, bà mẹ không tài nào dỗ được đứa bé nữa mỗi khi nó khóc — mà các lần này lại càng khóc dai!

— *Nhà anh chỉ có một gian.*

« *Nửa chia làm bếp, nửa toan làm buồng...* »

cô gái thấy chàng tỏ tình như vậy nên trái tim nàng bắt đầu cảm thấy « nhúc nhích » nên đáp lại bằng **lời hẹn ước** với chàng, đại khái :

« *Em thương anh chẳng kể giàu nghèo.* »

« *Miễn là tình đặng sơn keo...* »

nhưng ba tháng sau, sáu tháng, rồi một năm ai có ngờ đâu, nàng « **thuyên chuyển** » ra đi, không cần « **sự vạ lệnh** »!

— Giữa đồng nghiệp, bạn bè, lân bang cũng vậy. Có khi thân khi sơ nhưng làm sao tránh khỏi những đòn lấu cá, nịnh bợ vì lợi lộc mà phải **lời hẹn ước** với nhau.

Lời hẹn ước giữa cá nhân với cá nhân là một điều quái gở, nhưng giữa xã hội với xã hội là một tai họa khôn lường mà ta có thể thấy trên trường ngoại giao quốc tế.

Cuối năm 1918, thế giới chiến tranh thứ nhất kết liễu, Tân Cộng-Hòa Trung-Quốc đứng về phía đồng-minh của các cường quốc Tây phương. Để lôi cuốn Trung-Quốc vào vòng chiến giúp họ đánh bại Đức và Áo, các cường quốc Tây phương đã ngỏ lời **hẹn ước** khi chiến thắng sẽ xóa bỏ tất cả hiệp ước chênh lệch mà Trung-Quốc phải « **cực chẳng đã** » ký kết với các nước Tây phương trước đó ít lâu.

Chiến tranh kết liễu, khối Đồng-minh đã « **phốt tỉnh** », quên hẳn **Lời Hẹn Ước**. Trên trường ngoại giao, các nước đó đã đem ra những lý do vô căn cứ để thoái thác, che đậy lòng tham, nhưng sự thực hiển nhiên là họ không muốn và **chịu giữ lời hẹn ước**.

Một nhà ngoại giao Trung Hoa hỏi đó có mặt trong số các đại diện ngoại giao các nước Tây phương và Mỹ ở điện Versailles tuyên bố hòa ước Versailles là một hòa ước ô nhục. Và để làm mặt mặt khỏi Đồng-minh đã **lời hẹn ước** với Trung-Quốc, ông ta từ chối không ký. Các nước

CHÂU
ĐÌNH
THỊNH

đã tham dự chiến tranh chống Đức sai đại diện đến Versailles để ký hòa ước đình chiến nhưng chỉ có một mình Trung-Quốc từ chối không ký mặc dầu có sự hiện diện của mình. Phải, chỉ có một mình Trung-Quốc thôi không chịu ký!

Ngoài phản ứng đó, ông Bộ Trưởng Ngoại giao Trung-Quốc còn phản đối tất cả các hòa ước khác mà trước đây Trung-Quốc bị lép vế mà phải miễn cưỡng ký kết, làm cho Trung-Quốc bị ô nhục đã làm cho Trung-Quốc mất thế giá rất nhiều.

Trung-Quốc đã cộng tác trung thành với Đồng-minh, nhưng đã bị Đồng minh phản bội!

Khắp trong nước, tất cả giới sinh viên đều nhiệt liệt hoan hô thái độ của ông Bộ Trưởng ngoại giao; ông ta đã trở thành người anh hùng của giới sinh viên. (1)

Hàng trăm, hàng ngàn sinh viên ham lý tưởng cách mạng của Tôn Dật Tiên đã sốt sắng hướng về các nước Tây phương và Mỹ Quốc với hy vọng sẽ giúp đỡ cải tổ xã hội phong kiến, cổ hủ. Nhưng họ đã thất vọng nặng nề. Họ đã cực lực phản đối trực tiếp hòa ước Versailles và để ghi nhớ kỷ niệm đau thương, thất bại ê chề ấy, phong trào sinh viên được thành lập ngày 4-5-1919.

Chính lúc đó Nga-Sô bước vào. Sau khi lật đổ chính phủ Nga-Hoàng, thành lập Cộng-sản Sô Việt, đã chiến thắng đang lên và vì tham vọng thúc đẩy, Nga đã sai rất nhiều gián điệp len lỏi sang Trung-Quốc. Lợi dụng các hành động bất công của các nước Tây phương trước đó, chúng thúc đẩy, xây dựng và lôi cuốn thanh niên, sinh viên theo chủ nghĩa Mác-Xít. Nhất là họ căn cứ theo phương lược của Lê-Ninh đã viết trong các

bài xã thuyết 1913 nói về địa vị Trung-Quốc trong cuộc bành trướng « cách mạng » ở Á-Đông, một cuộc cách mạng cần phải được nhóm thời ngay sau cuộc « cách mạng » của Nga - Sô. Lợi dụng tình trạng bất mãn của giới



sinh viên, Nga-Sô đã thúc đẩy phong trào « cách mạng » ở đó.

Thượng tuần tháng 7 năm 1921 đại hội Mác-Xít Trung-Hoa lần đầu tiên được triệu tập tại Thượng Hải và đảng Cộng-sản chính thức thành lập. Chính Mao-Trạch-Đông ngày nay là chủ-tịch của Trung-Hoa do đã ghi tên vào phiếu gia nhập Đảng vào hồi tháng mười cùng năm. Một năm sau, đảng tổ chức vững vàng và được gia nhập vào Đệ Tam Quốc-Tề. Tân chính phủ Bôn-Sơ-Vích Nga phái cán bộ đến tận nơi theo dõi tình hình.

Đang khi ấy một phong trào sinh viên khác nổi dậy và bành trướng ở Bắc-Kinh. Giáo sư Trần độc-Tú là lãnh tụ trong công cuộc tổ chức kết nạp và bành trướng cơ sở cộng-sản.

Những tên trùm cộng-sản Trung hoa ngày nay xuất thân trong hàng ngũ sinh viên; Cộng-sản đã lợi dụng khai thác khả năng đầy nhựa sống, ưa chiến đấu và nhất là tình trạng bất mãn của họ do các nước Tây phương gây nên. Trong số các sinh viên đại học ấy, có Mao-Trạch-Đông, một sinh viên đầy nhựa sống, ưa hoạt động đã băng mình theo đường mạo hiểm và mười năm sau Mao đã trở thành lãnh tụ chính phủ độc tài Trung-Quốc.

Ngán ấy, nói lên rõ rệt một nhận xét cay đắng ở cái mầm tai hại đưa đến tình trạng ngày nay nó bắt nguồn bởi sự **LỖI LỜI HẸN ƯỚC** của các cường quốc Tây phương đối với Trung-Quốc trên trường ngoại giao sau cuộc đại chiến thứ nhất. Ngọn lửa căm hờn đã bùng lên, cháy mạnh trong thời kỳ tháng thê và tuy đã dịu đi sau khi Cộng Sản lùi bước, nhưng ngọn lửa căm hờn ấy đang còn âm ỷ cháy bên trong lòng họ. Sau cuộc đại chiến thứ hai, Trung-Quốc bị phản bội lần nữa: Lửa đó thêm dầu — ngọn lửa căm hờn đã bắt mỗi rỗi thành một nạn hỏa tai Cộng-sản ghê gớm — lan rộng và cháy âm ỉ phá hoại Trung-Quốc ngày nay, lại còn làm cho các nước Tây phương đôi khi mất ăn mất ngủ mà họ có biết cho chăng chỉ vì đã **LỖI LỜI HẸN ƯỚC!**

CHÂU-ĐÌNH-THỊNH

(1) Ông Bộ-Trưởng Ngoại Giao lỗi lạc này là một Bác sĩ, người công giáo tai mắt, được thế giới kính nể: Bác sĩ Lạc-Trùng-Tường. Sau này đã rũ bụi trần tục đi tu làm linh mục rồi nhập Dòng Thánh Bénédictô và được hân hạnh nâng lên địa vị Bề Trên, một vị Trưởng dòng đầu tiên người Trung-Hoa.

CẢNH SÁT LƯU THÔNG

tại

TÂN-GIA-BA

✧ Bài của P. H. L.

VÀI NÉT VỀ TÂN-GIA-BA

ĐỊA-DƯ.

Tân-Gia-Ba là một hòn đảo hình trứng gà, ở phía cực Nam của Liên-Bang Mã-Lai.

Một thuộc địa cũ của Anh-Cát-Lợi, Tân-Gia-Ba có một diện tích lối 583 cây số vuông, chia ra làm hai vùng riêng biệt : vùng thành phố choán lối 80 cây số vuông và vùng đồng bằng là những phần đất còn lại (vùng thứ hai này chia ra làm 7 quận).

Nhà cửa tại Tân-Gia-Ba rất đồ sộ, kiến trúc tối tân nhưng vì đất đai hẹp nên được xây cất thành nhiều tầng.

Tân-Gia-Ba có một hải cảng rất quan trọng vì tàu bè các nước trên thế giới thường qua lại đây để buôn bán.

HÀNH CHÍNH.

Thành phố Tân-Gia-Ba có một Hội-Đồng thành phố (City Council) và toàn đảo do một chánh phủ tự trị cai trị ở trong khối Liên-Hiệp Anh (Commonwealth).

Gần đây, nhiều cuộc hội đàm giữa Thủ-Tướng Chánh-Phủ Tân-Gia-Ba và Thủ-Tướng Liên-Bang Mã-Lai đã được diễn ra để dọn đường cho sự sát nhập đảo này vào Liên-Bang Mã-Lai,

DÂN SINH.

Dân số Tân-Gia-Ba lên tới 1.500.000 người, đa số là Huê-Kiêu, kế đó là Ấn-Kiêu, Nam-Dương v.v...

Người Mã-Lai chính tòng rất ít tại Tân-Gia-Ba.

Tiếng Mã-Lai là ngôn ngữ chánh thức nhưng Anh ngữ được thông dụng trên toàn đảo.

Đa số dân chúng Tân-Gia-Ba thiên về thương mại vì họ nghĩ rằng chỉ có thương mại là phương tiện duy nhất để làm giàu.

Tinh thần dân tộc và lý tưởng quốc gia hầu như người dân ít quan tâm đến.

Về công dân giáo dục thì dân chúng Tân-Gia-Ba

đều tuân hành triệt để các luật lệ như là luật lệ lưu thông.

Vì các sự phạt vạ rất gắt gao và do đó các sự vi phạm rất hiếm.

Ít khi trông thấy các Cảnh-sát-viên ngoài công lộ hoặc đứng rải rác ở các ngã tư có gắn đèn báo hiệu.

CẢNH-SÁT LƯU THÔNG TẠI TÂN-GIA-BA ĐƯỜNG XÁ.

Thành phố Tân-Gia-Ba gồm có trên 500 con đường dài độ 400 cây số, bề rộng từ 6 đến 24 thước.

Ngoài ra, trong thành phố còn có lối 10 vòng xoay (round point).

Trên những con đường lớn (như đại lộ Trần-Hung-Đạo ở Saigon) sự lưu thông chia ra làm hai chiều, chính giữa lộ là một lề xi-măng chia mặt lộ ra làm hai phần.

Ban đêm, tất cả các đường đều, có gắn loại đèn neon tròn rất sáng và rất gần với nhau.

Mặt lộ được mở rộng sát thềm nhà phố và do đó không có lối đi cho những người đi bộ. Người đi bộ bắt buộc phải đi ngoài hàng ba có nhà phố.

Hầu hết các công lộ ở Tân-Gia-Ba đều tráng nhựa bằng phẳng, nhờ vậy mà xe cộ lưu thông được êm ái.

XE CỘ.

Tại Tân-Gia-Ba, tất cả xe cộ đều phải mang số rõ ràng, ly tất bằng nhau xe đạp; xe ba bánh cũng có số thứ tự gắn phía sau.

Xe gắn máy rất ít nhưng cũng phải mang số giống như xe máy dầu.

BÁO HIỆU (Signalisation).

Tân-Gia-Ba không dùng bảng hiệu quốc tế như ở Việt Nam. Nhà cầm quyền tại đây đặt những tấm bảng riêng.

Thí dụ, thay vì phải dùng bảng hiệu quốc tế như : bảng chỉ cấm quẹo tay phải (tại Tân-Gia-Ba, người lái xe cũng như kẻ đi bộ đều phải đi bên trái). Người ta

chỉ dùng một tấm bảng tròn, sơn trắng, trên bảng có viết hàng chữ đen như sau :

NO RIGHT TURN (cấm quẹo phải)

Các bảng báo hiệu đều dùng màu trắng và đen làm nền. Dưới mỗi bảng hiệu có viết chữ tắt (Anh ngữ hoặc Mã ngữ) giải thích ý nghĩa của tấm bảng đó.

Một phần lớn các tấm bảng báo hiệu đều đặt giữa lộ, ban đêm trên đầu tấm bảng có gắn đèn rọi xuống nên xe cộ trông thấy rõ ràng.

Muốn cấm xe đậu, thay vì phải dựng bảng « Cấm đậu » dọc theo đường như ở Việt-Nam, tại Tân-Gia-Ba, người ta chỉ cần vẽ một lần sơn trắng chia hai mặt lộ. Chỗ nào có vẽ lần sơn màu vàng thì chỗ ấy xe cộ được phép đậu hai bên lề.

Nếu chính giữa một lộ có vẽ hai lần sơn trắng song song với nhau thì có nghĩa là dọc theo khoảng đường ấy, tất cả xe cộ không được phép chạy vượt qua mặt. Ngược lại với bên nước ta, lần sơn vàng là dấu « cấm vượt ».

ĐÈN BÁO HIỆU.

Hầu hết ở ngã tư các đường lớn trong thành phố đều có đặt đèn báo hiệu. Đèn này được chế tạo tại Anh Quốc.

Hiện nay ở Tân-Gia-Ba có cả thảy 74 đèn báo hiệu, trong số này có 14 đèn có vì sắt rất tối tân nhưng đắt tiền.

Tồn phí đặt một bộ phận đèn báo hiệu thường tại một ngã tư lên tới 15.000 Mã kim (lối 170.000 đồng V.N.). Còn đèn báo hiệu có vì sắt thì sự tốn kém lên gấp đôi.

Đèn cũng có 3 màu như ở Saigon. Tất cả đều chạy tự động và sự thay đổi màu giống như ở Saigon.

Những đèn có vì sắt được đặt tại những ngã tư mà xe cộ 2 chiều lưu thông không đồng đều. Đèn này cũng có 3 màu như những đèn khác.

Sau đây là ích lợi của chiếc vì sắt :

Trước khi đến ngã tư lối 100 thước Anh, có hai vì sắt đặt ngang đường dùng làm bèn cản cho xe. Nếu không có xe nào cán lên vì sắt này thì đèn bốn

hướng đều cháy xanh cả ; khi có một chiếc xe cán lên vì sắt trước thì đèn sẽ đỏ ở chiều nghịch và xanh ở chiều có xe trong vài giây, đủ thì giờ cho xe qua. Nếu hai xe ở hai chiều đều cán lên một lượt thì đèn cháy xanh ở chiều có xe nặng hơn. Khi có một đoàn xe cán lên vì sắt kế tiếp nhau chạy thì đèn vẫn cháy xanh để cho đoàn xe qua hết. Nhờ vậy xe không bị ứ đọng nên không bị nghẽn lối đi.

Ở Tân-Gia-Ba, người sử dụng công lộ đều nhìn theo đèn báo hiệu mà đi :

— Đỏ thì bắt buộc phải ngừng.

— Xanh mới được chạy.

Trường hợp đặc biệt là khi có đèn đỏ chiếu lên mà bên cạnh có một chóa đèn định hướng hình mũi tên thì xe vẫn được phép quẹo phải hoặc trái tùy theo hướng mũi tên. Như thế nếu không có mũi tên thì tất cả các xe đều ngừng, dù quẹo xuôi chiều vẫn bị cấm, không như Saigon dù đèn đỏ xe vẫn quẹo một được.

Ngoài ra, ở những nơi mà sự lưu thông xe cộ không đồng đều nhau và chưa có loại đèn tối tân có vì sắt thì đến giờ có nhiều xe, Cảnh-Sát sẽ đến tắt đèn để điều khiển bằng tay.

LUẬT LỆ LƯU THÔNG.

Tất cả xe cộ đều phải chạy bên trái nhưng quyền ưu tiên thì vẫn tuyệt đối ở bên phải

Luật lệ này cũng có chỗ hay vì các xe không thể chạy ra khỏi ngã tư nên không có sự nghẽn lối.

Ngoài ra, tay bánh ở bên phải, tầm quan sát về bên phải rộng lớn hơn và dễ trông thấy hơn.

Về căn bản pháp lý, thành phố Tân-Gia-Ba có 3 bảng luật lưu thông.

— Luật lưu thông đường bộ

— Luật lưu thông cho các xe chuyên chở

— Luật lưu thông trong thành phố.

Những điều khoản trong 3 bộ luật nói trên, về phương diện tổng quát, giống như những luật lệ đang được áp dụng tại nước ta.

P.H.L.

« Nếu mỗi người trong chúng ta, ai nấy trong phạm vi của mình, trực tiếp đích thân, không chờ đợi ai làm thế cho mình, cố gắng vượt qua mọi nỗi khó khăn và biến sự cố gắng riêng của mình thành sự cố gắng của toàn dân, biến lòng cương quyết của mình thành sự cương quyết của toàn dân, thì nhất định ta sẽ thắng.

Lời NGÔ-TÔNG-THỐNG

Lời dịch giả : Cái cảnh nghèo khổ, làm việc bán bát suốt ngày đêm trên nắng dưới nóng, cơm không no, áo không lành của nông dân Á-Châu nói chung, của nông dân Trung Quốc nói riêng đã là động cơ để những người Cộng Sản lợi dụng trông vào cổ nhân dân Trung-Hoa chiếc thông lọng « cách mạng xã hội » giã danh.

Thật vậy, trước khi cướp chính quyền bọn Cộng Sản Trung quốc tung ra những khẩu hiệu : « người người có việc làm, người người có cơm ăn », « người nghèo trời dẫy đời lại quyền lợi », « phủ quốc cường dân » ; ngoài ra cán bộ Cộng sản còn tổ những thái độ nguy hiểm nịnh dân để mê hoặc nhân dân. Những lời đường mật, đầy ma lực ấy khiến cho người dân Trung Hoa lầm tưởng sau cuộc cách mạng do Cộng sản lãnh đạo, mọi người cơm sẽ no, áo sẽ ấm, chung hưởng những ngày thanh bình cực lạc.

Không những chỉ nhân dân lục địa Trung quốc bị mê hoặc một thời mà thôi đâu, còn một số người không ít, thuộc vài nước kém mở mang Á-Phi đã và đang mơ màng đến « thiên đường » Cộng sản, lầm tưởng đảng Cộng sản, là một đoàn thể thực thi một cuộc cách mạng xã hội đem lại công bằng hợp lý cho mọi người. Nhưng nào họ có biết đến một sự thật — một sự thật quá đời phũ phàng !

Khi bọn Cộng sản chiếm hết Lục địa Trung Hoa, chánh quyền được củng cố vững vàng, bọn chúng dần dần lộ nguyên hình bộ mặt đều sáng lợi dụng cách mạng để đưa lên một lớp người thông trị khác mà Molivan Djilas gọi là giai cấp mới chuyên sống trên mồ hôi nước mắt của dân chúng Cái « mộng đẹp » của dân Tàu vụt biến mất khi họ vừa đặt chân vào ngưỡng cửa « nhân dân công xã » chẳng khác một đám sương mù buổi mai gặp mặt trời mọc.

Từ đó người dân Trung Hoa phải lâm vào cảnh khốn cùng gia đình ly tán, cha con chống vợ phân cách. Con người phải hy sinh hết mọi tình cảm thiêng liêng, tình cha con, tình vợ chồng, tình anh em .v.v...

Đã gian tất phải ngoan, bọn đồ tể Trung-Cộng bước từ bước một y theo giáo điều của Mã Khắc Tư, để dẫn nhân dân Trung quốc vào con đường xã hội chủ nghĩa theo kiểu Cộng sản, tức là bắt nhân dân phải sống trở lại chế độ nô lệ của thuở sơ khai. Thủ đoạn của chúng là bắt đầu từ « thổ cải », đến « hợp tác xã » rồi đến « công xã » tức là giai đoạn quá độ để tiến tới xã hội chủ nghĩa Cộng sản, nô lệ toàn diện con người, hoàn thành mục đích thông trị vĩnh viễn của chúng.

Chế độ « công xã » hiện nay chỉ thi hành tại Lục địa Trung-Hoa nhưng theo sự nhận xét của chúng tôi, không bao lâu nữa một phần đất Việt (miền Bắc) sẽ bị Phong trào « nhân dân công xã » tràn ngập. Bởi vì lẽ Việt Cộng cũng như Trung Cộng cùng học một sách vở (chủ nghĩa Mã Khắc-Tư), cùng chịu chung một hệ thống chỉ huy (điện Cẩm Linh) duy có điều là tùy theo môi địa phương mà chúng thực hiện sớm hay muộn mà thôi.

Chúng tôi, những người đã sống nhiều trong vùng Cộng Sản đã hiểu biết được khá nhiều về bộ mặt thật của Cộng-Sản, nhận thấy cuốn « nhân dân công xã » là gì, do nhà xuất bản Hải ngoại Đài loan ấn hành là một cuốn sách ghi chép lại được những sự thật, những tin tức, hình ảnh đã được đăng tải trên các báo chí Đông Tây — nhất là báo chí của Cộng-sản.

Thật là một cuốn tài liệu rất dày công sưu tầm đáng cho chúng ta nghiên cứu để hiểu rõ bộ mặt xdo trá, dđ man của bọn côn đồ Cộng Sản. Chúng tôi xin mạo muội dựa vào cuốn sách này viết lại mong công hiền với quý vị độc giả những gì gọi là sự thật ở bên kia bức màn sắt.

Tài liệu này được phân làm 4 phần :

— Phần I.— Quá trình kiến lập « Nhân dân công xã » Trung Cộng.

— Phần II.— Nội dung tổ chức « Nhân dân công xã »

— Phần III.— Tại sao Trung Cộng phải thực hiện « Nhân dân công xã ».

— Phần IV.— Hậu quả của « Nhân dân công xã » của Trung-Cộng.

NHÂN - DÂN

PHẦN I.— QUÁ TRÌNH KIẾN LẬP « NHÂN DÂN CÔNG XÃ » CỦA TRUNG-CỘNG

« Nhân dân công xã » hiện nay đã và đang áp dụng tại Lục-địa Trung-Hoa. Người dân sống dưới chế độ « nhân dân công xã » phải làm việc vất vả, khổ sở, một sương hai nắng nhưng cơm không no, áo không lành. Cái thảm cảnh ấy đã vang động khắp thế-giới, động lòng trắc ẩn đến giới nhân sĩ trong vùng tự do không phải là ít. Riêng đối với giới Huê-Kiểu ở Hải ngoại cũng chỉ biết ngậm ngùi thương hại đến số phận chẳng may của bà con họ hàng đang phải sống trong cảnh lầm than, khốn đốn không hẹn ngày cứu thoát.

Chế độ độc ác, dã man tày trời ấy, quá trình kiến lập của nó thế nào ? Nội dung và hình thức tổ chức ra sao ? Cứu cánh đi đến đâu ? Ảnh hưởng thế nào đến nhân dân Trung-Hoa và thế giới hiện nay ?

A.— DIỄN TRÌNH CỦA « NHÂN DÂN CÔNG XÃ » QUA CÁC GIAI ĐOẠN.

Thủ đoạn tàn bạo và không chừa nhân dân Trung-Hoa tại Lục địa là cả một âm mưu sách lược đã hoạch định sẵn của Trung-Cộng. Công việc làm của chúng phát triển từng giai đoạn, đưa nhân dân từ chỗ hời hợt, buông lỏng đến chỗ gắt gao, kỷ luật. Cũng như « nhân dân công xã » của chúng phát nguồn từ chính sách « thổ cải » đến « hợp tác hóa » rồi cuối cùng đến ngày nay là chế độ « nhân dân công xã ». Từ khi họ Mao chiếm được Lục địa Trung-Hoa đến ngày thành lập « nhân dân công xã », tính ra được chín năm, nhân dân Trung-Hoa phải khổ sở, cực nhọc chuyển mình qua nhiều giai-đoạn :

1) Giai đoạn « thổ cải » : (từ 1950-1952)

Để phát động phong trào, trước tiên bọn Trung Cộng

dùng những khẩu hiệu: «phân điền địa», «đả thổ hào», làm ma lực thúc đẩy nhân dân đầu tở địa chủ, phú nông, Huê Kiều hồi hương. (1) Kết quả, chúng đã tịch thu 700 triệu mẫu ruộng đất của địa chủ và phú nông. Diện tích số ruộng đất bị chúng tịch thu chiếm 7/10 diện tích đất canh tác trên lục địa Trung Hoa. Căn cứ vào sự tuyên truyền rêu rao của bọn Cộng sản thì mỗi gia đình sẽ chia được từ một đến ba mẫu, nhưng trên thực tế thì số ruộng đất canh tác của mỗi gia đình chưa bằng 4/10 số ruộng của họ được canh tác trước khi lục địa Trung Hoa mất vào tay Cộng sản.

Tại sao lại có sự trở trêu như thế ?

Vốn cái thâm tâm của những người Cộng sản đầu cò phải là họ chủ trương tư hữu hóa quần chúng mà chính họ chủ trương vô sản hóa quần chúng, nên số ruộng đất tịch

Đề tiên tới một bước nữa, bọn Cộng Sản lại bày ra thứ thuê nông nghiệp. Thứ thuê «bình nghị sản lượng» bằng cách giật dây của các ông cán bộ Cộng Sản để rồi không một người nông dân nào có thể đóng nổi và chán ngán việc làm chủ ruộng đất của mình.

Thề rồi, bọn chúng giả vờ đem ra kiểm thảo: tại sao nông dân không đóng đủ thuê ?

Chúng cho rằng nguyên nhân chính là sự sản xuất lẻ tẻ riêng tư nên không thu hoạch đúng với sản lượng đã bình nghị, rồi chúng cho cán bộ giải thích với nông dân cần phải sản xuất tập thể mới có thể tăng năng suất được.

Thề là các «hợp tác xã nông nghiệp» được thay thế cho các nông đoàn, các tổ đổi công.

Từ đó, mọi người nông dân phải đem tất cả ruộng đất

CÔNG - XÃ LÀ GÌ ?

★ Hoa-Hán và Phương-Thành

thu của địa chủ trong giai đoạn này chúng chỉ chia cho nông dân một ít, điều đó không lạ gì cả.

Ngoài ra chúng còn tịch thu của nhân dân 2.000.000.000 ki lô lương thực, còn nhà cửa, súc vật nông cụ, tài sản và bảo vật v.v... tất cả trị giá 500 triệu Mỹ kim.

Điều mà chúng ta những con người biết thương người, đáng để ý hơn là trong giai đoạn «thổ cải» này chúng đã «thanh toán» (2) «đầu tở» (3) gần 50 triệu người. Trong đó có 7 triệu người bị giết hại, 30 triệu bị tập trung làm nô dịch, còn lại mười mấy triệu bị quản thúc, quản chế, mất cả quyền tự do sinh hoạt của con người.

2) Giai đoạn «hợp tác hóa nông nghiệp» (từ năm 1953-1957)

Người nông dân Trung quốc đã hàng bao thế kỷ quần quai rên siết trong cái cảnh nghèo đói, áo rách khổ ôm, nay lại phải dần mình trên con đường «thí nghiệm» đầy phiêu lưu mạo hiểm trong chính sách kinh tế của Cộng sản. Họ bị phình phờ gat găm đủ điều.

Cộng sản đã lấy miếng ăn, thửa ruộng ra để như nông dân và xúi giục những người nông dân nghèo khổ, phải tẩn nần tâm, đầu tở bà con, để được tạm chia chút ít ruộng đất và lương thực.

Nhưng những người Cộng Sản vừa tuyên bố khởi cửa miệng «giai cấp địa chủ đã bị đánh bại, nông dân đã thực sự làm chủ ruộng đất của mình» thì liền đó vẫn để «hợp tác hóa nông nghiệp» lại cũng bắt đầu. Các nông đoàn (4), các tổ đổi công mọc lên như nấm. Chúng lợi dụng hình thức văn công để tập cho người nông dân quen dần với lối sinh hoạt tập thể. Đó là giai đoạn quá độ của chính sách «hợp tác nông nghiệp».

nông cụ, nông súc v.v... của mình tính thành cổ phần bỏ vào hợp tác xã. Nhưng mỗi một gia đình của nông dân được chia lợi tức của hợp tác xã, mỗi tháng không quá sáu đồng bạc (6\$00) của Trung Cộng (khoản chừng 220\$00 Việt Nam), trong lúc người nông dân phải làm việc một ngày ít nhất là mười bốn giờ. (Theo báo cáo của Chu Ân Lai).

Đồng thời, trong thời kỳ này tất cả phạm vật cần dùng hằng ngày, lương thực, thịt, vải, v.v... đều do hợp tác xã kiểm soát và phân phối.

Mặt khác chúng cho thị hành gặt biện pháp «thông cầu thông tiêu» (nghĩa là thông nhất sự mua và bán để dễ bề kiểm soát sự tiêu pha của nông dân).

Càng thi hành các biện pháp trên chừng nào thì người nông dân lại lâm vào cảnh đói khổ chừng ấy !

Tuy thế người nông dân còn có thể đỡ dạ bằng những củ khoai, quả chuối trồng trọt được trong các mảnh vườn của họ. Hoặc đỡ lòng trong những khi «cơm chẳng lành canh chẳng ngọt» bằng những chén cháo gà hoặc cháo cá nuôi được ở vườn và ao xung quanh nhà.

Quả vậy, dưới chế độ «hợp tác hóa» của Cộng Sản, người nông dân chỉ còn vốn vẹn mỗi gia đình một thửa vườn trồng được ít cây ăn trái, nuôi được ít gà vịt và khoanh ao nhỏ để nuôi cá.

- (1) Đa phần Huê Kiều hồi hương là những người giàu có
- (2) Thủ tiêu ngầm hoặc giết công khai.
- (3) Đánh đập, hành hạ bằng đủ mọi cực hình.
- (4) Những đoàn đổi công tập thể có tính cách rộng lớn gồm có nhiều tổ đổi công hợp lại.

3/— Giai đoạn thực hiện « Nhân dân công-xã »
(từ tháng 8-58)

Chủ trương cải cách điền địa (thổ cải), hợp tác hóa nông nghiệp của Trung Cộng chỉ là những giai đoạn có tính cách nhất thời, là những thủ đoạn lừa gạt, phỉnh phờ nông dân đến cái trồng xã hội chủ nghĩa Cộng Sản.

Thật vậy, chế độ « Nhân dân công-xã » của Trung Cộng hiện nay đã lộ nguyên hình bộ mặt xã hội ghê tởm ấy. Tất cả những mảnh vườn, những khoảnh ao nuôi cá trước đây chúng còn để cho nông dân làm tư hữu thì ngày nay chúng lại lấy nốt bỏ vào công xã.

Dưới chế độ « Nhân dân công-xã », con người không bao giờ được nghĩ đến của riêng tư ; nhà cửa, ruộng đất, trâu bò v.v... tất cả đều tập trung do Công xã quản trị. Chẳng những tài sản của người nông dân không còn đã đành mà cả đến gia đình cũng phải bị tiêu tán. Sau những ngày mệt nhọc với việc làm, họ đâu có được trở về dưới mái nhà tranh êm ấm để nhìn vợ, nựng con mà họ lại phải về ăn ở công cộng, ngủ ở nhà ngủ công cộng.

Chính vì vậy mà ông Foster Dulles đã nói : « Con người dưới chế độ Công Xã chẳng khác nào một đơn vị vật chất của lao động, chẳng khác nào một con ốc vặn chết trong bộ máy ».

Chính sách nô dịch nhân dân Trung quốc của Trung Cộng là thiết lập chế độ Sô Viết của Đệ Quốc Nga, trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Giai đoạn thứ nhất là một thủ đoạn chỉ đạo lừa bịp « bản cổ nông » thanh toán « Phú nông » và « địa chủ », « Hoa Kiều Hải Ngoại », đã phá tận cùng chế độ tư hữu thổ địa, không chế nông dân tiến tới « tập thể hóa »

Giai đoạn thứ hai là thực hiện « nông nghiệp hợp tác hóa » để tận dụng khả năng sản xuất của nông dân, thành lập « hỗ trợ xã » hầu hoàn tất giai đoạn « sơ bộ tập trung thổ địa ».

Tiền thêm một bước nữa là liên kết chặt chẽ hai tổ chức « hỗ trợ xã » và « hợp tác xã sơ cấp ».

Tuy nhiên trong giai đoạn này, ruộng đất đã cày, gia súc chăn nuôi, nông cụ canh tác của nông dân đã bị chia thành cổ phần, gia nhập hợp tác xã trên danh nghĩa hào nháng là « quyền tư hữu » nông dân vẫn còn.

Khi giai đoạn « hợp tác xã sơ cấp » gần hoàn thành mới biến đổi hình thức sơ cấp thành hình thức cao cấp mà Trung Cộng gọi là « hợp tác xã cao cấp », thì tất cả tài sản, nguyên liệu sản xuất, dụng cụ (tư hữu của nông dân) bị tập trung và chuyển thành « tập thể sơ hữu ».

Lúc ấy, trong vùng nông thôn không còn một hình bóng phú nông, địa chủ nào còn sống sót; sự cách biệt giữa trung nông và bán nông cũng bị thủ tiêu. Trên thực tế không còn giai cấp nông dân nữa.

Tất cả các giai đoạn và những phương pháp

nói trên được triệt để áp dụng nhằm vào mục đích duy nhất là kiến lập chế độ cực kỳ nguy hiểm và tàn nhẫn là « nhân dân công-xã »,

Giai đoạn tận cùng là giai đoạn thủ tiêu quyền tư hữu tài-sản của nông dân, vô sản hóa nông dân.

Vì chẳng những không chế nông dân về phương diện sản xuất tư liệu mà còn chi phối về mặt tư tưởng sinh hoạt nữa tức là sự giải quyết cao độ và cuối cùng của chế độ bóc lột nông dân mà từ cổ chí kim trên lịch sử Trung quốc không bao giờ có.

B.— GIAI ĐOẠN THÍ NGHIỆM CỦA « NHÂN DÂN CÔNG XÃ »

Hình thức « nhân dân công-xã » được thực hiện phổ biến khắp lục địa Trung quốc từ tháng 8-1958, nhưng nó đã có một quá trình thí nghiệm bí mật tại một vài Huyện rồi. Trong thời kỳ thí nghiệm dĩ nhiên là có những phản ứng mãnh liệt của nông dân đi đôi với những cuộc đàn áp thẳng tay của chính quyền Cộng sản mà họ vẫn tuyệt đối giữ bí mật không hề tiết lộ ra ngoài bức màn sắt của họ, nên thế giới tự do ít ai hiểu rõ.

Dự án thiết lập « nhân dân công-xã » tại nông thôn do quyết nghị của Trung Ương đảng bộ Cộng sản Trung quốc để ra một cách kín đáo. Mọi đến cuộc hội nghị khoáng đại của chính trị cuộc Trung Ương Đảng bộ Cộng sản Trung quốc ngày 9-9-1958 và do Tân Hoa Xã loan tin, cuộc thí nghiệm ấy mới được chính thức công bố như sau :

1.— Thí điểm đầu tiên : Huyện Toại Bình làm nạn « nhân dân công-xã »

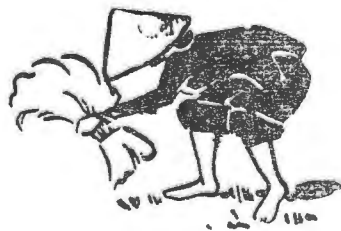
Tháng tư năm 1958, các cán bộ Cộng-sản bắt đầu thực hành với tánh cách thí nghiệm công tác tổ chức « nhân dân công-xã » tại hai huyện Toại-Bình và Bình-Dự thuộc khu Tín-Dương của tỉnh Hà-Nam. Họ tập trung các hợp tác xã nhỏ sản xuất nông nghiệp trong hai huyện nói trên, trong mỗi huyện thành hợp tác xã lớn, trong mỗi xã lớn gồm có 6, 7 ngàn nông hộ.

Trong khoảng thời gian tháng 5 và 6, ở 2 huyện ấy, các xã nhỏ đều tổ chức thành xã lớn đồng thời các huyện khác cũng bắt đầu thực thi công tác « nhân dân công-xã » cho đến trung tuần tháng 7 là hoàn tất vấn đề biến đổi hình thức xã nhỏ thành xã lớn, gây thành một cao trào « nhân dân công-xã ».

Đến cuối tháng 7, kết quả được lời 5.376 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong toàn khu làm cơ sở căn bản cho lời 208 « nhân dân công-xã » kiểu lớn. Trung bình mỗi xã có 8.000 nông hộ, tối đa là 20.000 nông hộ trong một xã.

Cuối năm đó, phong trào « nhân dân công-xã » của các huyện trong toàn khu vực Tín-Dương đang phát triển mạnh và đang tiến tới việc củng cố cơ sở và tổng kết kinh nghiệm.

Từ tháng 4 đến tháng 5, tại tỉnh Liêu-Ninh cũng bắt đầu cuộc vận động gom xã. Những xã lớn được thành lập trong toàn xã, mỗi xã lớn độ 1.800 nông hộ, trong đó có một xã thuộc huyện Cái-Bình có 18.000 nông hộ trong tổng



số nhân dân 95.000 người. Xã ấy được mệnh danh là « Thái-Dương thắng Cộng-sản chủ nghĩa nông trường ».

Tháng 5 năm 1958, làng Thị-Bắc thuộc huyện Chu-Kỳ tỉnh Cai-Bít-Giang dùng 4 hợp tác xã nông nghiệp biến thành xã lớn đặt tên là « Cộng-sản chủ nghĩa kiên thiết công xã ». Dĩ nhiên các huyện khác cũng bắt đầu tổ chức như vậy.

2.— Nhân dân huyện Từ Thủy khóc ròng...

« Nhân dân công xã » của huyện Từ-Thủy thuộc tỉnh Hà-Bắc là một « công xã » có tác dụng điển hình cho công cuộc vận động « công xã hóa » toàn quốc có nhiều tánh chất quan trọng nên được Trung-ương đảng bộ Cộng-sản Trung Quốc chú ý. Vì sự quan trọng của nó làm cho nông dân huyện Từ-Thủy phải khóc ròng...

Sau khi hội đàm với Kruschew vào ngày 4-8-58, Mao-Trạch-Đông liền đi kinh lý huyện Từ-Thủy. Ba đêm ròng rã, cùng với huyện ủy-viên hội đàm bằng điện thoại, Mao-Trạch-Đông điều khiển và hướng dẫn các xã trong công tác thực hành gom xã. Họ Mao chủ trương dùng 248 hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện, nhất loạt biến thành 7 « nhân dân công xã ».

Theo « Nhân Dân Nhật Báo » xuất bản ngày 10-8-58 tiết lộ rằng : « Đêm 4-8-58, có bao nhiêu người không ngủ suốt đêm, lệ lòng lá chả rơi khi nghĩ đến sự nghiệp do mồ hôi nước mắt của họ bị tập trung. Họ có cảm giác như họ đã chết đi mất một phần của đời họ và sẽ chìm đắm trong u tối cho đến khi biến thành con vật hi sinh cho chủ nghĩa ngoại lai. Những ông chống chua xót nhìn vợ, con mà ngậm ngùi khóc hận. Những bà mẹ hiến quần quít bên đứa con thơ sau khi viếng « ấu nhi viện » một cách bắt buộc, và luyện tiếc tình mẫu tử sau bao ngày xa cách, không nở đời chân... »

Thật là một thảm cảnh nào lòng của nông dân đối với chế độ « nhân dân công xã » mà họ là một nạn nhân không hơn không kém :

Một liểu, ba bảy cũng liểu,

Tai nghe, mắt thấy những điều điều ngoa !

Âm mưu sâu độc của Mao-Trạch-Đông là một kế hoạch đã dự tính từ lâu

Ý định thiết lập chế độ « nhân dân công xã » của Mao-Trạch-Đông là một kế hoạch đã dự định từ lâu nhưng chưa phải là lúc đem ra thực hành mà thôi ! Đến cuối năm 1958 mà họ Mao gọi là thời kỳ phát động phong trào « Hợp tác xã nông nghiệp », người nông dân mới nếm được mùi vị đắng cay của phong trào ấy. Trong một đoạn của cuốn sách « Cao trào chủ nghĩa xã-hội nông thôn Trung Quốc » có viết : Hiện nay việc thành lập hợp tác xã của « bán xã hội chủ nghĩa » rất dễ thực hiện và dễ cho cán bộ đảng và quần chúng nhân dân nắm được nhiều kinh nghiệm mau lẹ. Và lại có xã chỉ gồm độ hai ba chục nông hộ là nhiều, thì người thừa, đất ít, tài sản tiến bạc kém nên không thể tiến hành

hình thức đại qui mô kinh doanh được, không thể sử dụng máy móc. Nếu những xã nhỏ này bị bắt buộc sanh sản như các xã trù mật thị có thể gây ra tình trạng ứ đọng và kéo dài thêm mãi. Vì thế, muốn đi đến kết quả tốt đẹp phải liên kết những xã nhỏ lại. Một vài địa phương có thể tổ chức một làng thành một « xã ». Những vùng người thưa đất ít thì tổ chức nhiều làng thành một « xã ». Cỏ nhiên cũng có nhiều làng vì dân số quá đông, lại được tổ chức thành nhiều xã trong mỗi làng. Chẳng những khu vực đồng bằng có thể tổ chức thành « xã lớn » mà khu vực núi non cũng có thể lập thành « xã lớn ». Những « xã lớn » này, ngày nay gọi là « nhân dân công xã ».

Do đó chúng ta thấy rằng chính sách « nhân dân công xã » của Mao-Trạch-Đông đã sắp đặt kỹ lưỡng từ lâu, mãi đến năm 1958 mới cụ thể hóa mà thôi.

C.— PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VÀ NHÀY VỢT.

Đầu tháng 8 năm 1958, sau khi Mao-Trạch-Đông đích thân chỉ đạo phong trào « công xã », liền lập lần đầu tiên tại huyện Từ-Thủy tỉnh Hà-Nam, liên tiếp đến các cuộc vận động gặt gao « công xã hóa » các tỉnh trên lục địa Trung-Hoa, ngoại trừ Tây-Khang và Tây-Tạng. Phương pháp tiến hành mỗi nơi mang ít nhiều tánh chất khác nhau tùy hoàn cảnh địa phương, nhưng đâu đâu cũng đều áp dụng một nguyên tắc như nhau, gồm có những điểm sau đây:

1.— Phương pháp tổ chức « xã »

Phương pháp « tuyên truyền giáo dục », « điều hòa cổ động » và « phát động nhập xã » cùng tiến một lượt. Tiến hành thì triệt để sử dụng nguyên tắc « nhứt điểm lưỡng diện », một mặt đối với bản thân cán bộ và

đảng đoàn viên Cộng sản, một mặt đối với quần chúng nông dân.

Đối với cán bộ, đảng đoàn.— Học tập công văn, chỉ thị, quyết nghị của Trung ương Đảng làm nội dung chủ yếu. Các cấp đảng ủy triệu tập học hỏi, thảo luận để thấm nhuần tư tưởng « nhân dân công xã ». Và cũng do các cấp đảng đoàn, cơ cầu chính phủ thành lập văn phòng « nhân dân công xã » điều động, phân phối một số lớn cán bộ đến các làng công tác « tuyên truyền, giáo dục » nông dân. Trong lúc tiến hành công tác, các cán bộ đảng chọn lựa trong số nông dân những phần tử tích cực cho vào tổ chức đảng đoàn và tiến hành từ từ công tác « công xã » trong quần chúng nông dân, để nhận thức « hợp xã », « chuyển xã » gọi là « nhu cầu kiện xã ».

Trái qua thời kỳ tiệm tiến, những phần tử gọi là « nông dân tích cực » phải hợp với các đảng đoàn giác ngộ quần chúng cơ bản, làm thế nào cho họ tự giác, xung phong đến thượng cấp, tự nguyện (?) ký tờ gia nhập phong trào « nhập xã ».

Hành động quý quyết này gây một ảnh hưởng mãnh

NHÂN DÂN CÔNG - XÃ LÀ GÌ ? — NHÂN DÂN CÔNG - XÃ LÀ GÌ ?

liệt trong số quần chúng nông dân bị bắt buộc, không thể nào không tham gia phong trào « công xã » được mặc dù họ ở trong tình trạng lỡ khóc, lỡ cười, sông dờ, chết dờ.

Đối với nông dân.— Sự thật chứng minh rằng nông dân ở Trung Hoa lục địa ngày nay không còn quyền tự do lựa chọn đường lối nào khác ngoài con đường mà Công-sản đã vạch sẵn. Trong các vùng nông thôn trung trong đảng bộ Cộng-sản Trung Quốc còn dùng những biện pháp cứng rắn, gặt gao, khủng bố tinh thần làm cho nông dân không thể nào kháng cự lại chính quyền Cộng sản. Đâu đâu, đều thấy những biểu ngữ « Nhân dân công xã tốt hơn nông nghiệp xã », « cán hay không cán gom thành xã lớn ? », « cán hay không cán lập công xã ? », « có hoàn tất nhân dân công xã không ? » Những biểu ngữ ấy là phương châm học tập, sanh hoạt nông dân nhằm mục đích tiến tới thi hành nghiêm khắc chế độ « nhân dân công xã ». Như vậy, thử hỏi có nông dân nào dám ngang nhiên phản đối, bảo rằng không cần lập « nhân dân công xã » chăng ? !

Kết luận chưa chắc rằng kế hoạch « nhân dân công xã » mà Trung Cộng chủ trương là một bản án tử từ đối với nông dân, đã sắp đặt chu đáo từ trước. Hay nói cách khác, hình thức biểu hiện nông dân tự xã mới đưa cho Cộng sản kéo đi chớ không phải Cộng-sản xô mũi nông dân !!!

2.— Những bước nhảy vọt trong kế-hoạch « nhân dân công xã »

Trong quá trình tổ chức « nhân dân công xã » gồm có 4 trọng điểm cơ bản thúc đẩy phong trào nhảy vọt :

— Thứ nhất gọi là « thí điểm », dùng huyện làm đơn vị. Kế-hoạch thí nghiệm cũng được gọi là « thí điểm sáng tạo » hay « kiến lập nhân dân công xã điển hình ». Thí điểm cơ bản này là mục thước cho công tác phổ biến kiến lập « nhân dân công xã ».

— Thứ hai gọi là « đập giã từ ». Theo nguyên tắc ấy, cán bộ và nông dân phải tạo điều kiện hợp tác chặt chẽ trên phương diện nhận thức, quan niệm và tư tưởng phải thông nhất, đã phá những ý nghĩ bất mãn và hoài nghi đối với « nhân dân công xã ». Đồng thời phải cụ thể hóa trên vấn đề kinh tế và sanh hoạt sản xuất trong hợp xã để tìm một giải pháp có lợi cho chính sách Cộng Sản hầu thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thiết lập chế độ « nhân dân công xã ». Hay nói cách khác là chuẩn bị đầy đủ các điều kiện làm công tác kiến lập.

Dựa trên các trọng điểm cơ bản này, Trung Cộng phân tích nghiên cứu các điều lợi hại cho chính sách của chúng rồi mới tiến đến bước thứ ba gọi là « gom xã » và đợt thứ tư gọi là « chuyển xã ». Đó là công tác nhảy vọt trong chính sách bản cùng hóa nông dân thể hiện với hình thức « nhân dân công xã ».

Hệ thống tổ chức dựa trên các xã nhỏ làm đơn vị, gom nhiều xã nhỏ thành xã lớn cũng gọi là hợp xã do liên-xã

ủy-viên hội điều khiển. Dĩ nhiên các liên-xã ủy-viên được lựa chọn thành phần tích cực hoạt động cho kế hoạch « công xã » hoặc do các cán bộ đảng đảm nhận. Nhiệm vụ liên-xã ủy-viên hội không ngoài mục đích hoạt động dồn đống kê-hoạch, gom gộp các cơ sở nông nghiệp nhỏ, nắm lấy các khu canh tác với đôi sanh sản của các nông nghiệp xã nhỏ tiến lên cơ sở sanh sản lớn. Kế đó là công tác « chuyển xã » nghĩa là dự bị các điều kiện gom các xã lớn chuyển nhập « nhân dân công xã ».

Trong quá trình kế hoạch gom xã và chuyển xã, theo lý luận nhận xét căn bản của Trung Cộng là dựa vào bản nông, và hạ trung nông là hai thành phần giai cấp quyết định trong vấn đề phát động quảng đại quần chúng nông dân. Đồng thời họ kêu gọi sự đoàn kết của đại bộ phận thượng trung nông của xã lớn với tân công xã hầu khắc phục tính chất dao động của bộ thượng trung nông khác và phòng ngừa sự phản động phá hoại của giai cấp địa chủ và các phần tử phú nông. Sau khi kế hoạch được thi hành chu tất, mới phát động một phong trào nông dân tự nguyện xin chuyển xã là hình thức giao thời của « nhân dân công xã ».

D.— NHỮNG BƯỚC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO ? GẶP NHỮNG CHƯỚNG NGẠI GÌ ?

Các tỉnh ở Lục địa Trung-Hoa vì tình thế bắt buộc nên phải theo « bước nhảy vọt » và « tận lực tranh thủ ». Bởi thế Trung-Cộng phải dùng đủ thủ đoạn mạo hiểm, tàn nhẫn, háu tiền hành cấp bách cuộc vận động « nhân dân công xã ». Chỉ trong một thời gian ngắn, vấn đề « kiến xã » phát triển nhanh chóng với tỷ số 100 o/o.



1.— Căn cứ tài liệu thông báo chỉ đạo của Trung-Cộng thì bắt đầu tiên hành công tác vận động thiết lập « nhân dân công xã » tại các tỉnh Liêu-Ninh, Hắc-Long-Giang thuộc khu Đông Bắc, Hà-Nam thuộc Hoa-Trung, Hà-Bắc và Sơn-Tây thuộc Hoa-Bắc, An-Huy, Phước-Kiến, Giang-Tô, Chiết-Giang, Sơn-Đông thuộc Hoa-Đông; Hồ-Bắc, Hồ-Nam, Giang - Tây thuộc Trường-Giang lưu vực.

2.— Cuối tháng 8-1958, toàn tỉnh Hà-Nam đã thực hiện « nhân dân công xã hóa », kết quả với tỷ số 99 o/o. Tất cả nông hộ đều bị bắt buộc tham gia.

3.— Đền thượng tuần tháng 9-1958, toàn tỉnh Liêu-Ninh đã thực hiện xong « nhân dân công xã ». Các nông hộ tham gia lồi 90 o/o.

4.— Đền tháng 9-1958, các tỉnh Cam-Túc, Hồ-Nam, Giang-Tây, Chiết-Giang, Giang-Tô, Quảng-Đông, Phước-Kiến, Tứ-Xuyên, khu tự trị đồng tộc của Quảng-Tây, Hắc-Long-Giang, Hà-Bắc đã hoàn tất kế hoạch với tỷ số trên 90 o/o.

Còn các tỉnh Thanh-Hải, Thiểm-Tây, Sơn-Đông, Ninh-Hạ, Cát-Lâm, cũng theo lời tuyên bố của trung-ương đảng bộ Cộng-sản Trung-Quốc, thì trong vòng tháng 9 đến tháng 10 năm ấy, sẽ hoàn thành « công xã hóa » toàn bộ.

5.— Xúc tiến việc thi hành vận động « nhân dân công

NHÂN DÂN CÔNG - XÃ LÀ GÌ ? — NHÂN DÂN CÔNG - XÃ LÀ GÌ ?

NHÂN DÂN CÔNG - XÃ LÀ GÌ ? — NHÂN DÂN CÔNG - XÃ LÀ GÌ ?

xã » tại hai tỉnh Hồ-Bắc và Tân-Cương cũng đạt được kết quả trên 80 0/0. Ngoài ra hai tỉnh Vân-Nam và Quý-Châu lời cuối tháng 10-1958 sẽ thực hiện sơ bộ « công xã hóa ». Tuy nhiên, đối với hai tỉnh Tây - Khang và Tây-Tạng thì chưa thi hành được.

6.— Cuối tháng 9, toàn bộ lực địa Trung-Hoa đã kiến lập xong 23.397 « Công-xã ». Số nông hộ bị bắt buộc vào « công xã » chiếm tổng số trên 90 0/0, tính trung bình mỗi « xã » có 4.797 nông hộ.

Theo tài liệu thống kê của 18 tỉnh thì trong 5.538 « công xã » có những « công xã » dưới 5.000 nông hộ, có những « công xã » có 5.343 nông hộ, có những « công-xã » có từ 5.000 đến 10.000 nông hộ, cũng có làm « công xã » có từ 10.000 đến 20.000 nông hộ hoặc có những « công xã » có 51 nông hộ. Mỗi huyện thành lập một « công xã » lớn nghĩa là các huyện đều tổ chức xong « nhân dân công xã » liền xã. Đó là những con số kết quả trong năm 1958.

7.— Dựa theo tài liệu chính thức thống kê đã công bố hồi tháng 12/58 của cuộc thống kê, thì đến cuối tháng 10/58 toàn thế lực địa Trung-Hoa đã lập xong 26.425 « Công xã ». Trong số đó có đến 121.936.350 nông dân bị bắt buộc phá sản đã gia nhập vào tổ chức « nhân dân công xã » nghĩa là toàn thể nông hộ đều gia nhập « Công Xã » Thậm chí có hơn một ngàn bảy trăm vạn đến hai ngàn vạn nông dân không phải là nông hộ cũng bị cưỡng bách, gia nhập « công xã ». Trong số hàng vạn nạn nhân bị cưỡng bách ấy, có nông dân của hai thành phố Thượng-Hải, Bắc-Bình và nông dân các tỉnh Hà-Bắc, Sơn-Tây, Cam-Túc, Thiểm-Tây, Thanh-Hải, Sơn-Đông, Giang-Tây, Chiết-Giang, Hà-Nam, Hồ-Nam, Quảng-Đông và Đông-Bắc. Đông-Tam-Tỉnh 10 0/0 đều bị áp lực Cộng-Sản phải vào « Công-xã ».

Các khu tỉnh khác có lời 31 0/0 đến 70 0/0 bị ép buộc vào « Công xã ». Mỗi « Công xã » tính trung bình từ 5.000 đến 9.000 nông hộ. Riêng thành phố Thượng Hải số nông hộ lên đến mức tối cao là mỗi « xã » có 10.000 nông hộ.

Sự tổ chức « công xã » trong các khu vực nói trên đang ở trong tình trạng bừa bãi, lộn xộn nên nhiều nơi chỉ có hình thức, nhưng trên thực tế chưa thể kiến lập trật tự cần thiết, đảm bảo an ninh trước sự phản kháng của đa số quần chúng nông dân. Nhiều khu vực tương đối có trật tự chỉ độ 5 0/0, còn 95 0/0 đang ở trong trạng thái hỗn loạn.

8.— Căn cứ thống kê cuối cùng của tạp chí « Kinh Tế Đạo Bào » số 601 của Trung-Cộng xuất bản tại Hương-Cảng như sau :

— Các dân tộc trên đại lục Trung-Hoa có độ 99 0/0 tức là 12.690 vạn nông hộ đã tổ chức thành 26.500 « nhân dân công xã », trung bình mỗi « công xã » có 4.785 nông hộ. Đến cuối năm 1958, tất cả « nhân dân công xã » tại các khu :

— Các đơn vị công nghiệp	600 vạn
— Ruộng đất canh tác	80.000 vạn
— Phòng ăn công cộng	265 vạn

— Thác nhi viện và âu nhi viện 475 vạn

— Kính lão Viện, hơn 10 vạn

Phụ chú : Trước khi chưa thành lập « công xã » thì hợp tác xã nông nghiệp trên đại lục chỉ độ 70 vạn cơ sở.

Phần đông Kiều hộ (1) của tỉnh Quảng-Đông và Phước-Kiến phải nhập xã

Vấn đề gia nhập « công xã » của Kiều hộ trong hai tỉnh Quảng-Đông và Phước-Kiến là một vấn đề rất phức tạp và tế nhị nên được nghiên cứu kỹ càng hầu đạt phương pháp chỉ đạo, thực hành thích hợp mới mong đi đến những kết quả tốt. Trung-ương Cộng-sản Trung-Quốc kết luận rằng : « là một bộ phận của toàn thể nhân dân Trung-Quốc, dĩ nhiên lợi ích cục bộ phục tùng lợi ích chính thể và trong lợi ích chính thể tự nhiên bao gồm lợi ích cục bộ. Vì thế, vấn đề lợi ích cục bộ không thể xa rời lợi ích chính thể. Nếu chỉ nhắm vào lợi ích cục bộ mà không nhắm vào lợi ích chính thể, là nhận xét phiến diện mang nhiều tánh chất chủ quan, có nguy hại cho quyền lợi quốc gia. »

Với sự nhận định như vậy nên trong công cuộc vận động « nhân dân công xã » tại các vùng Hoa Kiều hải ngoại hồi hương, không có nguyên tắc nào khác biệt và gồm có những điểm sau đây :

1.— Theo lời tuyên bố hồi đầu tháng 11-58 của Đảng Cộng sản Quảng-Đông : « Nông nghiệp hợp tác xã nông thôn trong toàn tỉnh Quảng-Đông gồm có 25.450 cơ sở và đã biến thành 7.900 công xã nhân nhân ». Nông dân nhập xã chiếm tổng số nông hộ toàn tỉnh là 98, 5 0/0. Toàn tỉnh đã thiết lập xong 1.500 « hạnh phúc viện » có hơn 144.000 cụ già vào sanh hoạt nơi đây.

2.— Căn cứ tin tức ngày 7-11-58 do « Trung-quốc tân văn xã » của Trung-Cộng, khu Sán Đầu đã lập xong được 39.000 phòng ăn công cộng, hơn 24.000 nhà gội trẻ, hơn 1.700 nhà giặt ủi, giữ quần áo và 60 tiệm may y phục.

3.— Cũng tin tức ấy : « hiện nay ở thành phố Quảng-Châu đang tích cực tiến hành công tác chuẩn bị « thành trì công xã ». Phòng ăn công cộng đã được tổ chức khắp thành phố. Trong thành phố Quảng-Châu cũng lập được « phòng dục anh », « thác nhi sở » và « âu nhi viện » mỗi thứ hơn cả ngàn cơ sở. Số nhi đồng gởi vào các cơ cấu xã hội này hơn 14 vạn ».

4.— Theo lời công bố hôm đầu tháng 11-58 của Cộng-Đảng tỉnh Quảng-Đông : Tổng số dân bình hơn 15.290.000, so với tỷ số nhân khẩu trong tỉnh tức là 41, 9 0/0 gấp 10 lần so với số dân bình trước kia. Và cũng cho biết thêm : khu Trầm-Giang, những nam, nữ nông dân từ 16 đến 45 tuổi đều bị cưỡng bách gia nhập tổ chức dân binh.

5.— Theo tờ « Phước Kiến nhật báo » của Cộng-Đảng tỉnh này thì trong tuần tháng 10 năm 1958 tất cả nông dân

(1) Kiều hộ : gia đình của những Hoa Kiều hồi hương.

trong tỉnh Phước Kiển đã thực hiện cơ bản « công xã hóa » khu Trần-Giang (gồm có các huyện Tân Giang, Huế An, Đông-An, Nam-An, Bình-Đàm, Chương Châu, từ tháng 10, toàn khu đã hoàn tất kế hoạch dự định. Tổng số « công xã » được 104 cơ sở có hơn 1.007.000 nông-hộ nhập xã, tính trung bình mỗi « xã » gần một vạn nông hộ. Trong đó, cơ sở lớn nhất là « Liêu Tiên công xã » của huyện Huế An có 37.000 nông hộ. Huyện này có 16 làng, hơn 10 vạn nông hộ, 837 nông nghiệp xã tổ hợp thành 5 « công xã ».

Vấn đề chủ yếu là Hoa Kiều hồi hương ở miền Nam Phước-Kiến huyện Trần-Giang lập được 13 « công xã », tính trung bình mỗi « xã » độ 10.000 nông hộ, Huyện Nam-An 273 nông nghiệp xã, tổ chức thành 8 « công xã ». Tổng số nông hộ tham gia là 127.970 nông hộ, trong đó có 450 kiểu hộ đã trải qua 8 năm tự canh tác, nhưng gần đây cũng bị bắt buộc vào « công xã ».

6.— Ngày 30-11 đến 8-12-58 Cộng đảng Trung-Quốc mở cuộc hội nghị « công tác Kiểu vụ toàn quốc » tại Quảng-Châu có tiết lộ rằng: « trên Lục địa Trung Hoa có đến 99 0/0 kiểu hộ xin gia nhập « công xã ». Tình thế ấy, đặt cho Cộng-sản Trung-Quốc một vấn đề hệ trọng trong công tác Kiểu vụ.

Công tác chính xã trong tình thế hỗn loạn

Do sự tiến hành mạo hiểm và cuồng nhiệt của Cộng sản Trung-Quốc trong công tác « kiến xã » nên họ vấp phải những trở ngại quan trọng vì sự phản ứng của nhân dân nông thôn làm cho tình hình càng trở nên trầm trọng và hỗn loạn. Cộng Sản Trung-Quốc nhận thấy hiện tình trở nên nguy ngập nên tháng 12-58, Đảng bộ Trung-ương Trung Quốc mở cuộc khoáng đại hội nghị không ngoài mục đích kiểm điểm tình hình và tìm giải pháp đối phó tại Tịnh-Châu, Võ-Hán và Bắc-Bình.

Trong cuộc hội nghị có các thủ lãnh chánh trị Trung-Cộng tham dự. Vì những sự kiện chính trị do phong trào

« nhân dân công xã » tạo nên mà Mao-Trạch-Đông phải từ chức. Sau cuộc hội nghị, những nghị quyết được lần lượt thi hành:

1.— Chánh sách « chỉnh xã » được nghị quyết chủ yếu và áp dụng trong thời hạn chót đến tháng 5-1959. Rời toàn bộ lực lượng nhằm vào vấn đề kiện toàn, củng cố các « công xã » đã có.

2.— Tạm hoãn thực hành « nhân dân công xã » ở thành thị.

3.— Dựa theo nguyên tắc « tam hóa » đã ấn định (tổ chức quận sự hóa, sanh hoạt tập thể hóa, hoạt động chiến đấu hóa) nay căn cứ vào tình hình mới, phải thêm một nguyên tắc mới là « quản lý dân chủ hóa ».

4.— Gấp rút tổ chức « vạn nhân kiểm tra đoàn » thâm nhập nông thôn thực hành công tác « chỉnh xã » phải hợp chặt chẽ với các bộ phận võ trang tiến hành kế sách.

5.— Áp dụng triệt để phương pháp « chỉnh túc », mục tiêu chính yếu là thanh trừng, đàn áp giết chóc các phần tử phá hoại, ngoan cố có hành động chống « công xã ». Đi đôi với công tác « chỉnh túc » phải tiến hành cái mà Cộng sản gọi là « xã hội chủ nghĩa giáo dục » để xoa dịu, mơn trớn nông dân.

Sau khi đọc xong những kế hoạch mà Trung Cộng đã sắp đặt như trên, chúng ta thấy rõ rằng chánh sách « nhân dân công xã » đang áp dụng trên Lục địa Trung Hoa vấp phải những trở lực nghiêm trọng mà họ phải giải quyết một cách cực kỳ khôn khéo không thể tiến triển mạnh mẽ như lời tuyên bố lựa bịp của họ.

Phong trào chống đối của nhân dân nông thôn dĩ nhiên bị Cộng sản đàn áp đến cực độ dã man. Nhưng dù sức chống đối có tạm thời « lắng đọng » đi nữa cũng chỉ một sự nghi « xả hơi » của nông dân để chờ dịp khác « quật khởi tận công » kẻ thù Cộng sản mà thôi.

H. H. và P. T.

« Chúng ta chưa đưa sự cố gắng của chúng ta ngang hàng với yêu cầu của tình thế. Cố gắng cho tư tưởng được thông suốt chính nghĩa, chính sách. Cố gắng khắc phục mọi nỗi khó khăn phải gặp trong lúc thi hành nhiệm vụ, khó khăn cản trở tác phong đạo đức, khó khăn phải gặp do hoàn cảnh cũng như do thù địch gây ra, khó khăn do nội bộ chia rẽ.

lời NGÔ TÙNG-THỐNG

TỪ CUỘC
SĂN BẮT

các

CHIẾN TỘI PHẠM
ĐỨC - QUỐC - XÃ

đến

ĐOẠN ĐẦU ĐÀI

HY VỌNG CUỐI CÙNG CỦA HIMMLER

HIMMLER đã không dám làm điều y tuyên bố với Bernadotte. Thay vì « về mặt Đông chiến đấu với Cộng-sản và... chết ở đó », tên trùm mật vụ S.S lần lút về miền Slesvig Holstein, gần Ploen, nơi trú đóng tạm thời của bộ Tổng tham mưu liên quân Đồng-minh Anh-Mỹ.

Trên bước đường bôn đảo, công lệnh của Hitler luôn luôn ám ảnh y :

« Trước khi chết, tôi ra lệnh thanh trừng Heinrich Himmler, nguyên chỉ huy tối cao mật vụ S.S. và bộ trưởng bộ nội vụ Đức quốc xã. Himmler và Goering, bộ trưởng không quân, đã bị hoàn toàn cắt mọi quyền hạn và chức vụ... vì chúng đã có những hành động phản bội Đức quốc: toan tính bí mật thương thuyết đình chiến với quân địch (Anh-Mỹ) và âm mưu phản loạn... »

LỜI NÓI ĐẦU. — Sáu năm trời gây chiến (1939 — 1945), lối cá thề giới vào vòng binh lửa tốc tang, Hitler với bọn tướng lãnh khát máu của y, Himmler, Goering, Doenitz, Ribbentrop, Keitel, Streicher v.v... đã phải đến tội ác.

Biết không thể trốn khỏi mạng lưới dấy đặc của liên quân Anh Mỹ giăng mắc, tên trùm Đức Quốc Xã đã phải tự vận trong hẻm kín dưới dinh Quốc Trưởng của y ở Bá Linh hồi 15 giờ 30 ngày 30-4-1945.

Hitler chết, chằm dứt chề độ độc tài tàn bạo, một chề độ chỉ có bán giết, chỉ có những trại tập trung, những phòng hơi ngạt, những lò đốt người.

Hitler chết, Đức Quốc Xã đầu hàng không điều kiện, nhưng phe Đông Minh nói riêng — thề giới tự do nói chung — vẫn chưa thể ăn ngon ngủ yên vì còn bao nhiêu chiến tội phạm, tay chân của y trốn tránh ngoài vòng pháp luật.

Phe Anh Mỹ bèn tức tốc tăng cường đạo binh săn bắt chúng, những kẻ đã trợ Trụ vi ngược.

của LÂM - TÙNG - SINH

NUREMBERG

Đúng ra Himmler vẫn nuôi những hy vọng cuối cùng là được phe Anh Mỹ chấp thuận cho y được đứng chủ trương ký kết bản đầu hàng riêng biệt về mặt trận phía Tây. Y cũng còn hy vọng là sẽ được công-nhận thể chức quốc-trưởng của Hitler.

Nhưng, những hy vọng mong manh này của y đã tan thành mây khói :

1 Đại tướng Eisenhower đã không nghe, không biết đến tâm sự của Himmler

2.— Doenitz đã chính thức được Hitler đề cử chức cho thế vị ngôi quốc trưởng tân chính phủ Đức Quốc Xã.

Trong thời gian Himmler lén lút ở Slesvig-Holstein, thủy sư đô-đốc Doeniz có phát thanh bằng đài bí mật gọi y về Flensbourg đề cùng Doenitz bàn tính quốc sự. Nhận được tin này, Himmler ngại ngùng không muốn xuất đầu lộ diện, vì y hiểu cảm tình của Doenitz đối với y

cũng chẳng tốt đẹp gì. Có thể đấy chỉ là cái bẫy dè y chui đầu vào rọ dặng kẻ kia ám hại.

Nhưng y không thể không đến gặp mặt tân quốc trưởng Đức. Y bèn cẩn thận phòng bị bằng cách đem theo một số tướng lãnh S.S. thân tín và một đoàn tàu ngầm trang bị tối tân bí mật tới bao vây chung quanh nơi y sắp hội kiến với Doenitz.

Cuộc gặp gỡ giữa Himmler và Doenitz tại Flensburg không có điều gì đáng tiếc xảy ra. Himmler trầm lặng, ít nói hơn bao giờ hết. Y chỉ trả lời Doenitz những điều mà Doenitz hỏi về tình hình chiến sự và tình trạng quân lực Đức Quốc Xã hiện hữu.

Mãi sau, Himmler mới gượng lấy giọng vui vẻ chúc mừng Doenitz cùng tân chính phủ Đức Quốc Xã, rồi y phát biểu ý kiến :

— Tôi mong ông dành cho tôi lãnh nhiệm vụ thứ yếu trong chính phủ Đức hiện tại.

Nhưng Doenitz đã lắc đầu từ chối. Doenitz không thể, không muốn dùng những kẻ đã có một quá khứ làm chính trị trong guồng máy chính trị của ông ta. Hơn nữa, y còn không muốn « thấy mặt » những cựu tướng lãnh Quốc Xã nữa. Sở dĩ ông ta đòi Himmler tới là với mục đích cần thu thập một mớ tài liệu quân cơ và sẽ liệu bề thủ tiêu nếu... Himmler không biết lo xa.

Bị từ khước quá tàn nhẫn, Himmler không hề sự buồn bã và tức giận kẻ « tiêu nhân đặc thế » lộ trên nét mặt, y hơi cau mày, nói :

— Dù sao, bọn thắng trận cũng còn cần tới tôi. Giám điệp Gestapo và mật vụ S.S. sẽ còn tiếp tục hoạt động mãi trên lãnh thổ Đức cũng như khắp vùng Trung-Âu, theo quyền lệnh tối cao của cá nhân tôi. Chúng đã, đang và sẽ chỉ ở dưới quyền và nghe lệnh tôi thôi.

Biện luận khá khôi hài, cứng cỏi hão ấy của Himmler chỉ có giá trị đúng đắn được trong vòng hai giờ nữa thôi, vì ngay sau khi y từ giả Doenitz ra về, thì Doenitz đã cho thực hành ngay lệnh truy nã kẻ phản bội quê hương và cố quốc trưởng.

Khi tên trùm mật vụ S.S. đi rồi, Doenitz khẽ buông một tiếng thở dài không rõ vì vui đã « trút một gánh lo » hay vì buồn chưa « thanh toán được một địch thủ lợi hại ».

Mãi sau này, khi ra trước vành móng ngựa Nuremberg, thủy sư đô đốc Doenitz mới giải thích ý nghĩa của tiếng thở dài kia :

— Ở nếu lúc ấy, tôi mà biết rằng chính Himmler là kẻ đã mở rộng « chương trình lập trại tập trung, phòng hơi ngạt, hạ sát tập thể v.v.. » thì tôi đã, bằng bất cứ giá nào, chặn bắt hay xử bắn y rồi. »



HEINRICH HIMMLER

HIMMLER SA LƯỚI.

Đã không dám « chiến đấu đến chết với Cộng-sản », Himmler cũng không có « can đảm » ra nộp mình cho cơ quan Anh-Mỹ đang truy tìm y, dù y cũng đã tự biết rằng y hiện tại chỉ là một tên tội phạm quan trọng.

Hành động của y giờ đây cũng chỉ là hành động tầm thường của một kẻ gian ác gây tội lỗi rồi trốn tránh pháp luật.

Từ biệt Doenitz ra về, Himmler không quay lại Slesvig-Holstein nữa, y lần lút ngay ở Flensburg, trong nhà một cô nhân tình cũ. Một trung đội trưởng S.S. khai với nhân viên điều tra Anh-Mỹ rằng ông ta có gặp Himmler lần cuối cùng, ngoài đường phố Flensburg hôm 21-5-1945, nghĩa là 48 giờ trước ngày tân chính phủ Doenitz đầu hàng.

Ngay ngày hôm sau, 22-5, tất cả các nhân viên điều tra Đồng-Minh và hơn một trăm ngàn binh sĩ được báo động và phải ráo riết lùng bắt con mồi lớn Himmler, có lẽ còn đang lẩn quất trong mạng lưới của liên quân.

Thực thế, Himmler đang tìm cách vượt qua các hàng rào kiểm soát Anh-Mỹ, để trốn về một vùng chiếm đóng nào đó ở phía Tây.

Nhưng mạng lưới sẵn bắt tội phạm chiến tranh quá dày đặc nên tên trùm S.S. cũng không thoát khỏi bị thộp cổ, trong trường hợp y đã hóa trang dưới đây.

Có thể nói là Himmler đã hóa trang bằng một phương pháp quá tầm thường đại dột để toan qua mặt đối phương: Y cạo nhẵn râu cằm và dán một miếng vải vuông đen lên mắt trái giả làm chột. Y cần thận, làm một giấy thông hành giả mang tên Heinrich Hitzinger do cơ quan an ninh thuộc lực lượng cấp phát

Điều sơ hở thứ nhất của y là y quên rằng tất cả những nhân viên thuộc lực lượng quân Đức cũng như những người mang giấy tờ do cơ quan An ninh ngành này cấp phát đều bị liên quân Anh-Mỹ bắt giữ để tra cứu.

Len lỏi giữa đoàn người hàng chục ngàn vừa nam, nữ, già, trẻ gồm đủ các giai cấp sang hèn: dân tỵ nạn, thương binh, quân nhân giải ngũ, tù binh được phóng thích, thợ thuyền, ngoại kiều v.v... Himmler cùng hai tên bộ hạ thân tín (cũng giả trang thành thường dân) toan tính vượt qua đồn kiểm soát Meinstedt (Brême) do Anh quân trấn đóng.

Sau mấy tiếng đồng hồ « nổi đuôi », cũng tới lượt kẻ bôn đào Himmler xuất trình giấy thông hành.

Nhân viên kiểm soát nhìn kẻ mang căn cước Heinrich Hitzinger bằng những tia mắt đầy ngờ vực. Nhân viên này ra lệnh cho y đứng chờ ngoài cổng đồn.

Thoạt tiên, nhân viên đồn kiểm soát Meinstedt này cũng không ngờ rằng kẻ họ đang tình nghi lại là tên tội phạm quan trọng đang làm họ mất ăn mất ngủ.

Họ chỉ nghi ngờ y vì, trong thời buổi loạn lạc, tranh tối tranh sáng này, hầu hết những dân lành tỵ nạn đều đã bị lạc mất giấy tờ căn cước, thế mà tên Hitzinger lại còn được giấy tùy thân, mà lại là giấy thông hành mới, đầy đủ dấu và chữ ký của một cơ quan bị họ theo dõi nhiều nhất

Vài phút sau, nhân viên này trở ra mời tên « băng mắt trái » vào một xà lim cá nhân.

Thế là sự quá cần thận của Himmler đã phản bội Himmler. Tờ thông hành tai hại kia đã không cho phép y được thông hành. Y đã lầm lẫn, đã « lạy ông tôi ở bụi này »....

Vừa ngay lúc đó, hồ sơ tội trạng của Himmler được cơ quan phản gián Đồng-Minh kịp thời gửi tới đồn Meinstedt. Các sĩ quan chỉ huy đồn này bèn chăm chú đọc và họ cân nhắc: « Heinrich Himmler. . Hein-

rich Hitzinger. . cùng một họ, cùng một chữ H đầu tên, và nữa cùng một hình vóc, cùng một khuôn mặt. . . đúng rồi, đúng là nó rồi ! »

Ngay chiều hôm đó ba sĩ quan cao cấp ngành phản gián ở Flensburg vội tới Meinstedt để « thăm » kẻ tình nghi.

Tới nơi, ba sĩ quan phản gián này không phải mất công điều tra nữa, vì trước đó một giờ, Himmler đã yêu cầu được nói chuyện với thiếu tá trưởng đồn. Và y đã được chiều ý.

Trong phòng riêng của trưởng đồn, viên thiếu tá Anh hất đầu hỏi :

— Anh có chuyện gì muốn nói ?

Bằng một cử động khô khan, Himmler giơ tay gỡ miếng « vải băng mắt », giương đôi kính cận thị đeo lên và đập gót giày chào theo lối quân nhân :

— Tôi tự giới thiệu : Heinrich Himmler.

Viên thiếu-tá Anh làm một cử động bằng miệng : nuốt nước bọt, lặng im nhưng chăm chú. Tên chiến tội phạm tiếp :

— Việc cần kíp lắm rồi. Các ông phải cho tôi gặp mặt Thống chế Montgomery ngay đi !

Viên sĩ quan Đồng minh dẫn giọng :

— Được, tôi báo cho Bộ tổng tham mưu ngay bây giờ.

Và để chấm dứt cuộc đàm thoại không đúng lúc, ông ta gọi lính vào dẫn Himmler trở về xà-lim, không

quên ra lệnh cho tăng cường thêm lính gác.

Cho mãi đến bây giờ, người ta cũng không hiểu rõ vì sao tên trùm S.S. lại tự đứng xưng danh. Nhưng người ta cũng có thể đoán được tâm trạng của y là y còn hy vọng sẽ được thương thuyết với phe thắng trận.

HIMMLER QUA MẶT QUÂN ANH.

Ngay một lát sau, các sĩ quan bộ tham mưu Anh tới Meinstedt lãnh Himmler, giải về văn phòng bộ trú đóng ở Lunebourg. Thế là ước vọng được thương thuyết của Himmler đã hoàn toàn đổ vỡ.

Về tới Lunebourg việc làm đầu tiên của Anh quân là cởi hết y phục của tên trùm S.S. ra khám xét thật kỹ càng, từ gấu quần đến cổ áo. Sau nhiều giờ tìm kiếm, đại úy quân y Wells khám phá được một ống độc được dài 12 ly, to gần bằng điều thuốc lá giấu trong đáy một túi áo va-ơ (áo choàng). Xong rồi, đại



úy Wells phát cho Himmler một bộ quân phục Anh cũ kỹ để thay thế bộ đồ kia, và truyền lệnh giam y vào một căn gác sát mái nhà. Đến tối hôm đó, đại tá Murphy, nhân viên đệ nhị phòng của tướng Montgomery được lệnh tới Lunebourg để kiểm soát lại công việc khám xét con mồi lớn, và mở cuộc thăm vấn đầu tiên.

Sau khi nghe sĩ quan giám đốc trại giam báo cáo thủ tục thường lệ, đại tá Murphy hơi giật giọng:

— Ông đã khám xét người y, tôi biết điều đó. Có tìm được ống độc được nào không?

Viên sĩ quan giám-đốc đáp:

— Thưa có tìm được một ống trong túi áo va-rơ của y thôi. Khám xét rất kỹ càng, không có lý nào y có thể tự sát được..

Đại-tá Murphy tiếp:

— Tôi cũng hy vọng điều ấy. Nhưng ông có “xem xét” miệng y không? Không hả? Vậy ông phải làm ngay tức thì đi. Có thể cái vật tìm được trong túi áo chỉ là một mảnh khốe để qua mặt chúng ta thôi đấy.

Lập tức họ điệu ngay Himmler ra khỏi phòng giam, và bắt y há miệng nhưng không kịp nữa, hai hàm răng y nhai sạo sạo phát ra tiếng kêu tựa như tiếng cối xay lúa, và chỉ trong vài giây đồng hồ, người y đã cứng đờ, mắt y xéch ngược lên, từ từ xác y đổ vật xuống như một cây thật bị đốn ngã.

Đại úy quân y Wells, lúc ấy cũng có mặt trong văn phòng, vội quỳ xuống bên xác Himmler, thò tay vô miệng kẻ tự sát, định moi những mảnh thủy tinh còn dính lại.

Đại-tá Murphy tức giận, la hét âm ỹ.

Một y sĩ khác vội vã đổ cho người chết một liều thuốc ối mưa loại mạnh. Y sĩ này cũng dùng biện pháp rửa ruột cho Himmler, hy vọng sẽ cứu sống được con mồi. Nhưng cũng vô ích mà thôi. 12 phút sau, các y sĩ rút lui khỏi văn phòng giám đốc: Himmler đã thật chết rồi.

NĂM MỠ DÀNH CHO CON QUỶ HUNG ÁC

Trọn ngày 24-5, xác chết của Himmler vẫn bị bỏ tại nơi y đã tự sát. Hàng trăm binh lính Anh, và hàng chục ký giả, nhiếp ảnh viên đổ tới coi ngắm và chụp hình. Trong căn phòng đầy không khí « người chết », những người dự khán đều thấy ngột ngạt khi nhìn gương mặt lạnh lẽo của kẻ độc tài bài thiên chúa giáo, mãi cho tới khi ra khỏi nơi đầy « tử khí », họ mới cảm thấy được thở khí trời trong sạch. Có người đã nói: « Khi chết, tên đồ tề Himmler còn « thờ » ra sự ghê tởm và kinh hãi.

Bây giờ chỉ còn lại vấn đề vùi xác tên trùm mật vụ. Sau cùng thống chế Montgomery quyết định: tử thi của Himmler sẽ bị chôn tại một địa điểm bí mật, không được hưởng một chút nghi lễ quân sự hoặc tôn giáo.

Himmler tự sát bằng độc được sau khi bị quân Đổng-Minh bắt giam tại Lunebourg



Nấm mồ của y phải hoàn toàn không để lại một tàn tích nào, vì có thể sẽ có, trong hiện tại hoặc tương lai, những kẻ « ái Himmler » tìm tới phần mộ gây nên một phong trào khóc thương, cầu nguyện cho kẻ qua đời,

Rồi sáng ngày 26-5. một chiếc xe hơi chở xác Himmler vào một khu rừng nhỏ gần Lunebourg. Địa điểm này chỉ riêng có 5 người : một sĩ quan an-ninh phụ trách, một tài xế và 3 trung sĩ làm công tác đào hố được biết rõ mà thôi.

Kẻ chết vẫn mang nguyên bộ đồ lúc y tự sát : chiếc quần nhà binh Anh, chiếc áo ka-ki bẻ cò, đôi bút tất (vớ) của lực quân Đức..

Các quân nhân Anh ném tử thi Himmler xuống hố và lấp đất lại bằng phẳng đến nỗi sau khi họ đi rồi, không còn một dấu vết nào có thể cho biết nơi đây là mồ chôn kẻ sát nhân tàn bạo nhất trong lịch sử nhân loại.

Vài tuần lễ sau, báo chí Anh-Mỹ có đăng tải một tin tức sau cùng có dính líu tới tên trùm mật vụ Đức quốc xã : « Người Mỹ vừa khám phá được kho tàng riêng của Himmler chôn dưới một vựa lúa ở gần Berchtesgaden. Giá trị của kho tàng này lên tới một triệu Mỹ-kim, gồm các loại tiền tệ của nhiều quốc gia :

- 132 đô la Gia-Nã-Đại.
- 26.000 đồng liu Anh Cát-Lợi.
- 3.000 000 quan An-Giê-Ri và Ma-Rốc.
- 1.000.000 đồng Mác (Đức).
- 500.000 đồng Yen (Nhật Bản).
- 7.500 đồng liu xứ Pa-Lét-Tin.

RIBBENTROP ĐI ĐÂU ?

Vấn đề Himmler đã xong rồi, nhân viên truy tìm Anh-Mỹ đã rảnh tay, họ chỉ còn lo việc lùng bắt Ribbentrop, cựu bộ trưởng bộ Ngoại giao Đức quốc-xã nữa thôi. Tên chiến tội phạm này hiện ở đâu ? Y đang làm gì ? Đó là điều mà phe Đồng-Minh cần biết.

Nhà chức trách Anh-Mỹ biết chắc rằng, trong những ngày sau cùng của trận chiến, Ribbentrop còn lẩn lút ở vùng Flensburg, hay ít nhất cũng chỉ quanh quất gần đô thị này thôi. Vì khi Doenitz lãnh trách vụ tân Quốc trưởng Đức, đóng đại bản doanh tại Flensburg, y cố tìm kiếm một nhân vật Quốc xã, không có « quá khứ làm chính trị », để y giao cho nhiệm vụ đảm trách bộ Ngoại giao. Nhân vật ấy phải là một người không bị đối phương từ khước, nghĩa là phải có chút ít cảm tình sẵn với phe Đồng-minh và đủ tư cách để họ nhìn nhận là sứ thần Đức.

Hay tin này, Ribbentrop tìm đến xin tiếp kiến Doenitz, y nói :

— Tôi hiểu biết rành rẽ tất cả những nhân vật có khả năng đặc biệt có thể đủ để ông tin cậy giao phó nhiệm-vụ. Tôi hứa sẽ tìm được người mà ông muốn kiếm. Sáng mai, tôi sẽ giới thiệu với... quốc trưởng.

Qua bữa sau, y tiếp :

— Sau khi đã suy nghĩ chín chắn, tôi dám quyết rằng người có thể giúp... quốc trưởng đắc lực trong chức vụ bộ trưởng bộ ngoại giao ấy phải là . . chính tôi.

Doenitz đáp lời Ribbentrop bằng một cái nhún vai. Ribbentrop ngượng ngịu bỏ đi, bụng rủa thầm kẻ đã coi rẻ y.

Từ hôm đó, không ai thấy y qua lại trên đường phố Flensburg nữa

Nhưng có nhiều người đã nhìn được y lưu trú, ở Hamburg. Y mượn một phòng ngủ trên tầng thứ năm một tòa nhà sang trọng, và giả trang thành một nhà quý tộc để qua mắt nhà cầm quyền Anh.

Tuy Ribbentrop biết rằng y luôn luôn bị các nhân viên tình báo và điều tra Đồng-minh lùng kiếm nhưng y không mấy lo sợ vì tin rằng đã đánh lạc hướng được những người này. Y đã qua mặt họ bằng cách hóa trang y phục, đeo kính mát và nhất là cử chỉ dáng điệu đường hoàng, bình tĩnh mỗi khi có việc phải đi ngang phố phường. Và y đã thành công trong sự giả trang, che đậy tung tích thật. . . nếu không vì sự khoác lác dưới đây của y, thì chưa biết đến bao giờ y mới bị vào xà-lim.

Một bữa kia, y ra phố với ý định tìm kiếm một việc làm dặng khỏi bị dòm ngó về sự ăn không ngồi rồi, y vào một cửa hàng bán tạp hóa quen thuộc cũ và nói với chủ tiệm giọng hách dịch, lờ đời :

— Ông phải giúp đỡ, ủng hộ tôi. Trong bản di chúc để lại, đức Quốc trưởng có ủy thác cho tôi một sứ mệnh tối quan trọng. . . Nhưng tôi phải ăn mật cho tới lúc gặp thời cơ. . . Ông cứ tin rằng trong tương lai nước Đức chúng ta sẽ. . .

Nghe Ribbentrop nói, người chủ tiệm. . . trù trù suy nghĩ. Nhưng con trai của người này không « thông cảm » gì y cả. Anh ta chạy ngay đi báo sở Cảnh-sát.



(còn nữa)

KÍNH DÂNG ANH HỒN
CỐ ĐẠI-TÁ HOÀNG-THỤY-NĂM

Ôl dưng - liệt gương Anh hùng bất-tử !
Thơm sử xanh, trang hào- kiệt phi-thường
Trăng Xuân-Thu vĩnh viễn cõi nhân gian
Thì Danh-Tính còn huy-hoàng đất Việt

Vi chiến-sĩ sẽ muôn đời bất-diệt
Gương hi-sinh : Nhật-Nguyệt sáng thiên-thu
Một kiếp phù-sinh mà đẹp cơ đồ
Đường sự nghiệp bỗng chói lòa vinh-dự.

LÒNG son sắt thi gan cùng quý dũ
Giữa trùng vây nguyê-khí vẫn không sờn
Cùm kẹp chân tay không chuyễn can trường
Xương máu đỏ, vẫn coi thường bạo-nghịch
Phường nguy tặc cũng rùng mình khiếp nhược
Trước oai-linh người Quốc-sĩ vô song
Một phút sa-cơ gãy cánh chim Bằng
Mà uy-vũ vẫn ngời-ngời hiên hách
Mà tiết-tháo vẫn cang-cường bất khuất
Mà não cân vẫn sôi sục hờn căm
Vẫn ngang nhiên thống-mạ bọn vô-luân
Bọn vong-nô cộng phi vô thần
Phường quốc-tặc gian-mạnh đẩy tội ác !
Trời đất thê lương
Mây sầu nhật-nguyệt
Người Anh-Hùng đã chết dưới gươm thù
Hào-khí bùng sôi giòng máu trượng-phu
Đường tranh đấu nêu cao cờ chính-nghĩa.

CẢ dân tộc vội nghiêng mình ứa lệ
Khóc người Con, người Chiến-Sĩ kiên trung
Đã hi-sinh đền đáp nợ non sông
Bọn cộng nô cũng vỡ mặt, bay hồn
Cũng táng-đờm trước tấm Gương hiên-hách
Của chiến-sĩ không bao giờ khuất phục.
... Và danh tính sẽ lưu truyền sử-ngọc.

Tháng 10/61
HOÀNG-LONG



C
H
I
Ê
U

K
I
Ê
U

Thưa Quý Bạn

CÓ những giây phút trống rỗng giữa hai công vụ, Bạn ngồi không mơ màng ; có những buổi chiều nhàn du, Bạn đứng bên bờ nhìn dòng nước cuốn, Bạn dừng bước trong một cánh đồng lúa xanh ngát, Bạn cũng như chúng tôi đã thả hồn mong lại những ngày xa trôi tươi đẹp khi chúng ta tu nghiệp tại xứ người.

Được đặc ân của Chính Phủ, của ngành cho xuất ngoại tu nghiệp, chúng ta đã sống qua những ngày có thể nói là lịch sử cho đời chúng ta. Những ngày buồn vui lẫn lộn lo lắng chuẩn bị ra đi, những ngày bận rộn lo các thủ tục giấy tờ, lãnh chỉ thị của Thượng Cấp... Chúng ta đã sống qua những ngày nện mạnh gót giầy trên các đường phố của một Washington D.C. trang nghiêm với nhiều dinh thự lịch sử, những buổi chiều dạo các phố Tàu tại Nữ Ước, San Fancisco tìm lại hương vị Á Đông. Bạn chắc không quên được những chuỗi ngày man mác buồn sống tại Police College của rừng núi Mã Lai, cũng như Bạn đã thăm gặt lệ nhớ gia đình, dù Manila không thiếu gì những cuộc vui nghiêng ngả.

Từ những ngày ấy đến nay, sau khi về lại với non nước này, Bạn có khi nào đề cho lòng mình lắng xuống, tự kiểm thảo lại con đường mình vừa đi qua, vì nó phải khác con đường trước khi tu nghiệp.

Tôi tin rằng Bạn có những lúc bông bột hăng hái khi vừa trở lại quê nhà, chỉ mong sao sửa đổi cảnh tân được nghề nghiệp của mình với những điều học hỏi mới, nhưng vì bởi lý do này hay lý do khác, mộng đẹp của bạn chưa thành được.

Thành công hoặc thất bại, mỗi người trong anh em cựu Du Học Viên chỉ biết tự mãn hay âm thầm mong đợi trong khi lẽ ra thì chúng ta có thể đoàn kết với nhau đề trao đổi tư tưởng, kinh nghiệm hoặc nâng đỡ cho nhau hầu phục vụ một cách hữu hiệu và hợp lý hơn cho ngành, cho xứ sở.

Trên thực tế, các cựu Du Học Viên chúng ta thiếu liên lạc mật thiết với nhau. Đề thắt chặt tình giao hảo giữa các cựu Du Học Viên trong ngành, chúng tôi muốn từ nay chúng ta sẽ liên lạc chặt chẽ với nhau hơn đề :

- Thông báo cho nhau biết những tin tức tu nghiệp ;
- Trao đổi địa chỉ, chuyển tin tức giữa các cựu và tân Du Học Viên ;
- Tập trung những tài liệu chuyên môn do các cựu Du Học Viên gửi đến để đăng tải vào các tạp chí của Ngành ;
- Nghiên cứu những đề nghị, sáng kiến mà các Bạn cựu Du Học Viên đã thấu đạt được đệ-trình Thượng Cấp cứu xét.

Phòng Huấn Luyện chúng tôi sẵn sàng đón chờ những ý kiến xây dựng của Bạn trong vấn đề này.

Mến chào đoàn kết đề phục vụ.

NGUYỄN-VĂN-NGƯỜN

LÁ THƯ TU NGHIỆP

- BẠN MUỐN SOẠN THI NHẬP NGẠCH PHÓ THÀM-SÁT-VIÊN, THÀM-SÁT-VIÊN VÀ BIÊN-TẬP VIÊN.
 - BẠN THÍCH TRỞ THÀNH MỘT VIÊN CHỨC « TỰ PHÁP CẢNH LẠI » RÀNH NGHỀ.
 - BẠN CÓ TINH THẦN CẦU TIẾN ỨNG HỌC HỎI ĐỀ TIẾN BỘ THÊM.
 - BẠN MUỐN SƯU TẬP LOẠI SÁCH CHUYÊN MÔN CHO « TỦ SÁCH CACS » CỦA BẠN
- BẠN HÃY TÌM MUA QUYỂN**

HÌNH LUẬT GIẢNG TẬP

Do Ông ĐÀM-TRUNG-MỘC, Cử Nhân Luật Khoa

Giảng Viên Trung-Tâm Huấn Luyện và Tu Nghiệp Công-An Cảnh-Sát soạn thảo.

Sách dày trên 300 trang, in giấy satiné tốt, bìa offset 3 màu, nội dung phong phú, trình bày mỹ thuật, đã xuất bản trong tháng 10 dl 1961.

Giá mỗi quyển : 45\$00

NHIẾP - ẢNH TÀI - TỬ

(Tiếp theo trang 23)

c/ Mở máy ảnh để bắt hình

Sau khi trải qua các giai đoạn đo ánh sáng, nhằm chừng hình, điều chỉnh vật, tài tử chưa quen nghề có thể bị mỏi mệt, nên tới « giai đoạn quyết liệt » đã mất sự bình tĩnh, không còn kèm chế máy ảnh cứng được, rồi chụp ra những hình bị chao mờ, không rõ.

Muốn tránh được sự run tay không kèm chế được, ta sẽ vận máy ảnh vào chân máy hoặc là để máy ảnh trên một cạnh bàn, ghế đứng vững chắc, không gặp ghèn.

Người quen nghề sẽ kê máy ảnh vào mũi hoặc vào lòng ngực, tay kèm cứng nó và nín thở một chập ngắn khi bóp trập mở vật-kính.

Vì đèn chớp phải cháy lên một lượt với vật-kính đang mở để có ánh sáng rọi vào vật, ta phải kiểm soát lại việc gắn đèn chớp vô lỗ máy ảnh dành riêng cho sự nối liền ấy và dành đủ thời gian cho sự nạp điện vô hình đèn trước khi bấm nút máy để thâu ảnh.

III. - BÌNH LUẬN VỀ CÁC VIỆC LÀM ĐỂ NHIẾP ẢNH

Trước khi kết thúc và đề giúp các bạn tài tử mộ nghề nhiếp ảnh đề nhớ các công việc phải làm từ đầu

đến cuối cho khỏi phải thiếu sót, tôi xin lập một cuộc so độ đại khái giữa các giai đoạn tương tự nhau của việc vận 1 máy ảnh với việc làm thông thường đề lái 1 chiếc xe hơi :

CHỤP ẢNH

- a) Chọn phim
- b) Lắp phim
- c) Đạp nắp máy ảnh cho kín
- d) Đo ánh sáng
- e) Lựa độ chớp
- f) Nhắm chừng máy ảnh
- g) Vận số độ chớp trên máy
- h) Bóp nút mở trập vật kính máy ảnh
- i) Dùng đèn chớp để thêm ánh sáng ở chỗ tối và ban đêm
- j) Kèm máy cho cứng khi chụp ảnh

CHẠY XE HƠI

- a) Chọn loại xăng, nhớt
- b) Đổ xăng vô thùng xăng xe
- c) Đạp nắp xăng cứng
- d) Xem thiên văn trước khi đi
- e) Khảo cứu đường xá đề chọn tốc lực xe
- f) Sang số, đổi số, chọn tốc độ hạp với máy chạy
- g) Đạp embrayage đề rời gài số
- h) Đạp ga xăng cho máy kéo xe chạy
- i) Vận đèn xe cho sáng ban đêm hoặc khi có sa mù, mưa lớn.
- j) Kèm tay lái cho xe chạy ngay.

Nguyễn-Công-Chánh

LỄ MÃN KHÓA « ĐỒNG ĐA »

(Tiếp theo trang 11)

nhạc phụ nữ Trung Hoa Hội Tinh Võ biểu diễn, hòa tấu các bản mới cũng như các bản cũ đều du dương, khiến cho khán giả có cảm giác nhẹ nhàng mừng rỡ trông đến cảnh trí canh khuya trên bến nước Tô Châu huyền ảo !

Phần đơn ca có những bản đặc sắc do nhiều nam nữ ca sĩ có danh trong Đô thành trình bày rất hào hứng.

Phần độc diễn có màn «Tiết Đĩnh San thụ huấn» do một khóa sinh trình diễn khá buồn cười.

Phần ảo thuật do nghệ sĩ Lê-v. Quý trình diễn rất xuất sắc.

Phần vũ khúc có : Vũ khúc Châu Pha và vũ khúc Vọng Tô Châu do đoàn Hướng Đạo Cảnh Sát Đô Thành trình diễn ; Vũ khúc Tân Cương, Vũ khúc Thái Lan và vũ khúc Lão Năng Thiếu do Ban Tây Thanh trình bày rất hay, lạ với những nét độc đáo.

Phần kịch có màn kịch «cầm» « đánh cờ » do Ban Nhạc Kịch «Tinh Võ» diễn xuất rất được hoan nghinh.

Tuy không phải là kỹ giả chuyên về kịch trường, song lấy kinh nghiệm của một khán giả chú trọng nhiều về văn nghệ mà phê bình, so sánh thì thấy buổi trình diễn ca vũ, nhạc, kịch do các ban Tây Thanh, Tinh Võ và Đoàn Hướng Đạo Cảnh Sát Đô Thành cùng trình bày trong đêm liên hoan này, không kém gì các buổi Đại Nhạc Hội khác về phần cũng như lượng. Hơn nữa, còn có những nét đặc sắc ít thấy, mà khán giả hôm đó đã không tiếc lời khen ngợi, cổ vũ; kết quả đó đủ chứng minh rằng Ban Giám Đốc Trung Tâm đã có những vị rất rành về bộ môn văn nghệ vậy.

LỄ TUYÊN THỆ VÀ PHÁT BẰNG

Hồi 16 giờ ngày 16-10-61, một lễ tuyên thệ và phát bằng cho 24 khóa

sinh vừa tốt nghiệp đã được tổ chức tại giảng đường Trung-Tâm, dưới quyền chủ tọa của Đại-Tá / hó Tổng Giám-Đốc, đại diện Thiếu-Tướng Tổng Giám-Đốc Công-An Cảnh-Sát, cùng sự hiện diện của Ông Giám-Đốc Trung-Tâm và quý Ông Chánh-Võ thuộc Tổng Nha, Ông Giám-Đốc và Ông Tổng Thư-Ký Nha Cảnh-Sát Đô Thành.

Trước bàn thờ Tổ quốc, 24 khóa sinh vừa mãn khóa đứng thành hai hàng ở hai bên, hàng ghế sau các quan khách là các khóa sinh hiện đang tòng học thuộc 2 khóa VIII và IX.

Đúng giờ, Ông Chánh Văn-Phòng, Giám-Đốc Trung-Tâm Huấn Luyện Công-An Cảnh-Sát Trung-cấp Saigon đã hướng dẫn Đại-Tá vào giảng đường. Sau lễ chào Quốc kỳ và Suy Tôn NGŨ TỔNG THỐNG, Ông Phó Giám-Đốc Trung Tâm trình bày sơ lược về khóa học cũng kết quả kỳ thi mãn khóa và xin Ông Giám-Đốc đặt tên cho khóa VII này. Trước bàn thờ Tổ-Quốc,

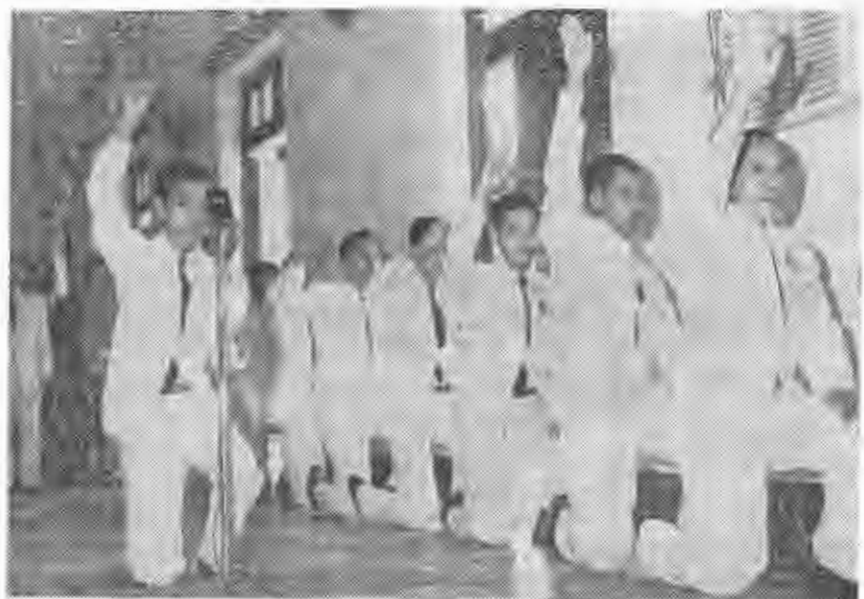
Ông Giám-Đốc đã long trọng đặt tên cho khóa VII là khóa «ĐỒNG ĐA», một cái tên lịch sử, kỷ-niệm trận kết liễu cuộc Bắc phạt của Quang Trung Hoàng-Đế, trận Đồng-Đa đã tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, giành quyền tự chủ, tạo nên một trang sử oai hùng của dân tộc. Khóa sinh tốt nghiệp khóa Đồng-Đa hẳn phải hãnh diện với cái danh hiệu này.

Tiếp theo, khóa sinh đầu thủ khoa lên điều khiển toàn thể khóa sinh khóa VII quý trước bàn thờ Tổ quốc để làm lễ tuyên thệ; với 5 điều minh thệ, khóa sinh khóa Đồng Đa đã cùng giờ cao tay « xin thề », tiếng hô mạnh mẽ rung chuyển bầu không khí trang nghiêm của buổi lễ và gieo vào tâm tư mọi người một niềm tin tưởng vô biên.

MỘT CUỘC PHÒNG VẤN... LỄ

Nói là phỏng vấn cho nó quan trọng đúng với công tác của phóng viên đó mà thôi; sự thực, sau đây chỉ là 3 mẫu chuyện « tâm sự vật » ngẫu nhiên lượm được trong khi tiếp xúc với ba khóa sinh: 1 đầu thủ khoa, 1 đầu bình và 1... bị rớt ! Câu chuyện tuy ngắn song ý nghĩa rất dài và chân thành bởi anh em khóa sinh « vô tình bỏ ngõ bầu » tâm sự nên kể « hữu ý » này mới thật được và kể hầu quý vị độc giả.

Lễ tuyên thệ của Khóa sinh khóa « Đồng Đa »



Với anh Thủ khoa NGUYỄN-XUÂN-TỐ

Trong khi mọi người đều chú trọng vào sân khấu với các màn ca, vũ hào hứng thì tôi lên ra ngoài, đi tuần khắp sân. Không hẹn mà gặp, tôi nằm ngay được anh thủ khoa giữa lúc anh đang đốc thúc anh em kiếm thêm ghế cho quan khách mỗi lúc một đông; vì có quen nhau trước nên anh vui vẻ cho tôi « bắt cóc » kéo anh ra gốc cây đề tâm sự, song anh không ngờ là tôi có « gian ý » phỗng vấn anh.

— Thế nào anh TỐ, hồi này còn làm thơ gởi đi dự thi trong các dịp đầu xuân như năm xưa không? Thủ khoa có khác! Trông anh « tươi » lắm!

— Thôi xin anh — TỐ đáp — làm thơ thì vẫn lai rai, không dự thi vì tự thấy giữa mình và Nàng thơ có vẻ « cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt » mất rồi! Hết học văn hóa, lại học chuyên môn, lúc nào cũng luẩn quẩn với những danh từ: tương hành vi toại, cố ý đã thương, trường hợp gia trọng, nội tuyến, phản gián v.v... thì còn đầu óc đâu mà « mần thơ »!

— Anh có tin tưởng rằng sẽ đậu thủ khoa không?

— Tin làm sao được! Đó anh coi, khóa sinh lớp này toàn là có văn bằng khá hoặc sẵn có kinh nghiệm về nghề nghiệp cả « Chơi » với anh em đâu có phải. để! Các môn học đã nhiều lại khó, phải thông suốt, không thể « bịa » được. Ngoài ra còn các môn như tác xạ, thể dục; thể thao, diu đô là phải tập, phải đổ mồ hôi lấy điểm số, lơ mơ là « bay kinh nghĩa » ngay!

Nhận thức như vậy tôi đã cố gắng hết sức mình, bỏ hết các mục lật vật, dồn hết tâm tư và sức lực vào cuộc chạy đua hào hứng này. Hôm nay nghe tin tôi đứng đầu danh sách, thực mừng quá xá! Không uống công « ba trắng dâng hóa » anh ạ. Tôi không dám tự mãn vì đậu trên anh em đâu, nhưng tôi mừng vì đã có một số vốn tạm đủ để thi hành công vụ cho hữu hiệu, khỏi bỡ ngỡ lúng túng trong trường hợp khó như trước đây.

— Cảm tưởng của anh ra sao sau ba tháng học tập?

— Tốt đẹp lắm anh ạ. Ban Giám-Đốc làm việc có phương pháp rất hoàn bị. Kỷ luật, đạo đức, tác phong là điểm quan trọng trước hết, « tiên học lễ hậu học văn » mà. Về phương diện giảng huấn tôi thấy rất phong phú và vững chắc, mỗi môn đều do một vị có khả năng và kinh nghiệm phụ trách. Chính ông Giám-Đốc dù bận nhiều công tác cũng giảng dạy môn tác phong Khóa VII này, Đại-Tá Phó Tổng Giám-Đốc cũng đến diễn giảng cho khóa sinh một bài về môn tinh báo với những kinh nghiệm dồi dào, rất bổ ích.

Không riêng gì tôi mà toàn thể khóa sinh khóa VII đều tỏ cảm tình lưu luyến nhà trường. Một vật kỷ niệm đầy ý nghĩa của khóa sinh lưu lại Trung-Tâm là một tấm gương (kiến) lớn cỡ 1m50x1m60 mà



chúng tôi đặt tên là « GƯƠNG TÁC PHONG » do anh em mua sắm gắn tại trước văn phòng Giám-Đốc, tấm gương đó có tác dụng để toàn thể khóa sinh cũ như mới soi chung, hàng ngày anh em soi gương sẽ tự kiểm điểm lại y phục và trau dồi tác phong, đạo đức cho xứng đáng một cán bộ gương mẫu. Thôi để khi khác, xin lỗi cho đệ đi tiếp khách.

Với một khóa sinh đậu thứ hạng

Nhìn y phục biết ngay là khóa sinh vừa ra trường, thấy anh đang nghèn cổ nghe nhạc, tôi đến bên làm quen, mời anh một điếu thuốc Ru-Bi, kéo anh ra sân cỏ đề... « khảo chuyện ». Không đề phí thì giờ, tôi nhập đề ngay.

— Khóa này anh đậu thứ mấy? Bao giờ về đơn vị, anh?

— Ngày mốt lãnh bằng, thứ ba tôi ra về anh ạ; tôi ở mãi Lục tỉnh về đây, ba tháng xa nhà; xa đơn vị tôi nhớ quá! Nghĩ đến ngày về lòng tôi rất vui, song nghĩ đến nhà trường, lòng tôi lại buồn ngùi nhớ tiếc tình thầy, nghĩa bạn... Kỳ này tôi đậu thứ hạng, tuy đậu mà lòng tôi rất bực bội vì thua kém anh em quá nhiều!

— Tại sao vậy? Tại anh hay tại Ban Giám-khảo?

— Tại tôi anh à! Tại tôi... « khinh địch »! Ở đơn vị là một tỉnh nhỏ, tôi được coi là một phần tử ưu tú của Ty nên có đôi chút tự mãn. Khi được cử về Trung-Tâm theo học, ý có vốn về kinh nghiệm nên tôi đặt nhẹ về phần lý thuyết Kỳ thi đệ nhất cá nguyệt để lấy chứng chỉ về Tư-pháp Cảnh-sát, tôi bị kém điểm, tôi giật mình bắt đầu cố gắng thi đã trễ, theo không kịp nữa.

— Anh tự giác như vậy là phải, tự mãn là một căn bệnh khá nguy hiểm cần sửa trị ngay. Theo ý tôi thì lý thuyết có vững thực hành mới chắc.

— Anh nói đúng, tôi quan niệm sai nên bị kém về môn này, hối không kịp! Tuy nhiên đậu là sướng rồi, đỡ buồn hơn mấy anh bạn đồng khóa của tôi kia kia.

Với một khóa sinh thi rớt

Theo tay anh bạn vừa chỉ, tôi trông ra góc sân chỗ tối, thấy một người đang ngồi bệt trên thảm cỏ, tôi lại gần thấy anh này đang ngồi « bó gối » đầu cúi xuống có vẻ tự lự! Tôi lại gần vỗ vai và niềm nở hỏi:

— Chào anh, thứ nhất đi thi thứ nhì câu cá, còn gì thú hơn cái phút « học rồi lại thi đậu » ó phải không anh?

— Thú cái « cóc khô » gì! Rớt còn thú!

— Ủa! anh bị rớt khóa này sao?

— Dạ ! rót hẳn hời, rót có giấy có tờ mà !

— Anh kém về môn gì mà đến nổi... rót !

— Tinh báo.

— Nghề mình môn tinh báo là quan trọng ngang với tư pháp cảnh sát, nếu không tinh tường thì có khi đi theo con gà lại bắt con vịt về, lòi thối lắm ! Sao anh lại không chú trọng ?

— Chú trọng lắm chứ, nhưng khi thì nó quên hoài ! Mấy môn đó tôi hơi yếu, các môn khác tôi «bảnh» lắm mà ! Tác xạ, anh biết không ? Tôi bắn thì «xuya» số đánh, bắn như cao bồi trong xi-nê-ma ! Nè, anh coi.

Anh nói và đứng lên làm điệu bộ nhảm, quay súng trông rất ngoạn mục. Lúc này tôi mới để ý thấy anh có thân hình cao lớn, vạm vỡ đúng là một «võ tướng» nên gạn hỏi :

— Khá lắm ! Ngoài môn tác xạ, anh còn bảnh về môn gì nữa ?

— Môn Diu đô ! Anh biết không ? Mấy cha mà cỡ như anh, gặp lúc giao đấu với tôi thì... vừa bái tỏ vừa run như... bị nóng lạnh ! Còn mấy cha mập mà đung độ với tôi hả, tôi chỉ đánh một miếng là té rất «ngon lành» trông thiệt mát con mắt ! ! Tuy bị rót thiệt, song tôi rất vui lòng vì đã học được môn nhu đạo này khá chu đáo, từ nay, tụi cao bồi, lưu manh. Cộng phỉ mà đung tôi thì nó «tận số rồi» Anh biết không ? Nếu bị bóp cổ thì mình gỡ thế này, đồng thời hoành thân «úynh» lại nói thế này là... nhào liền ! Anh xích, lại đây coi, nè...

— Ấy ! Chết ! chết !... thôi, thôi anh anh ơi ! tôi đang... nóng lạnh mà ! !

Để tránh một thế võ độc mà anh định thử, tôi vừa nói, vừa giạt lùi, đi một mạch tới 20 thước mới dám quay cổ lại, thấy anh ta còn đứng giạng hai chân, hay tay khuỳnh khuỳnh và lắc lắc cái đầu, có lẽ anh đang lằm bằm : «thằng cha này nhát quá ! cho thử chút xíu mà... «hồng có chịu» !

Riêng tôi vừa đi vừa lau mồ hôi và thầm nghĩ : cha này rót là đáng lắm !

Mùa Quốc-Khánh 1961

NGUYỄN-VĂN-CH



ĐỪNG LÊN THÔI !

(Đề kỷ niệm ngày Quỳnh-Lưu khởi nghĩa diệt Cộng)

Hỡi ôi !

Uất hận ngập trời !

Lệ tràn đất nước !

Giống Lạc-Hồng đau khổ đã bao phen !

Từ lập quốc

Trải ngàn năm lệ-thuộc

Gót bạo tàn giày xéo nát giang sơn

Từ bao năm dân Việt nuốt căm hờn

Quyết vùng dậy

Phá Tống, bình Chiêm

Bảo toàn bờ cõi.

Đây Trưng, Triệu, Ngô Quyền, Quang Trung, Lê Lợi

Đã từng phen quật khởi diệt tham tàn

Đây Trương-Công-Định, Phan-Đình-Phùng,

Sào-Nam, Tây-Hồ, Thái-Học, Cô-Bắc, Cô-Giang

Đã vùng dậy đuổi thực-dân phong-kiến

Và bọn tay sai táng đờm kinh hờn !

Nay bọn tam-vô cường bạo

Chia cắt giang-san

Một giòng Bến-Hải

Đời ngả Bắc Nam !

Đất Bắc từ sa vòng quỷ đồ !

Khắp bốn phương trời ngập oán than !

Nông-thôn thành-thị điêu-tàn

Dân công đấu tử chết oan bao người !

Hỡi người dân Việt !

Giống Lạc-Hồng ơi !

Đứng lên thôi ! Đứng lên thôi đợi gì ?

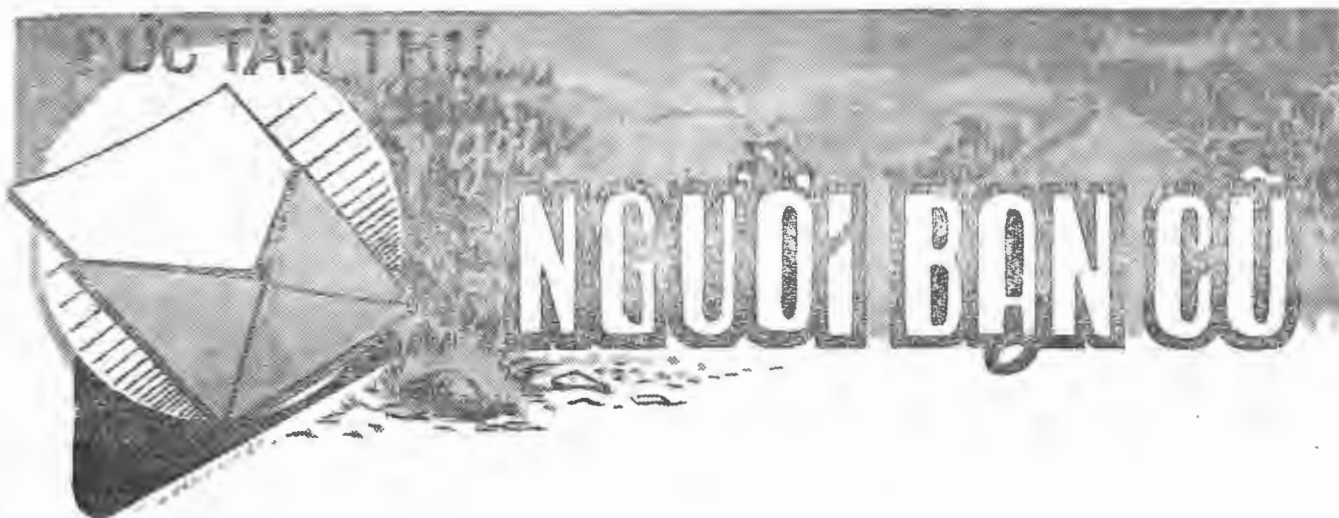
Đứng lên diệt cộng ta đi !

Giang sơn thống nhất công ghi muôn đời.

Quỳnh-Lưu gương sáng ta noi !

Quỳnh-Lưu anh-dũng muôn đời sử xanh.

TRẦN-ĐÌNH-TRUNG



Bạn,

Lại một tháng 11 nữa đến với chúng ta.

Một tháng 11 với ngày mừng 4, ngày Quốc tế chống Cộng sản, ngày kỷ niệm cuộc chiến đấu anh dũng của những chiến sĩ Tự do tại Budapest, tại Quỳnh Lưu đồng loạt đứng lên bẻ xiềng xích độc tài Đổ. Trong ký ức của mọi người tự do trên thế giới nói chung và trên giải non sông gấm vóc Việt Nam nói riêng, ngày 4 tháng 11 không bao giờ phai mờ vì chính là ngày ngọn đuốc tự do rực sáng rọi thấu mọi tâm hồn có một đức tin mãnh liệt ở lẽ phải và dũng cảm chiến đấu cho lẽ phải.

Nhưng, thưa bạn, riêng ở Việt-Nam trong tháng 11 lại còn có một ngày đã ghi bao kỷ niệm hừng khởi trong lòng những người trai dám chết sống vì lý tưởng Quốc gia, vì sự sinh tồn của dân tộc.

Bạn có nhớ chẳng ngày 19 tháng 11 năm 1954 ?

Vâng, tôi muốn nhắc lại với bạn — nhất sau khi là Tổng-Thống Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn thể lãnh thổ miền Nam — ngày 19 tháng 11 của chúng ta, ngày mà bạn cũng như tôi và bao nhiêu người bạn quốc gia khác đã thẳng được tự ty mặc cảm, dẹp được tự hiềm, thành kiến cá nhân, quyền lợi hẹp hòi đề trảm, ngàn tấm lòng cùng hòa một điệu hiến dâng cho Tổ quốc thân yêu.

Bạn,

Ngày nay dù bạn đang làm việc tại phòng văn hay đang lặn lội nơi rừng sâu núi thẳm, bùn lầy

nước động đầy hiểm nguy đề ngăn chặn làn sóng đỏ, dù bạn ở địa vị nào trong xã hội, đang giữ một chức vụ cao trọng hay chỉ là một người dân thường không may mắn trong đời tư, nhưng nếu bạn là người của ngày 19 tháng 11 năm 1954 thì hẳn bạn không thể quên được một giai đoạn đen tối của Đất Nước mà chính chúng ta, nhờ nhận thức kịp thời, đã hành động không hề với tinh thần truyền thống của dân tộc Việt.

Có cần phải nhắc lại chẳng cái tình thế vô cùng bi đát gần như tuyệt vọng của miền Nam sau khi bọn Việt Cộng vong bản bắt tay với Thực dân ký kết hiệp định Genève, cắt đôi đất nước Việt Nam ?

Có cần phải nhắc lại chẳng sự hoang mang cực độ của dân chúng trước những âm mưu sâu độc của Thực dân, sự phản bội trắng trợn của Việt Cộng vì sự hèn nhát của nhà cầm quyền lúc bấy giờ cùng một số chính khách tự nhận là quốc gia nhưng đã đầu hàng hoàn cảnh, trốn chạy ra ngoại quốc đề mong sự an thân, hưởng lạc ?

Có cần phải nhắc lại chẳng, trong tình thế nước sôi lửa bỏng, vận nước ngửa nghiêng như thế, chỉ có Chí sĩ NGŌ ĐÌNH-ĐIỆM là vị anh hùng dám đương đầu với sóng to gió mạnh, lèo lái con thuyền Việt Nam ?

Và có cần phải nhắc lại chẳng trạng thái tinh thần trong lúc đó của chúng ta, những người trai nước Việt nặng nợ núi sông, nhận thức được tình thế, ý thức được nhiệm vụ, nhưng vẫn thấy mình bé nhỏ trước đại họa của dân tộc ?

Phải, trong tình thế năm 1954, từ cá nhân riêng rẽ chúng ta cảm thấy đại cuộc như đã hỏng vì sự chiến đấu đã vượt quá sức mình. Nhưng một sức mạnh thiêng liêng đã thúc giục những đứa con tâm huyết nặng tình Đất Nước tìm gặp nhau trong nỗi niềm đau khổ. Từ các nơi, những người bạn Nam, Trung, Bắc của chúng ta quy tụ về miền duyên hải. Rồi sau những cuộc hội ngộ trên dãy Trường Sơn hùng vĩ ở một tỉnh nhỏ bé miền Nam Trung Việt trong những đêm sao mờ, sương lạnh mà bao tâm hồn phải thồn thức trước quốc nạn, máu hận thù Thực Cộng nơi chúng ta lại sôi sục như mặt nước Thái Bình Dương dậy sóng. Bao nắm tay gân guốc nóng hổi xiết chặt nhau ; lời thề sông núi đánh thép đã ngân vang qua núi rừng, giữa bầu trời cao rộng :

« Quyết chết để giành cái sống cho dân tộc »

Chúng ta đã thắng được tự ty mặc cảm !

Chúng ta không phải là những kẻ bé nhỏ.

Chúng ta đã tung mình ra lãnh lấy trách nhiệm trước lịch sử vì, qua những ngày hoang mang trước tình thế ngửa nghiêng của Đất Nước, chúng ta đã lấy lại được niềm tin : tự tin ở mình, tin ở sự trường tồn của dân tộc, tin ở tài đức của Chí sĩ NGÓ ĐÌNH-DIỆM.

Chúng ta đã quật khởi với lời nguyện của NGUYỄN-THÁI-HỌC 25 năm về trước :

« Không thành công thì thành nhân »

Và chúng ta đã thắng trong sự chiến thắng vĩ đại của Chí sĩ NGÓ ĐÌNH-DIỆM để rồi hòa mình với toàn dân trong công cuộc kiến quốc từ bảy năm nay

Nhưng lịch sử đấu tranh của dân tộc vẫn tiếp diễn. Ngày nay, Tò quốc của chúng ta lại lâm nguy trước họa xâm lăng của Đế Quốc Đỏ. Tiếng gọi của non sông lại nổi lên tha thiết hơn bao giờ hết, thúc giục

chúng ta phải quật khởi mạnh và mau để đổi phó với một tình trạng khàn cấp.

Bạn ơi,

Sự sống còn của dân tộc, của gia đình và của chính bản thân ta sẽ được định đoạt trong giai đoạn quyết liệt sắp tới.

Phải chăng đã đến lúc chúng ta không nên quá say sưa với những chiến thắng rực rỡ của quốc gia hiện nay mà quên hiềm họa tày trời đang kề sát cổ ? Vì chiến thắng hiện nay chưa phải là chiến thắng cuối cùng.

Phải chăng đã đến lúc chúng ta phải chiến đấu với tinh thần của ngày 19 tháng 11 năm 1954, chiến đấu thật sự, không phải chiến đấu bằng danh từ bằng tiếng nói suông, chiến đấu không chút vương đũa quyền lợi cá nhân, đảng phái, tự hiềm, chiến đấu với muôn vạn, triệu tấm lòng cởi mở, thông cảm bởi tình dân tộc đậm đà thắm thiết.

Bạn ơi,

Nếu chúng ta là muôn, vạn, triệu tâm hồn đều thông cảm sâu sắc được rằng :

« Nếu chúng ta không tiêu diệt Cộng sản nhất định Cộng sản sẽ tiêu diệt chúng ta và cả dân tộc Việt »

thì chắc hẳn mọi người sẽ quyết liệt trong cuộc chiến đấu sống chết với Đế quốc Đỏ để cứu Non Sông Việt và tự cứu mình.

Tiếng gọi Non Sông đang tha thiết !

Anh hồn của các chiến sĩ Dân Tộc đã hy sinh cho nòi giống Lạc Hồng đang phưởng phất đâu đây !

Lời tâm huyết xin kính gọi bạn cũ ở muôn vạn nẻo đường Đất Nước với tinh thần ngày 19.11.1954

Nguyễn Sinh

Ta cũng chưa nỗ lực cố gắng cho cân xứng với yêu cầu của tình trạng chiến tranh, chiến tranh đánh giặc chia rẽ nội bộ, chia rẽ đất nước ; đánh giặc chậm tiến ; đánh giặc cộng sản có phá hoại tất cả những gì không chịu nó và luôn luôn chia rẽ, chậm bước tiến của dân tộc, như ai nấy đều nhận thấy rõ ràng.

Lời NGÓ-TÔNG-THỐNG



MỘT LỜI CAM KẾT

TRONG dịp lễ Quốc Khánh vừa qua hầu hết các vị Quốc-Vương, Quốc Trưởng, Tổng-Thống, Thủ Tướng các quốc gia huynh đệ trong Thế Giới Tự Do đều gửi điện văn chúc mừng **NGỒ TỒNG-THỐNG** và dân tộc Việt-Nam, đặc biệt nhất là bức tâm thư của Tổng-Thống Huê-Kỳ bày tỏ mối thiện tình mật thiết và sự liên kết gắn bó giữa hai quốc gia Việt-Mỹ.

Tổng-Thống Mỹ đã ca ngợi tinh-thần dũng cảm của dân tộc Việt-Nam trong công cuộc tranh đấu giành độc lập, thiết lập chính thể Cộng-Hòa và xây dựng đất nước. Tổng-Thống Mỹ cho rằng tất cả những thành quả vĩ đại mà dân tộc Việt-Nam dưới sự lãnh đạo của **NCỒ TỒNG - THỐNG** đã thu hoạch được trong 7 năm qua là những kỳ công đáng tán thưởng nhất của kỷ nguyên hiện tại, Tổng-Thống cũng hòa mình với dân tộc Việt-Nam cùng vui trong niềm vui chung ấy và cùng san sẻ sự lo âu với dân tộc Việt-Nam trước hiểm họa xâm lăng ngày càng trắng trợn của Cộng sản. Và, với danh nghĩa là Tổng Thống-Mỹ, Tổng-Thống Kennedy đã long trọng cam kết rằng Hoa-Kỳ cương quyết giúp đỡ Việt-Nam duy trì nền độc lập, bảo vệ lãnh thổ Việt Nam Cộng-Hòa khỏi nạn xâm lăng của Cộng sản và tích cực giúp đỡ Việt-Nam phát triển nền kinh tế để nâng cao mức sống của nhân dân.

Lời cam kết danh thép trên đây của Vị Nguyên Thủ quốc gia Hoa-Kỳ là một khích lệ lớn lao không riêng cho dân tộc Việt-Nam mà còn gây thêm lòng tin cho tất cả các quốc gia trong Thế-Giới Tự Do vì Việt-Nam là một tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á, một phòng tuyến yết hầu ở Á-Châu và nếu phòng tuyến này mà bị chọc thủng thì sự tồn vong của Thế Giới Tự Do cũng sẽ lâm vào tình trạng vô cùng nguy hại.

Xác định lại lập trường của Hoa-Kỳ đối với Việt-Nam trong giai đoạn khàn cấp này, thật Tổng - Thống Kennedy đã làm một việc rất hữu lý và ý nghĩa. Dân

tộc Việt-Nam không phải chiến đấu lẻ loi, cả Thế Giới Tự Do sẵn sàng hỗ trợ và ủng hộ. Có chính nghĩa, với sự liên kết của Đồng Minh, chúng ta có thừa điều kiện để chiến thắng Cộng sản.

LẮNG LẶNG MÀ XEM CHÚNG GIẾT NHAU

Từ khi Cộng Sản xuất hiện trên mặt đất đến nay có lẽ chưa bao giờ trong nội bộ chúng lại lục đục và chia rẽ trầm trọng như hiện tại.

Không còn giấu diếm gì nữa, sự sức mẻ của hàng ngũ Cộng sản đã được biểu lộ một cách cụ thể trong kỳ đại hội quốc tế Cộng sản thứ 22 vừa qua. Những mâu thuẫn sâu sắc giữa Cút-Xếp và các đồng chí cũ của Staline đã bộc phát một cách công khai; những tên đảng viên kỳ cựu như Vorochilov, nguyên Chủ tịch hội đồng tối cao Sô Viết và Kaganovitch, Molotov, Malenkov, Boulganine, Chepilov, v.v. . đã liên kết với nhau bí mật liên lạc với 4 tên chủ tịch đoàn tối cao Sô Viết cùng Joukov, Bộ-Trưởng Quốc Phòng và 4 Bộ Trưởng trong Chính Phủ hiện hữu âm mưu đảo chính lật đổ Cút-Xếp. Molotov, nguyên Ngoại trưởng Nga sô hiện là Đại sứ ở Áo, đã đi tìm tự do và gửi thư về đại hội đề nghị sát và lên án Cút Xếp. Trước âm mưu đó, Cút Xếp cấu sừng đã hạ lệnh khai trừ và « trừ » tất cả những tên Cộng sản nói trên để chờ ngày thanh toán. Nhưng như thế vẫn chưa hả giận và để rửa hận vì những tên trên là bè cánh cũ của Staline, Cút Xếp đã ra lệnh quật mồ Staline không cho tống táng tại công trường Đò nữa.

Nội bộ Nga cộng là thế còn Nga cộng với Trung cộng thì cũng chống báng nhau ra mặt. Thay vì gửi một phái đoàn di phó hội, Trung Cộng chỉ cho một Chu ân Lai qua phá đám; trong lúc Cút Xếp khoát lác trên diễn đàn thì họ Chu ngồi cười ruồi xem ra có điều khinh bỉ. Đọc xong diễn văn, Cút được các đàn em vỗ tay hoan nghênh nhưng Chu vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Cút tìm đến bắt tay thì Chu đứng dậy thọc tay túi quần đi ra ngoài cửa; Cút đã kích Albania thì Chu lại hoan hô Albania và tố cáo Cút là đi sai chính sách; Cút mặt sát Staline thì Chu lại đến đặt vòng hoa trên mộ phần của Xít. Và trong lúc hội nghị còn đang tiếp tục thì Chu lại bỏ ra về không thèm dự hội nữa. Nội bộ Cộng sản đã khùng hoảng to rồi và trong tương lai chắc chắn còn lắm hồi gay cấn hấp dẫn..

Lẳng lẳng mà xem chúng giết nhau, xem đứa nào chết trước đứa nào sau. Và trâu bò húc nhau thì ruồi muỗi chết, không biết số phận bọn vong nô Việt Cộng rồi sẽ ra sao; một đảng theo Mao một đảng theo Cút, đám nào thắng đám nào bại? Có điều chắc chắn là trong

cuộc tranh chấp hiện tại, chúng sẽ được dịp giết nhau bằng thích.

VỘI GIẬN MẮT KHÔN

Thế là mối bang giao thân hữu giữa Cambodge - Thái Lan đã hoàn toàn đứt đoạn.

Cambodge đoạn giao với Thái Lan vì Thái Lan tố cáo Cambodge dung túng Cộng sản, để cho Cộng sản lợi dụng cửa ngõ Cambodge làm bàn đạp tấn công Thái Lan và xâm chiếm các nước láng giềng. Thái tử Sihanouk bực mình cho rằng Thái Lan gây hấn, giá họa vu oan, liền lập tức đóng cửa biên giới, cắt đứt liên lạc, triệu hồi Đại sứ ở Thái Lan về nước và xua quân ra biên giới rần rần. Thái tử đã tuyên bố công khai là nếu phải chọn cái chết hay làm chư hầu Cộng sản, Cambodge sẽ theo các nước xã hội chủ nghĩa. Thái tử cũng cho biết thêm rằng Cambodge không cần chống Cộng mà chỉ cần chống các nước láng giềng. Chống các nước láng giềng có nghĩa là Cambodge nhất định sống chết với Thái-Lan. Ngoài ra Cambodge còn gây chiến cả với Việt-Nam Cộng-Hòa nữa, chứng cứ là mới đây quân đội Cambodge đã kéo sang miệt An-Giang để lừa dân và cướp phá. Thái tử đã công-khai xác nhận là Thái-Lan,

Việt - Nam Cộng - Hòa và Tướng Phoumi Nosavang là những kẻ thù địch của Cambodge. Thái-Tử cũng công-kích Tây-phương, than phiền là Hoa-Kỳ viện trợ cho Thái-Lan và Việt-Nam Cộng-Hòa nhiều hơn Cambodge rồi hờn mát, Thái-tử tỏ ý là Hoa-Kỳ có thể ngưng viện trợ cho Cambodge. Thái tử còn dọa rằng nếu cần, Cambodge sẽ nhờ các nước thù của những kẻ thù, ủng hộ. Theo quan-sát-viên hiện có mặt ở Nam-Vang thì hình như Thái-tử đã yêu cầu Trung-Cộng đem quân vào Cambodge. Thái-độ nóng nảy vội vàng của Thái-Tử Sihanouk làm cho tình-hình ở Đông - Nam Á đã trầm trọng lại càng trầm-trọng hơn. Thái-Tử quên rằng Việt-Nam, Cambodge và Thái-Lan là những q ốc-gia đồng sinh đồng tử. Việt-Nam cũng như Thái-Lan không bao giờ muốn có những chuyện bất hòa trong tình bang giao huynh đệ, có lẽ đâu chỉ vì những sự mâu-thuẫn nhất thời mà trở nên thù-địch và xâu xé lẫn nhau để cho bọn Cộng-sản núp đằng sau võ bụng cười và nhẩy vào hưởng lợi.

Rước Cộng-sản vào nhà thì dễ, nhưng hễ đã vào được rồi thì có đuổi chúng cũng chẳng ra. Chính-Phủ Hoàng-gia Cambodge, nhân-dân Cambodge chắc đã hiểu như vậy!

Duy - Thanh

Còn gì nữa

ỦY HỘI QUỐC TẾ

(tiếp theo trang 8)

đình chiến ở Việt-Nam, mà Ủy-Hội đã bắt lực chú bỏ tay thì thật là một sự nhục nhã chua cay. Nếu Ủy-Hội cương quyết, vô tư, thực thi đúng quyền hạn của mình thì lẽ đâu một nhân viên của Ủy-Hội lại có thể bị tàn sát một cách dã man và dễ dàng như vậy. Thái độ thờ ơ lãnh đạm, thiếu trung thực, thiếu thiện chí của Ủy-Hội đã gây cho nhân dân Việt-Nam một cảm tưởng không tốt đẹp với vai trò quan trọng mà Quốc-Tế đã ủy thác và tín nhiệm nơi Ủy-Hội; nhân dân Việt-Nam lại càng căm phẫn, uất hận hơn, trước những luận điệu vô trách nhiệm, vô liêm sỉ của Phái Đoàn Ba-Lan, không những không thi hành đúng đắn sứ mạng lại còn thiên vị, bênh vực và che đậy những hành động còn dở trắng trợn của bọn Việt-Cộng. Và cũng chính vì sự thao túng của Phái-Đoàn Ba-Lan trong Ủy-Hội mà Ủy-Hội đã không làm tròn được nhiệm vụ và đúng với quyền hạn của mình.

Ngày 20 10-61 trong lúc đưa thi hài của Đại-Tá

Hoàng-Thụy-Năm, một chiến sĩ anh dũng của Thế Giới Tự-Do, đến nơi an nghỉ ngàn thu, nếu nhân dân Việt-Nam không ý thức được sâu sắc kỷ luật Quốc-Gia, hẳn Ủy-hội nhất là Phái-Đoàn của Ba Lan, đã gặp phải một vụ Majestic thứ nhì

Ủy-Hội hãy tự xét thái độ đó của Ủy-Hội có xứng đáng là đại diện cho hòa bình và công lý ở Việt-Nam không? Và nhất là trước cái chết bi đát của Đại-Tá Hoàng-Thụy-Năm, cộng-sự-viên của Ủy-Hội, Ủy-hội sẽ phải hành động thế nào để không tui vong linh một chiến hữu, đồng thời tẩy rửa cái vết ô nhục mà Việt Cộng đã bôi nhọ lên thẻ diện của Ủy-Hội?

Nhân dân Việt-Nam đang chờ đợi một sự giải thích rõ ràng của Ủy-Hội. Đối với Phái-Đoàn Ba-Lan tay sai của bọn Quốc-tế Cộng-Sản, sự im lặng của họ đã nói lên được nhiều ý nghĩa rồi, còn hai phái đoàn Ấn-Độ và Cia-Nã-Đại các ông nghĩ sao? D.T.

HOẠT ĐỘNG C.A.C.S.

Trong Toàn Quốc

Định Tường.— Ngày 12-10-61, hồi 8 giờ, Biệt Kích Đội Ty Công An Định Tường phối hợp với Bảo An và Biệt Động Quân 235 mở cuộc hành quân chạm súng với Việt Cộng tại ấp Long Thới, xã Long Hưng, quận Long Định (Định Tường)

Kết quả:— Ta bắn tử thương 3 tên Việt Cộng, tịch thu nhiều tài liệu. Bên ta vô sự.

Phước Tuy.— Ngày 12-10-61, hồi 19 giờ 30, Biệt Kích Đội Chi Công An Quận Đất Đỏ (Phước Tuy) có chạm súng với Việt Cộng tại ấp Phước Sơn, xã Phước Thọ thuộc quận nói trên.

Kết quả:— Địch rút lui, mang theo nhiều tên bị thương, bỏ lại 1 tư thi, 1 bao gạo, một số thực phẩm và truyền đơn. Bên ta vô sự.

Tây Ninh.— Ngày 13-10-61, Biệt Kích Đội Ty Công An Tây Ninh phối hợp với 2 Trung Đội Biệt Động quân mở cuộc đột kích vào nơi trú ẩn của Việt Cộng dưới chân núi Điện Bà thuộc xã Ninh Thạnh, Quận Phú Khương, Tây Ninh.

Kết quả:— Ta bắn tử thương 2 tên Việt Cộng, tịch thu được 1 súng trường « Đông Dương », 1 tiểu liên « Mat 49 » và 1 số đạn dược.

Bên ta vô sự.

Phong Dinh.— Ngày 9-10-61, Biệt kích Đội Ty Công An Phong Dinh phối hợp với Tổng Đoàn Dân Vệ mở cuộc hành quân có chạm súng với 1 toán phiến Cộng Phan Thành Kiến tại ấp Tân Phong, xã Phong Hòa (Phong Dinh).

Kết quả:— Ta bắn tử thương 9 tên tại trận, bắt sống 2 tên, tịch thu

được 1 tiểu liên Thompson với 1 băng đạn, 1 súng lúc Mac 50, 1 máy đánh chữ và một số tài liệu. Ngoài ra ta còn giải thoát cho 2 thường dân bị chúng bắt cóc đề tống tiền.

Bên ta vô sự.

Vĩnh Bình.— Ngày 16-10-61, Công An, Bảo An và Dân Vệ quận Cầu Ngang (Vĩnh Bình) chạm súng với Việt Cộng tại ấp Ba So, xã Hiệp Hòa thuộc quận nói trên.

Kết quả:— Địch rút lui mang theo 10 tên bị thương và tử thương, bỏ lại 7 tử thi, 6 quả mìn, 7 lựu đạn nội hóa và 1 lá cờ. Bên ta vô sự.

Biên Hòa.— Ngày 25-10-61, hồi 5 giờ, nhân viên Chi Công-An Thủ Đức (Gia Định) chạm súng với Việt Cộng tại ấp Tân Hoa, xã Đông-Hòa thuộc quận Dĩ-An (Biên-Hòa)

Kết quả:— Ta bắn tử thương 1 huyện ủy viên V.C. tên Nguyễn-Văn-Chăng tự Chín Chăng, tịch thu được 1 súng « Colt 12 » và 2 gắp đạn. Bên ta vô sự.

Gia Định.— Đêm 25-10-61, nhân viên Chi Công An Bà-Điền (Gia-Định) chạm súng với V.C. tại ấp Tây Lân, xã Tân Thới Nhứt, quận Tân Bình (Gia Định).

Kết quả:— Ta bắn tử thương 1 tên Việt Cộng và tịch thu 1 tiểu liên « Mat 49 ».

Bên ta vô sự.

— Cùng đêm nói trên, hồi 21 giờ nhân viên Cảnh Sát cuộc Quận 7 cũng có chạm súng với Việt Cộng cách công sở xã Bình Đăng, quận Bình Chánh (Gia Định) độ 3.000 thước

Kết quả:— Địch rút lui bỏ lại 2

tử thi, 1 súng trường « Mat 36 » và 2 viên đạn.

Bên ta vô sự.

Vĩnh-Long.— Ngày 22-10-61, Biệt Kích Đội Chi Công An Quận SaDEC (Vĩnh Long) phối hợp với Tổng đoàn Dân vệ An Thới và xã đoàn dân vệ Hòa Long và Hòa Thành mở cuộc hành quân, có chạm súng với Việt Cộng tại đình ấp Hậu Thành xã Hòa Thành thuộc quận nói trên.

Kết quả:— Ta bắn tử thương 2 tên Việt Cộng, bắt sống được 1 và tịch thu được 1 chiếc xuồng.

Bên ta vô sự.

Phú-Yên.— Ngày 16-10-61 Biệt Kích Đội Chi Công An quận Tuy Hòa (Phú Yên) phối hợp với Tổng Đoàn Dân Vệ mở cuộc đột kích vào nơi trú ẩn của V.C. tại bến Liên, thôn Hội Cư, xã Hòa Tân thuộc quận nói trên.

Kết quả:— Ta bắn tử thương 2 tên Việt Cộng, bắn bị thương 2, bắt sống được 14 tên và thiêu hủy 47 chiếc ghe

Bên ta vô sự.

Tuyên-Đức.— Ngày 15-10-61 Biệt kích đội Ty Công An Đalat phối hợp với Bảo An Sơn Cứu và thanh niên bảo vệ hương thôn quận Lạc Dương (Tuyên Đức), trong cuộc hành quân có chạm súng với Việt Cộng tại vùng B' Reun.

Kết quả:— Ta bắn tử thương 2 tên tịch thu được 2 tiểu liên Mat 49 và 1 số hình ảnh.

Bên ta vô sự.

Đalat.— Ngày 20-10-61 Biệt kích Ty Công An Đalat mở cuộc đột kích vào trạm liên lạc của Việt Cộng tại một khu rừng vắng.

Kết quả:— Ta bắn bị thương 1 tên Việt Cộng bắt được 1, tịch thu được 1 súng trường « Mas 36 », 20 viên đạn, 2 ba lô quân trang và một số tài liệu học tập.



— Hưởng ứng lời kêu gọi của NGÔ-TÔNG-THỐNG và Ủy-Ban Cứu-Trợ Trung-Ương nạn lụt, toàn thể nhân viên Công An Cảnh Sát các cấp đã tình nguyện quyên góp 1 ngày lương ủng hộ đồng bào nạn nhân.

— Ngày 15-11-1961, một Phái-Đoàn Công-An Cảnh-Sát Việt-Nam Cộng-Hòa gồm có ông Nguyễn-Văn-Hay, Chánh Văn-Phòng Nha Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An, Trung-Tá Trần Văn-Thường, Giám Đốc Nha Cảnh Sát Công An miền Bắc Trung-Nguyên Trung-Phần và Trung Ủy Nguyễn Văn-Tùng, Trưởng Ty Công An Phước-Thành, xuất ngoại viếng du quan sát. Phái đoàn sẽ hồi hương vào thượng tuần tháng 12 Dương lịch 1961.

— Trong tháng 10 vừa qua, Chi Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia Tổng Nha Công An Cảnh Sát đã lạc quyên trong nội bộ được một số tiền là 65.000đ để ủng hộ gia đình các đoàn viên bị hoạn nạn :

1/- Đoàn viên Lê Văn Vân thuộc Phân đoàn « Chính Nghĩa »

2/- Đoàn viên Trần Đức - Ước thuộc Phân đoàn « Đoàn Kết »

3/- Đoàn viên Bùi Văn-Vàng thuộc Phân đoàn « Trung Kiên »

4/- Đoàn viên Đồ Hữu - Hiệu thuộc Phân đoàn « Bác Ái »



Tin văn nghệ

Tòa Soạn **BẠN DÂN** được tin bạn Hoàng-Long đang sửa-soạn ấn hành Thi-Phẩm **LỬA-HỒNG** Là tác-giả những vở kịch thơ Tố Cộng : Người Thương Binh và Đường Gươm Bắc-Tiến, bạn Hoàng-Long sẽ hiến cho bạn đọc nguồn cảm khái hào-hùng qua những vần Thơ tranh-đấu.

LỜI CẢM TẠ

Cuốn « Hình-Luật Giảng-Tập » do chúng tôi biên soạn và do Trung-Tâm H.L. và T.N. Trung-cấp Saigon tích cực nâng đỡ và cho xuất bản, vừa in xong và đem phát-hành, thì không ngờ đã được quý bạn gởi thư hoặc trực-tiếp đặt mua rất nhiều.

Điều đó khiến chúng tôi vô cùng cảm kích. Để đáp lại tấm thịnh tình ấy, chúng tôi xin lợi-dụng mấy hàng báo này, để chân thành cảm tạ quý đơn-vị, quý cơ-quan, cùng quý bạn xa gần, đã nhiệt-liệt hưởng ứng và giúp đỡ như trên.

Chúng tôi lại đặc-biệt tri ân các Ty, Sở sau đây đã mua giùm một số rất lớn, vượt khỏi sự mong ước của chúng tôi :

— Trung-Tâm Huấn-Luyện C.A.C.S. Rạch Dừa	: 300 cuốn
— Cảnh-Sát-Cuộc Quận V Saigon	: 293
— Tòa Hành-chánh và Ty C.A. Phong-Dinh	: 114
— Ty Công-an Ninh-Thuận	: 103
— Ty Công-an Kiến-Hòa	: 100
— Sở Trung-Ương Tình-Báo Tổng Nha	: 87
— Ty Công-an tỉnh An-Xuyên	: 80
— Phòng Căn-Cức Tổng Nha	: 77
— Ty Cảnh-sát tỉnh Vĩnh-Long	: 60

Saigon, ngày 8 tháng 11 năm 1961

Soạn-giả Hình-Luật Giảng-Tập

BẠN DÂN XUÂN NHÂM DẦN !!!

Quý bạn đã thích thú với nội dung phong phú của **BẠN DÂN XUÂN TÂN SỬU**.

Quý bạn sẽ càng thích thú hơn với những đề tài ý nhị trong **BẠN DÂN XUÂN NHÂM DẦN** do sự công tác của nhiều cây bút hữu danh.

THỜI QUANG

ÔNG U. THANT ĐƯỢC BẦU LÀM TỒNG THƯ KÝ LIÊN HIỆP QUỐC

Ông U. Thant đã được Đại Hội
Đồng Liên Hiệp Quốc bầu làm quyền
Tồng Thư Ký L. H. Q. cho tới ngày
10-4-1963.

Ông U. Thant sinh năm 1909 là
một cố vấn thân cận nhất Thủ Tướng
U Nu (Miến Điện) và thường theo
ông đi dự các hội nghị Colombo và
Bandoeng và trong tất cả các cuộc công
du thế giới.

NGOẠI TRƯỞNG HOA KỲ TUYÊN BỐ - TÌNH HÌNH Ở VIỆT NAM RẤT ĐÁNG QUAN TÂM

Hôm 5-11-61, tại Hán Thành
Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, ông Dean
Rusk, đã tuyên bố « Tình hình ở
Việt-Nam rất đáng quan tâm ». Ngoại

Trưởng cho biết
tiếp : chính vì lý do
ấy ông phải trở về
Hoa Thịnh Đốn
để dự cuộc hội đàm
giữa Tổng Thống
Kennedy và vị Cố
vấn quân sự của
Tổng Thống là Đại
Tướng Taylor vừa
đi quan sát tình
hình ở vùng Đông Nam Á.

NHẬT BỒN CÓ THỀ XUẤT QUÂN TIẾP VIỆN VIỆT NAM

Phần lớn trong các giới nhân sĩ
Nhật Bản nhận rằng, về mặt địa lý
hai Quốc gia Lào và Việt Nam đều
gần Nhật Bản, lúc hữu sự thì Nhật
không thể ngồi xem ở bên cạnh.

Một bình luận gia quân sự cho
biết « Nếu Mỹ có lời yêu cầu Nhật
phái TỰ VỆ ĐỘI đến Nam Việt, thì
Nhật sẽ không từ chối » Đến cả Nghị-
sĩ Xã hội Nhật là Phi Điều Điền
Nhứt Hùng cũng bảo rằng : « hiện
Nhật Bản chẳng những là trạm bô

cấp và trang bị của Mỹ mà đến cả
việc TỰ VỆ ĐỘI Nhật cũng có thể tức
khắc xuất động trước tình thế hữu
sự của Nam Việt »

GIỮ BÍ MẬT VỀ MỌI QUYẾT ĐỊNH

Theo tin Mỹ, ngoại trưởng Rusk
từ Hán Thành trở về Mỹ sẽ cùng
Tổng Thống Kennedy nghiên cứu
bản phúc trình của tướng Taylor và
các biện pháp mà Mỹ sẽ thi hành ở
Việt Nam.

Về các đề nghị của tướng Taylor
và các biện pháp mà Mỹ sẽ thi hành
ở Việt Nam, phát ngôn viên Mỹ cho
hay là đều giữ bí mật.

*Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa tiếp Trưởng Phái đoàn Ngoại Giao
và lãnh sự đến chúc mừng nhân dịp Lễ Quốc Khánh 26-10-1961*



THỜI QUANG

ĐẠI TƯỚNG MAXWELL TAYLOR, CỐ VẤN QUÂN SỰ, ĐẶC ỦY CỦA TỒNG THỐNG KENNEDY ĐẾN VIỆT NAM

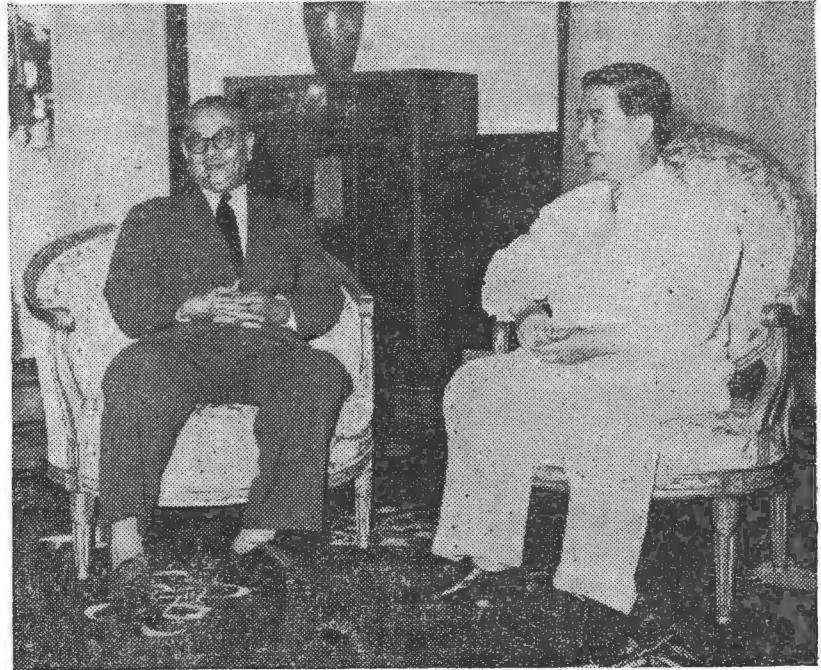
Ngày 18-10-1961, Đại Tướng
Maxwell Taylor cố vấn quân sự và là
Đặc Ủy của Tổng Thống Kennedy
cùng các vị tướng lãnh cao cấp thuộc
các ngành Hải Lục Không quân, các
yếu nhân của hai bộ Ngoại giao và
Quốc phòng Hoa Kỳ đã tới Việt-
Nam bằng phi cơ phản lực riêng của
Tổng Thống Kennedy.

Nhiệm vụ của Đại Tướng Taylor
sang Việt Nam Cộng Hòa là để quan

sát và nghiên cứu tại chỗ tình hình xã hội kinh tế và quân sự để tăng cường viện trợ hữu hiệu trên mọi lãnh vực cho Việt Nam Cộng Hòa có thể tiêu diệt nhanh chóng bọn Cộng sản đang tăng gia hoạt động quấy rối miền Nam

NHÂN DỊP LỄ QUỐC KHÁNH TÒNG THỐNG V.N.C.H TIẾP KIẾN CÁC TRƯỞNG PHÁI ĐOÀN NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ ĐẾN CHÚC MỪNG

Nhân dịp lễ Quốc Khánh Việt Nam Cộng Hòa, các vị Trưởng phái đoàn ngoại giao và Lãnh sự tại Saigon sáng ngày 26-10-61 đã đến Dinh Độc Lập chúc mừng Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Ông Vương Tử Kiện vị niên trưởng Ngoại giao đoàn nhiệt liệt ca tụng chí kiên quyết, tinh thần dũng cảm và sự sáng suốt của Tổng Thống Việt Nam



Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa tiếp Thủ Tướng Liên Bang Mã Lai ABDUL RAHMAN, tại Dinh Độc Lập ngày 24-10-1961

Tổng Thống V. N. C. H. tiếp Tướng M. Taylor tại Dinh Độc Lập hồi 14 giờ ngày 18-10-1961



Cộng Hòa trong việc lãnh đạo nước Việt Nam và tuyên bố rằng những đức tính đó của Ngô Tổng Thống đã khiến thế giới phải khâm phục.

THỦ TƯỚNG MÃ LAI VIẾNG THĂM VIỆT NAM

Ngày 24-10 Thủ Tướng Liên Bang Mã Lai, ông Abdul Rahman, đến Saigon để viếng thăm Việt Nam Cộng Hòa với tư cách riêng.

Thủ Tướng đã được Tổng Thống tiếp đón tại phi cảng Tân sơn Nhất.

Sau hai ngày viếng thăm Việt Nam, trước khi lên đường trở về Tân gia Ba, Thủ Tướng Liên Bang Mã Lai đã tuyên bố với các ký giả hồi tối 26-10: «Liên Bang Mã Lai tìm mọi cách giúp đỡ VN thực hiện hiệu».

LỄ BÀN GIAO CHỨC VỤ TÔNG GIÁM ĐỐC C.A.C.S GIỮA THIẾU TƯỚNG NGUYỄN - VĂN - LÀ VÀ Ô. NGUYỄN-VĂN-Y

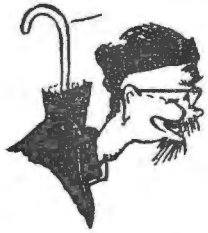
Tổng Thống V.N.C.H. vừa ký sắc lệnh số 220-NV ngày 9 - 11 - 61 cử Ông Nguyễn-văn-Y, Đặc ủy Trưởng Trung Ương Tình Báo kiêm nhiệm chức vụ Tông Giám Đốc C.A.C.S thay thế Thiếu Tướng Nguyễn-văn-Là

Lễ Bàn Giao chức vụ giữa quý ông Tân và Cựu Tông Giám Đốc đã được cử hành long trọng ngày 13-11-61 dưới quyền chủ tọa của ông Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

«Bạn Dân» kính chào mừng ông Tân Tông Giám Đốc và thành thật kính chúc Thiếu Tướng nguyên Tông Giám Đốc gặp nhiều may mắn trong sứ mạng mới.



id



Những mẩu chuyện

VUI... VUI...

Quen hơi

NHÂN buổi tiệc tiễn đưa một ông bạn được truyền chuyện về Huế phục vụ, tôi được nghe câu chuyện «QUEN HƠI» do ông bạn QUANG-NGỌC kể, xin «sao y chính bản» để công hiến bạn đọc. Xin thưa trước là câu chuyện xảy ra đã khá lâu.

— «Có một đôi bạn nời khò, nghĩa là thân nhau lắm, điều thuốc lá cũng «dít» mỗi người một hơi. Cả hai người cùng thờ chung nạng phù dung tiễn nữ. Bàn đèn thuốc phiện đặt giữa, hai người nằm hai bên, anh này tiêm cho anh kia hút bao giờ đủ «đô» thì lại thay phiên; có một điều khiến cho anh này lầy lăm lạp, cứ mỗi khi bạn anh kéo hết điều thuốc ngon lành thì lại móc trong túi hút một cái hộp bằng bạc nạm vàng chạm «lưỡng long châu nguyệt» đưa lên mũi hít một hơi thật dài rồi hai mắt lim dim khoan khoái. Anh ta đã được chứng kiến cái trò kỳ lạ ấy lâu ngày mà không muốn tò mò hỏi bạn, cho là bạn có thói quen buồn tay mạn mẽ chiếc hộp bạc đó mà thôi.

Nhưng một hôm bạn ngủ say, chiếc hộp bạc rơi ra ngoài, anh muốn tìm hiểu xem ở trong hộp đó có «chất» gì mà bạn lại đưa lên mũi ngửi sau khi hút hết điều thuốc, thì lạ quá, chiếc hộp đẹp đẽ và quý giá kia ở trong đựng một chất vàng vàng đặc sệt, có một mùi... như cóc chệt. Anh này không sao hiểu nổi và trí thông minh của anh cũng không sao vén được màn bí mật bao trùm quanh chiếc hộp bạc nạm vàng...

Bỗng nhiên, bạn anh chợt tỉnh, rờ túi thấy mất chiếc hộp vội ngồi dậy tìm bới lung tung.

Đã đến lúc anh này thầy cần phải hỏi bạn cho thỏa tính tò mò...

Anh bạn ngược ngừng nhưng đành phải tâm sự: Sở là hỏi còn đi học anh ta đã yêu ngọn đèn dầu lạc với thú «đi mây về khói» nhưng cha mẹ anh ta rất nghiêm khắc, ngoài giờ học không được đi đâu, con nghiện hoành hành, ngáp sái quai hàm, ngáp chảy nước mắt, không thể chịu được anh ta đánh chui vào nhà tiêu thiết lập bàn đèn, kéo vội mây khói cho «tứ chi» khỏi rời rạc.

Việc hút bí mật này lâu tới hàng năm cho đến khi các cụ «bề mặt» lúc bấy giờ anh ta mới ra «công khai», do đó chất «kit» mà bạn anh thầy đựng trong hộp nó nhiễm vào mạch máu, nó... «quen hơi» rồi, không thể thiếu được, nếu không có «nó», điều thuốc nhạt phèo...

Mọi người trong bữa tiệc cười nôn ruột cho là bạn QUANG NGỌC muốn «chửi xò» dân nghiện, nhưng bạn QUANG NGỌC cam đoan câu chuyện ấy có thật, nó thuộc vào loại «tiêu lâm thời đại».

của Xit Muối (Q. Ngãi)

Uống nước lã

CÁCH đây mấy chục năm khi Nho giáo còn đang thịnh hành, cha ông ta thường lấy câu thánh hiền ra «lên lớp» con em, tỷ dụ như: «ăn cơm gạo xấu, uống nước lã, khoan tay gỏi đầu» và đến bây giờ tôi không nhớ rõ của bậc thánh hiền nào, chỉ hiểu đại khái là khuyên ta đừng mưu cầu địa vị, ham danh lợi, nên an phận thủ thường, giữ cho khí tiết con người khỏi ô uế...

Nhưng mới đây tôi được tham dự một buổi nói chuyện công cộng tại Quảng Ngãi để cập đến đạo đức tác phong của người Công chức trong giai đoạn hiện tại, diện giá có lời trình bày duyên dáng và dùng một câu văn bóng bẩy, trào lộng, để ám chỉ một vài «ông» hay «uống nước lã» ở dưới góc dương liễu, trên bãi biển thơ mộng, bên cây cầu đỏ hay trong một vài quán nước có bóng hồng tha thướt. Cử tọa đều hiểu ngầm «uống nước lã» đây, không phải là «uống nước lã» chính hiệu ở trong chum nước, mà là «uống nước lã» với tất cả một sự bí mật ghê gớm và «uống nước lã» trong khung cảnh mê ly rừng rợn.

Rồi... người ta chia ra 3 loại thường lấy «nước lã», làm món gia vị hàng ngày.

Có loại «uống nước lã» công khai coi thiên hạ như «FA», loại đó thuộc vào bậc sư tử, trong người ít ra cũng có bảy thứ bùa hộ mệnh, nếu bị «phục kích» tại địa điểm «uống nước lã» tình thế có căng thẳng như thế sự Congo cũng hòa cả làng.

Loại thứ hai có đủ binh thư, chiến lược để dàn trận cho việc «uống nước lã» được hoàn toàn thắng lợi. Nếu bị trở ngại, người quái khách này rút luôn... thanh đoản kiếm ra thì oai để chiến trận đang bại chuyển thành thắng.

Còn loại thứ ba «uống nước lã» theo một đường lối mềm dẻo, lúc xuất trận cũng như lúc thu quân âm thầm lén lèo chuyên dùng kế hoạch nghi binh tìm địa điểm hẻo lánh để thu chiến lợi phẩm. Loại này không có «Mạc-đé-pô-xê» nên «đi hòa vi quý» ít khi bị lạm cảnh bỏ rập.

Còn riêng tôi tự biết mình vào loại «Các ké» nên chỉ dám «uống nước lã» tại gia vì «xăng Mạc».

QUANG NGỌC.

Kem Perlon

○ FLUOR

○ AMMONIUM

○ CHLOROPHYLL WITH SPEARMINT



T H N H C - V I I

T O I I - T A N

